

I THÁNG 8 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười hai

LÝ CHÁNH TRUNG cuộc cách mạng của nhà giàu *
ĐOÀN NHẬT TẤN những bước cần xét lại trên đường
cải cách thi cử * NGUYỄN HIỂN LÊ bài học Israel : đây,
một Kibboutz Maagan Miklael * TRẦN THÁI ĐÌNH khoa
nhân học cơ cấu của Claude Lévi Strauss * LÊ THANH
HỒ nhìn qua cuộc bầu cử Thượng nghị viện Nhật *
MINH QUÂN Henri-Dunant, bậc thiên-tài ân-nhân của
loài người * HUỖNH PHAN giáo sư trung học, anh
là ai * TỬ TRÌ những khuynh hướng của đời sống
chính-trị Pháp * BÙI ĐĂNG cúi mặt * BÙI KIM ĐÌNH
ngược chiều **SINH HOẠT** thời sự quốc tế * thời
sự văn nghệ * nhân cái chết
của một sinh viên * truyện một
người dân Tuyết-diêm Sơn-trà

278





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associé* :
— L-LYSINE
— VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
— PANTOTHENATE DE CALCIUM
— GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux-repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA** - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 278 ngày 1 - 8 - 1968

LÝ CHÁNH TRUNG <i>cuộc cách mạng của nhà giàu</i>	3
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>những bước cần xét lại trên đường cải cách thị cử</i>	11
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>bài học Israël : đây, một kibboutz Maagan Miklael</i>	17
TRẦN THÁI ĐÌNH <i>khoa nhân-học cơ cấu của Claude Lévi-Strauss</i>	26
LÊ THANH HỒ <i>nhìn qua cuộc bầu cử Thượng nghị viện Nhật</i>	33
MINH QUÂN <i>Henri-Dunant, bậc thiên tài ân nhân của loài người</i>	39
HUỶNH PHAN <i>giáo sư trung-học, anh là ai ?</i>	46
TỪ TRÌ <i>những khuynh hướng của đời sống chính trị Pháp</i>	54
BÙI ĐĂNG <i>cúi mặt (truyện dài)</i>	60
BÙI KIM ĐÌNH <i>ngược chiều (truyện)</i>	66
TỪ TRÌ <i>thời sự quốc-tế</i>	74
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	78
THẾ NHÂN <i>nhân cái chết của một sinh viên</i>	79

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa soạn :
160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 25 \$ Công sở Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

HỘP THƯ

— Tạp chí Bách-khoa đã nhận được những bài sau đây :

Lá cây của em ; Niềm hoài vọng của tuổi xanh (Hải-Vương). Cỏ cây Cung-Giữ Thanh-Phương) Hương xưa ; Ngày qua (Hải-Băng). Bích-Thủy (Hải-Châu). Người hát và bài hát ; Cánh hồng (Cung-Hồng-Vũ). Hường thương (Ngô-Việt-Đức). Di chúc viết khi còn sống ; Thơ cú đầu (Nguy-Ngữ), Quê nội ; Nhập cuộc ; Ở Đà-nẵng (Trần-thị Thái-Hòa). Giấc ngủ quê hương ; Ai mờ (Nguyễn-Phương-Linh). Căn phần (Diêu-Tổ-Hà). Nắng ; Viết từ niềm mong (Trần-Hữu-Nghiêm)... Chuông giáo đường ; Quận lý (Lương - Thái - Sỹ). Cảnh cũ ; Ngọn đèn (Tuy-Viễn). Cho những hận thù chưa phai (Nguyễn-Hoài-Sơn). Nắng ; Viết từ niềm mong ; Sỏi đá ; Cầm ; Viết từ trường Tâm Tuệ (Trần-Hữu-Nghiêm). Cho những ân tình phai ; Về những người con trai hôm nay (Nguyễn-văn Cát-Sơn). Mất mát ; Xô chiều (Lê-Ngã-Lễ). Bông mộng ; Nhìn rõ mặt người (Lê-Bá-Lãng). Đợi nắng (Chu-Ngym-Vũ). Vết thương tuổi mới (Nguyễn Tấn-g-Liên). Thử phác họa biện pháp văn hồi trật tự quốc-gia. (Trần-văn-Bằng).

Bài học Nguyễn-Khuyến ; Hòa-bình là nguyện vọng của nhân dân Việt-nam (Ngọc-Sâm).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào quá bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— Anh Vu-Đoài K.B.C. 4728 : Rất vui mừng nhận được thư của Anh, Võ-Phiến vẫn chưa tìm lại được tài liệu và giấy tờ. Chúng tôi gửi lời thăm anh và chúc anh mọi sự may mắn. L.C và V.P.

— Y-sĩ Hùng : Rất cảm ơn ông đã gửi cho hai bài về Bệnh thận và Bệnh tăng áp huyết, tiếc rằng những bài đó viết một cách chuyên môn quá nên không hợp với tạp chí Bách-Khoa.

— Thủy-Triều : Sẽ đăng "Viết cho học trò" còn "Nhật ký..." có những chuyện đã được nhắc đến nhiều rồi; chúc Anh luôn luôn vui mạnh.

— Văn-Lê-Thiên : Sẽ đăng "Một lần chiến bại". Mong có thêm những sáng tác khác.

— Ô. Chu - Ngym - Vũ : Đã nhận được "Đợi nắng". Sẽ đăng trong những số tới.

Cùng quý bạn đọc Bách-Khoa

Từ Tết Mậu-Thân đến nay, vì chiến-cuộc nên vật-giá tăng lên quá cao, đồng thời hoàn cảnh hiện tại cũng làm cho việc ấn-loát trở nên khó khăn và tốn kém gấp bội, bởi vậy muốn tồn-tại để tiếp tục phục-vụ bạn đọc, tạp-chí Bách-Khoa bố buộc phải tăng giá, kể từ số 279 ra ngày 15-8 tới đây, mỗi số lên 30 đ.

Tuy nhiên, cũng nhân dịp này, bắt đầu từ số tới, tạp-chí Bách-Khoa sẽ hoàn toàn thay chữ mới để các trang báo được sáng sủa đẹp đẽ hơn; mặt khác, về nội dung các bài cũng sát thời sự và thiết thực hơn, để xứng đáng với lòng tin cậy của bạn đọc suốt mười mấy năm qua và sự ủng hộ nhiệt thành của quý bạn, giúp tờ báo vượt được những chặng đường khó khăn từ trước đến nay.

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

Cuộc Cách-mạng của nhà 'giàu

1.— NHỮNG CHÂN TRỜI MỚI :

Vài năm trước đây, không nghe ai nói tới « Cách-mạng Mỹ ». Cuộc nổi-dậy của 13 xứ thuộc-địa Anh bên Bắc Mỹ-châu năm 1775, đưa đến sự thành lập nước Cộng-hòa Liên-bang Hoa-kỳ, là một biến-cổ quan trọng, có ảnh-hưởng gián tiếp đến cuộc Cách-mạng Pháp năm 1789, nhưng chính nó lại không được xem là « cách-mạng », ít nữa là theo nghĩa hiện-đại.

André Maurois, một ông Hàn có nhiều cảm tình với Mỹ, trong bộ sử rất hay của ông về Hoa - kỳ, đã cho rằng sự viện-trợ của Triều-đình Pháp trong cuộc chiến-tranh giành độc-lập của dân Mỹ là một yếu tố quyết-định để chiến-thắng người Anh, và đã kết-luận : « Đây không phải là một cuộc cách-mạng chánh-trị theo nghĩa cuộc cách-mạng Pháp, cũng không phải một cuộc cách-mạng kinh-tế theo nghĩa cuộc cách-mạng Nga. Những vị đại-biểu trong Quốc-hội đầu tiên (Congrès) bảo vệ những quyền tự do, nhưng đó là những quyền mà họ đã có sẵn từ đầu. Chỉ một vài nhân-vật như Jefferson là đã thấy được phần nào, ở tận chân trời xa thẳm, một chánh-sách cấp-tiến và nhân-bản. Còn những người khác, các nhà buôn ở Boston hoặc mấy ông chủ-điền Miền-Nam... thì chỉ ước mong rằng, sau cuộc chiến-

tranh, những công-dân Mỹ sẽ được tự-do như họ đã được tự-do trước khi vua Georges III lên ngôi. Họ không hề nghĩ đến việc mở rộng quyền đầu-phiếu hoặc giải-phóng những người nô lệ...» (1)

Đó cũng là kết luận của mấy ông thầy sử-ký của tôi hồi tôi còn đi học. Trong những bài giảng, đôi khi mấy ông cũng dùng chữ « Révolution Américaine » (Cách mạng Mỹ), nhưng đó chỉ là một cách nói cho gọn. Cho nên từ nhỏ tới lớn, tôi cứ đinh ninh là người Mỹ không có « làm cách-mạng » và khi nghiên cứu Cách-mạng, tôi không bao giờ đề ý đến nước Mỹ.

Nhưng cách đây ít lâu, nhân một câu chuyện về Cách mạng, một anh bạn, đã từng du học lâu năm bên Mỹ, có nói với tôi : « Trong lịch sử, chỉ có một cuộc Cách-mạng đã thành công, là Cách-mạng Mỹ. Thế mà chẳng ai thêm nói tới nó cả, thật lạ lùng ! » Câu nói này làm tôi ngạc nhiên đến ngàn người ra, không tìm được một câu trả lời nào và về nhà cứ ăm ức mãi.

Vì ăm ức nên phải đi tìm những

(1) André Maurois. Histoire du peuple américain. Commercial Transworld Editions, Paris 1955. Tome I, tr. 178-179.

uốn sách về nước Mỹ mà đọc thêm. Mà cái bốp lúc này đói quá cỡ nên chỉ có thể tìm những thứ rẻ tiền. Nhưng nhờ vậy mà tôi mới « khám phá » một loại sách được trưng bày nhan nhản ở Sài-gòn mà trước kia chẳng bao giờ tôi để ý tới. Đó là cái tủ sách « Nouveaux Horizons » (Những Chân trời mới). Thật ra thì chỉ có một chân trời thôi là chân trời Mỹ, vì loại sách này chỉ giới thiệu những khía cạnh chánh-trị, kinh-tế, văn-hóa của xã-hội Mỹ. Sơ khai, có lẽ nó được dành cho các nước Phi-châu, cựu thuộc-địa của Pháp, vì ngoài bìa tôi thấy còn in giá sách theo tiền Phi-châu (quan C F A). Sau đó chắc người ta đã gửi luôn qua Việt-nam vì đây cũng là một cựu thuộc địa Pháp, có nhiều người còn biết đọc tiếng Tây.

Giá bán rẻ mạt : 1 quan Pháp, 50 quan C F A, 25 đồng Việt-nam, thật ra là ch^o không đó. Không có một cơ quan tư nhân nào có thể in và bán theo giá này. Như vậy phải hiểu rằng đây chỉ là một chiến-dịch tuyên-truyền « văn-hóa », giống như loại sách « Information et Culture » của Pháp trước đây. Khác một điều là loại « Information et Culture » không nhằm ca ngợi trực tiếp nước Pháp mà chỉ nhằm gây cảm tình đối với nền văn-hóa Pháp bằng cách bán rẻ những tác phẩm có giá trị. Vụng về hay khéo léo là ở chỗ đó.

Dầu sao, tôi đã mua vài cuốn « Chân trời mới » và mượn thêm một lô về nhà đọc. Đọc rồi mới khám phá thêm một sự-kiện lý thú : câu nói của anh bạn tôi không phải là một ý nghĩ độc đáo của anh, mà chính là cái chủ-đề — khi thì công khai lộ liễu, khi thì kín đáo ngấm ngấm — của tủ sách « Chân trời mới ».

Những người chủ trương tủ sách này —

chẳng biết là ai vì không thấy tên tuổi của ai cả ! — muốn phô trương một bộ mặt lý-tưởng và « cách-mạng » của Hoa-kỳ, như đề nói với các dân tộc vừa độc-lập rằng : « Các anh thấy không, Hoa-bý chúng tôi cũng là một cựu thuộc-địa. Thế mà nhờ cuộc Cách-mạng của chúng tôi — là cuộc Cách-mạng duy nhất đã thành công trong lịch sử — chúng tôi đã trở thành một quốc-gia thịnh-vượng, tự-do, dân-chủ, công-bằng nhưt thế-giới. Chúng tôi đã thực hiện được thịnh-vượng trong tự do, công bằng trong dân chủ, mà khỏi cần phá phách chém giết lung tung như tụi Pháp tụi Nga. Vậy những chú thiên hữu tròn trịa phình phình, muốn có một xã-hội thịnh-vượng, tự-do, thì chỉ có thể theo gót chúng tôi. Những các anh thiên tả cận thị ngược lép, muốn có một xã-hội công-bằng dân chủ, thì cũng phải bắt chước chúng tôi mới ăn chắc ! »

Tôi không có nói thêm chút nào đâu. Thử lấy cuốn sách viết khá nhưt mà tôi đã đọc là cuốn « La République Américaine » (Nền Cộng-hòa Mỹ) của Linh-mục R.L. Bruckberger (1).

Theo linh-mục, cuộc Cách-mạng Mỹ trong thế-kỷ 18 có tính cách tôn-giáo : nguồn gốc của nó là niềm tin nơi tự-do của các giáo-phái Tin-lành, đặc biệt là giáo phái Puritain đã bị bách hại bên Anh-quốc và đã di-cư nhiều nhưt qua Mỹ. Những người này tin rằng Thiên-Chúa đã tạo dựng con người tự-do, theo hình ảnh của Ngài, và xúc phạm đến tự-do tức là xúc-phạm đến chính Thiên-

(1) Linh-mục là người Pháp, hình như thuộc dòng Đa-Minh (vì tôi thấy có cảm ơn các Cha Đa-Minh Mỹ ở đầu quyển sách) và đã sống lâu năm bên Mỹ.

Chúa. Từ sự đòi hỏi tự-do trong phạm-vi tôn-giáo, họ đã đòi hỏi tự-do trong phạm-vi chánh-trị và, đặt chân lên Tân-Thế-giới họ đã tạo dựng được một xã-hội đặt nền tảng trên tự-do, theo một kế-ước được mọi người chấp-nhận. Trong xã-hội ấy, luật-pháp không còn chèn ép tự-do mà trái lại bảo đảm cho tự-do, vì biểu hiện thật sự ý-chí của mọi người. Tóm lại, họ đã thực-hiện trước mọi dân-tộc khác, nền dân-chủ tự-trị (self-government). Đó là « cuộc Cách-mạng vĩ-đại và độc đáo mà họ đã mang lại cho thế-giới, và nước Mỹ ngày nay vẫn còn đặt nền móng trên cuộc Cách-mạng ấy » (tr. 30).

Nhưng người Mỹ không phải chỉ hoàn thành được cuộc Cách-mạng chánh-trị. Qua thế-kỷ 20, dưới cây gậy chần chiến của Đấng Cứu-thế Henry Ford, họ đã thực-hiện được cuộc Cách-mạng kinh-tế xã-hội bằng cách giải-quyết sự tranh-chấp giữa chủ và thợ theo một đường lối hợp tác, truất phế đồng đô-la khỏi địa-vị Đấng Tối-cao, biến các xí-nghiệp thành những công trình phục-vụ xã-hội thay vì bóc lột xã-hội, tóm lại họ đã thanh toán được chế-độ tư-bản.

« Người Mỹ đã thanh-toán xã-hội tư-bản trên đất nước họ và đã thay thế vào đó một xã-hội mới. Ô ! tôi thừa biết rằng người Mỹ, do một sự bướng bỉnh có tính-cách bịnh hoạn và gần như tự sát (suicidaire), không có dễ gì tự họ bỏ đi danh-từ tư-bản, nhưng họ đã thủ tiêu cái thực tại tư-bản. Trái lại, người Nga đã thay đổi danh-từ, nhưng có lẽ họ chỉ thay đổi danh-từ mà thôi. Cuộc Cách-mạng của họ (người Nga) có tính-cách văn-chương, vì thế mà nó đã gây được bao nhiêu uy-tín đối với chúng ta (1) Theo lối phán-đoán có tính-cách kịch

nghe (théâtral) của chúng ta, cuộc Cách-mạng lớn trong thế-kỷ này là do người Nga hoàn-thành. Sai bét !

« Từ khi tôi đã quan sát tương-tận nước Mỹ và xã-hội Mỹ, tôi đã nhận thấy rằng cuộc Cách-mạng lớn của thời-kỳ hiện-đại, cuộc Cách-mạng duy nhất đã thay đổi bản-tính của những cơ-cấu xã-hội, chính là cuộc Cách-mạng Mỹ. Nhưng người Mỹ đã làm Cách-mạng mà không cần kèn trống, một cách kiên-nhẫn, im lặng, cần cù, như người ta cày một thửa ruộng, luống cày này qua luống cày khác » (tr. 212-213).

Lạy Chúa tôi ! Ngày nào Chúa trở lại trần gian để thực-hiện « nước Trời », như Chúa đã hứa, thì xin Chúa đừng có hạ chân trên đất Mỹ. Vì ở đây Đức Ford (theo lời ông Thánh Tông-đồ Bruckberger) đã thay thế Chúa từ khuya rồi ! Chúa mà xuống đó thì chỉ còn cách đi làm thủ-tục đề lãnh-tiền trợ cấp thất nghiệp của ông Johnson thôi ! Nhưng có lẽ Chúa sẽ được cái aa ủi là, do lời giới-thiệu của Tông-đồ Bruckberger, con cháu của Đức Ford sẽ tặng Chúa một chiếc xe Ford mới tinh để Chúa lái đi xem nước Trời cho đỡ buồn... Cách đây mấy mươi năm, Aldous Huxley có viết rằng trong cái thế-giới hoàn hảo tương lai, người ta sẽ thay thế kính « Lạy Cha chúng tôi » bằng kính « Lạy Ford của chúng tôi ». Lúc trước, tôi đọc mà mỉm cười, bây giờ mới giật mình, bài phục Huxley là người thấy xa.

Thế là tất cả những cuộc Cách-mạng Âu-Á từ hai thế-kỷ nay đều sụp đổ như những tòa nhà cát, dưới những « luống cày » im lặng, kiên nhẫn và cần cù của Cách-mạng Hoa-kỳ. Hoa-kỳ không những

(1) Người Âu-châu đặc biệt là Pháp là -thứ dân khoái văn-chương nhất thế-giới.

là nước giàu nhất thế-giới, mà còn cách-mạng nhất thế-giới. Từ đây, ai muốn chống tư-bản thì phải sang Mỹ mà tập cày với các Đấng Ford, Rockefeller, Carnegie; ai theo tư bản thì cứ sang Nga học cái văn-chương mác-xít của Lénine. Và các nhà tư-bản tí hon Việt-nam đang xây buynk-đinh cho Mỹ muốn thì phải liệu hồn, các Ngài đang giao du với những tay Cách-mạng chỉ nhất thế-hỷ đó... Anh bạn của tôi sướng nhé: hiện nay có rất nhiều người nói tới cuộc cách-mạng Hoa-kỳ, và nói y hệt như anh, chớ đâu phải là không có ai.

Tuy nhiên, những cuốn sách nói trên thuộc loại tuyên-truyền, mà sách tuyên-truyền thì dầu phát xuất từ đâu và tuyên-truyền cho bất cứ cái gì, đều có tính-cách ấu-tri và sơ-đẳng. Trình độ của tử sách « Chân trời mới » không cao hơn trình độ của Đài tiếng nói Hoa-kỳ và tác-dụng của nó chắc cũng cỡ đó.

Có một cuốn sách khác, không thuộc loại « Chân trời mới », nhưng cùng một chủ-đề là ca ngợi Cách-mạng Mỹ: cuốn « Essai sur la Révolution », tạm dịch là « Cách-mạng luận » của bà Hannah Arendt (1). Đây là một công-trình khảo-cứu công phu, với những ý-nghĩ độc-đáo, tuy mang nặng tính-chất bút-chiến (polémique) nhưng không thể được xem là một công-cụ tuyên-truyền.

Bà Arendt sinh năm 1906 tại Hanovre (Đức), đậu Tiến-sĩ Triết-học tại Viện Đại-học Heidelberg, sau đó di cư sang Mỹ và dạy học tại nhiều Đại-học danh-tiếng như Columbia và Princeton. Bà đã xuất-bản nhiều sách thuộc phạm vi chánh-trị học. Những cuốn kia tôi chưa được đọc, nhưng chỉ cuốn Cách-mạng-luận cũng đủ biết Bà rất thông-thái: tất cả những gì có liên-hệ gần xa tới hai chữ

Cách-mạng từ thời Thượng-cổ tới nay, bình như Bà đã đọc hết!

Nhưng có lẽ vì vậy mà cuốn sách đã trở nên rườm rà: 400 trang, bỏ đi một phần tư là vừa. Không những rườm rà mà còn có nhiều mâu-thuẫn, như chúng ta sẽ thấy. Tuy nhiên, (ánh nhiều chuyện và thiếu lô-gích vẫn là cái phần duyên-dáng của phụ nữ, dầu là một phụ nữ cồ-kình, ai nỡ đi trách cứ điều ấy! Dầu sao, ngay trong những phần mà tôi cho là thừa, tôi cũng đã học hỏi được rất nhiều. Và cuốn Cách-mạng-luận, với một lập-trường ngược hẳn với lập-trường của tôi, đã có một tác-dụng kích-thích rất lớn.

oOo

Cuốn sách mở đầu bằng một lời cảnh cáo rất xác đáng. Tác giả cho rằng, với sự phát-minh những vũ-khí hạt-nhân, chiến-tranh đã « thay đổi bản-chất » và có thể dự đoán một ngày nào đó, nhân loại sẽ chấm dứt chiến tranh. Nhưng « dầu cho chúng ta có thành công trong việc biến đổi bộ mặt của thế kỷ này đến rồi nó không còn là thời-đại của chiến tranh, thì chắc chắn nó vẫn còn là thời-đại của Cách-mạng » (2)

Trong cuộc tranh-chấp đang phân-chia thế giới này nay, « kẻ chiến thắng sẽ là những người hiểu được Cách-mạng. Trái lại đối với những người tiếp tục đặt niềm tin nơi một chánh-sách dựa trên sức mạnh theo nghĩa cồ-điền, nghĩa là cứ tin nơi chiến-tranh như là phương tiện cuối cùng của chánh sách ngoại-giao, thì

(1) Hannah Arendt: Essai sur la Révolution, Gallimard, Paris 1967. Bản dịch (rất bệ bối) của Michel Chrestien.

Nguyên văn tiếng Anh xuất-bản năm 1963 dưới tựa: On Revolution.

(2) Trg 19. Chúng tôi in xiên

mỗi nguy cơ là, trong một tương lai không xa lắm, họ sẽ nhận thấy rằng họ đang lãnh đạo một công trình không cứu cánh và hoàn toàn lỗi thời» (tr. 19-20).

Nói cách khác, với những võ khí hạt nhân, chiến tranh sẽ càng ngày càng khó xảy ra và những kẻ chỉ tin nơi sức mạnh — vì có những võ khí này — sẽ càng ngày càng khó sử dụng sức mạnh ấy chỉ để chống lại ý-hướng Cách-mạng là ý-hướng căn bản của thời-đại chúng ta.

Không thể chống lại Cách-mạng bằng võ lực cũng không thể chống lại bằng một cuộc « *Phản cách-mạng* » (Contre-Révolution), vì không bao giờ có thể đặt một nội dung tích cực cho danh từ này. Định nghĩa của Joseph de Maistre: « *Phản Cách mạng không phải là một cuộc Cách-mạng trái ngược, mà chính là sự trái ngược của một cuộc Cách-mạng* » (1), chỉ là một lối chơi chữ ý-nhị nhưng rỗng tuếch.

Vậy những kẻ biết dùng sức mạnh hoặc dùng những danh-từ rỗng để chống lại Cách-mạng, chắc chắn sẽ đi đến thất bại. Những kẻ đó là ai? Chỉ có thể là người Mỹ. Và mặc dầu bà Areadt không gọi đích danh, phải hiểu rằng lời cảnh cáo trên nhắm vào quê hương thứ hai của bà.

2. CÁCH-MẠNG VÀ TỰ-DO.

Trong thế kỷ XVIII, đã xảy ra 2 cuộc Cách-mạng: Mỹ và Pháp. Cách mạng Pháp đã thất bại hoàn toàn, nhưng lại được xem như một kiểu mẫu cho những cuộc Cách-mạng đến sau. Trái lại Cách-mạng Mỹ đã « thành công một cách oai hùng », nhưng bị thế-giới quên lãng và chẳng được ai « bắt chước », đến nỗi « ngay những cuộc Cách-mạng

Điều này càng rõ rệt hơn trong phần cuối cuốn sách, khi tác giả phân nàn người Mỹ đã không thể nhớ rằng chính « một cuộc Cách mạng đã khai sinh nước Hoa - Kỳ » (tr. 319). Không những họ đã quên đi nguồn gốc Cách-mạng của họ mà tệ hơn nữa, mỗi khi nghe tới Cách-mạng là họ hết hồn hết vía. Niềm sợ hãi này là nguyên-nhân của sự bế-tắc của chánh-sách ngoại-giao Mỹ: Kể từ sau cuộc Thế-chiến thứ II, các Chánh-phủ Mỹ chỉ biết « cố gắng một cách tuyệt vọng » để giữ nguyên thế-giới trong tình-trạng cũ, nghĩa là ngăn chặn mọi biến đổi và nhất là mọi cuộc Cách-mạng. Hậu-quả của chánh-sách này là « sức mạnh và uy-tín của Mỹ đã được dùng .. để bảo tồn những chế-độ thối-nát lỗi-thời, đã bị oán ghét và khinh-bí từ lâu bởi chính những người lệ-thuộc chúng » (tr. 319-320)

Cho nên chủ-đích của cuốn Cách-mạng-luận là nhắc lại cho người Mỹ truyền-thống Cách-mạng của họ, hơn nữa, cho họ thấy rằng chỉ có cuộc Cách-mạng của họ là đã thành công, hầu gây lại cho họ niềm tin nơi Cách-mạng, hoặc ít ra là nơi chính họ, trong « cuộc tranh chấp đang phân chia thế-giới ngày nay ».

oOo

đã nổ bùng trên Mỹ-Châu cũng hành động và ăn nói y như chúng đã học thuộc lòng lịch-sử Cách-mạng Pháp, Nga và Tàu mà chưa hề nghe nói tới một cuộc Cách-mạng Mỹ » (tr. 319).

Vậy phải xác-định lại giá-trị của hai

(1) Nguyên văn: « La Contre Révolution ne sera point une révolution contraire mais le contraire d'une révolution ».

cuộc Cách-mạng Pháp và Mỹ, tìm hiểu những nguyên-nhân nào đã làm cho bên kia thất bại, bên này thành công để từ đó khám phá ra những « kho tàng đã mất đi » của truyền-thống Cách-mạng nói chung và đặt lại những vấn-đề căn-bản của Cách-mạng : đó là tham-vọng của cuộc Cách-mạng-luận.

Và trước hết, Cách-mạng là gì ? Bà Arendt đã nghiên cứu rất dài dòng nguồn gốc và sự biến-chuyển của danh-từ Cách-mạng để rồi dừng lại ở cái định nghĩa rất cổ-diễn của Condorcet : « Chỉ đáng được gọi là Cách-mạng những cuộc Cách-mạng mà cứu-cánh là tự-do. » Cách-mạng là làm lại lịch-sử từ một khởi-điểm mới và những trang sử mới chỉ có thể là những trang sử của tự do. Có lẽ đối với tác giả, định-nghĩa này có giá trị hiển nhiên, nên bà chỉ khẳng-định mà không phải giải-thích tại sao tự-do nhất thiết phải là cứu-cánh của Cách-mạng.

Vậy phải chấp nhận với bà, như một định-đề, rằng Cách-mạng là một công-trình nhằm đặt nền móng cho tự do (fonder la liberté). Nhưng thế nào là tự do ?

Tự do, hiểu một cách cụ thể, là cái khả năng hành động của con người trong một phạm vi nào đó. Từ cái tự do thấp nhất là tự do đi lại, đến cái tự do cao nhất là tự do chính trị, tự do luôn luôn bao hàm một khoảng trống » (espace) và một khoảng trống « có giới hạn rõ rệt » (nettement délimité) trong đó mỗi người có thể « hiện ra » dưới mắt kẻ khác để hoạt động và được kẻ khác « nhìn thấy » mình hoạt động. Nói một cách dễ hiểu hơn, tự do đòi hỏi một tổ-chức xã-hội trong đó quyền hạn của mỗi người, trong mỗi phạm-vi sanh-hoạt, được ý-thức và nhìn nhận bởi những người khác.

Trong khuôn khổ những quyền hạn của tôi, chẳng hạn quyền tự-do đi lại trên khắp đất nước, tôi có thể hành động theo ý tôi một cách công khai, chẳng hạn đi ra Huế hay lên Kontum, mà chắc chắn sẽ không bị ai ngăn trở quấy rầy, (1)

Có những quyền tự do « tích cực » và những quyền tự do « tiêu cực » (libertés négatives). Tất cả những quyền dân-sự (droits civils) đều bị bà Arendt xếp vào loại tiêu cực như quyền sống, quyền tư-hữu, quyền được luật pháp bảo vệ v.v... Những quyền này có tính cách tiêu cực vì chúng chỉ là những bức rào ngăn chặn sự xâm nhập của kẻ khác — và nhất là của kẻ thống-trị — vào đời sống tư riêng của tôi. Chỉ có những quyền chính trị (droits politiques) là có tính cách tích cực vì chúng không phải là những cấm đoán hướng về kẻ khác mà trái lại, cho phép tôi hành-động với kẻ khác — trong cái khoảng trống có giới-hạn là chính-trường — để tham-dự vào việc giải-quyết những vấn-đề chung, « chia sẻ việc trị quốc »

(1) Khai-triển ý-tưởng trên, có thể nói thêm rằng ý-niệm tự-do nhất thiết gắn liền với ý-niệm giới-hạn. Một tự-do « vô hạn » là điều không thể có — ngoại trừ đối với một Thực-tại vô hạn — vì khả năng hành-động của con người là một khả năng hữu hạn, và cũng vì cái chu-vi của khoảng trống trong đó tôi có thể hành-động phải được nhìn nhận bởi những người khác. Tự-do đòi hỏi sự hiện diện và nhìn nhận của tha-nhân. Do đó không thể có một thứ tự-do cô-độc, bên ngoài xã-hội loài người. Ngay như cái tự-do của những người tự ý tách khỏi xã-hội — chẳng hạn vào rừng hay lên núi đi tu — cũng dựa vào sự nhìn nhận của kẻ khác. Cho nên tự do là một hiện-tượng xã-hội : Không có xã-hội thì không có tự-do. Nếu chỉ có mỗi mình tôi trên trái đất này, thì tôi sẽ không còn một tự-do nào nữa, ngoại trừ cái tự-do đi lại, và chỉ có mình tôi thì còn đi đâu, và đi được bao xa !

với kẻ khác (co-partageant au gouvernement) như Jefferson nói. Cho nên chữ « Tự do » (la liberté), với chữ T hoa, phải được dành riêng cho quyền chánh-trị, nghĩa là quyền tham dự vào việc nước.

Tự do dân-sự có tính cách *tư riêng* (privé), nó cần thiết cho hạnh-phúc *tư riêng*. Tự-do chính-trị có tính-cách *công-cộng* (public) và cần thiết cho hạnh phúc *công-cộng*.

Hạnh phúc công-cộng không phải là tổng số những hạnh phúc tư riêng, cũng không phải là hạnh phúc của một tập-thể nói chung, mà là cái hạnh phúc mà một người có thể cảm thấy khi tham-gia gánh vác việc nước, nghĩa là hoạt động trên sân khấu chánh trường dưới mắt kẻ khác, giữa những người « ngang hàng với mình » (entre ses pairs). Nó đòi hỏi một « tinh thần công-cộng » (esprit public), nghĩa là sự tha thiết với công việc chung, nó không hướng về tư lợi mà chỉ nhằm thỏa mãn cái nhu-cầu « nổi bật » giữa những người khác (1).

Thiết lập những quyền tự do dân sự mới chỉ là « giải phóng » (libération), nghĩa là đả đốn những kềm kẹp chèn ép hoặc đe dọa đời sống tư riêng, đó chưa phải là đặt nền móng cho Tự-do. Cuộc giải phóng có thể được thực hiện dưới bất cứ chánh-thể nào, ngoại trừ chế độ bạo chúa (gouvernement tyrannique). Bởi vì bất cứ chánh-thể nào, nếu được lãnh đạo đứng đắn, cũng phải lo đến hạnh phúc tư riêng của nhân dân (2). Nhưng muốn đặt nền móng cho Tự-do, hầu xây dựng hạnh phúc công-cộng cho mọi người, thì phải thành lập chế độ công-hòa, vì chỉ có chế độ này mới bảo đảm được sự tham gia của mọi người vào việc trị quốc. Nói cách khác, muốn có hạnh phúc tư

riêng, chỉ cần thay đổi nhà cầm quyền để có được một người lãnh đạo tốt ; trái lại, muốn cho hạnh phúc công cộng không còn là cái độc quyền của một người hay một thiểu số, thì phải thay đổi chế-độ, nghĩa là làm cách-mạng.

Một cuộc Cách-mạng có thể bắt đầu bằng sự giải-phóng, nhưng nếu không thành lập được chế-độ công-hòa thì sẽ không có Cách-mạng, vì cứu-cánh của Cách-mạng là « đặt nền móng cho tự-do ».

« Chỉ nơi nào mà sự thay đổi được thực hiện theo ý-nghĩa của một khởi-điểm mới, nơi nào mà bạo-động được dùng để thành lập một hình-thức cai-trị hoàn toàn khác biệt, một chánh-thể mới, nơi nào mà sự giải-phóng ít ra cũng hướng về sự thiết lập Tự-do, nơi đó mới có Cách-mạng ». (tr. 46)

(còn tiếp)

LÝ-CHÁNH-TRUNG

Kỳ tới : Cách mạng của nhà nghèo

(1) Nghĩa là cái nhu cầu *danh vọng*, như Aristote đã nhận định từ xưa : « Thành-phần ưu tú và những người thích hoạt động để hưởng hạnh phúc trong danh vọng, vì đó gần như là cứu-cánh của hoạt-động chánh-trị » (Ethique de Nicomaque, I, 1).

(2) Nói cách khác, những quyền tự-do dân-sự là những quyền « tiền chánh-trị » (pré-politique), có thể được nhìn nhận bởi bất cứ chánh-thể nào (ngoại trừ chế-độ bạo-chúa), như các nhà vua chuyên-chế các nước Đức, Áo đã làm, sau cuộc Cách-mạng Pháp.

BNP

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Những bước cần xét lại

trên đường cải - cách thi - cử

Từ hơn mười năm trở lại đây, nhiều cải-cách trong chương-trình và thể-lệ thi-cử đã được thực-hiện, có khi việc thay đổi xảy ra từng năm một, khiến bao-giờ thí-sinh cũng phải có bên mình một quyển thể-lệ và chương-trình thi mới nhất trong năm. Điều đó chứng tỏ các nhà giáo-dục ta có quan-tâm rất nhiều đến một vấn-đề mà người thanh-niên học-sinh ta đang đặt lên hàng đầu trong ưu-tư của họ.

Nhưng cho đến bây giờ chúng ta vẫn như còn có cái gì chưa được vừa ý, bởi vì, xét cho kỹ thì những cải-cách này nhằm canh-tân thì ít mà do bị động thì nhiều nên hậu-quả lắm khi đi xa dẫn tinh-thần học mới. Sau một thời-gian dài cũng nên kiểm-điểm lại các bước đi.

1. Càng ngày càng tách rời học với thi

Xưa kia học-bạ của thí-sinh là một tài-liệu cần-thiết mà các trường công cũng như tư đều phải gửi trước đến trường thi. Trò nào thi mà thiếu một số ít điểm thì hội-đồng xét học-bạ, nếu học ở lớp khá, hạnh-kiểm tốt thì mới được vớt đậu ; tuy chưa được hoàn-toàn nhưng cũng tránh được một số trường-hợp rúi-ro, học tài thi phận. Từ năm 1960 đến nay, đặt ra lối chấm bài

tập-trung nên số thí-sinh quá đông, Hội-đồng giám-khảo không còn xét nổi học-bạ nữa. Cái liên-hệ tuy mong-manh, nhưng rất có tác-động giáo-dục ấy, giữa việc học ở lớp và việc thi, đã bị hủy bỏ, và từ đó hai mặt sinh-hoạt này của học-đường, giữa thầy-giáo và giám khảo giữa học-sinh và thí-sinh, bị phân-cách hoàn-toàn. Trẻ dù có cố học cả năm, thức khuya dậy sớm, chữ tốt văn hay, thầy khen bạn phục, cũng vẫn còn có cái gì nơm-nớp lo sợ khi đến trường thi. Hai ba năm nỗ-lực cũng không quyết-định được gì nếu gặp rúi-ro trong mấy bữa : *chủ-nghĩa định-mệnh* như được cấy ngay từ buổi "lòng xuân phơi-phới" vào đám thanh-thiếu-niên ; cái nguy-cơ sâu xa này của thi-cử đã tác-hại lâu đời vào dân-tộc ta, nay càng thêm khốc-liệt. Bởi đó mà thi-cử và bằng-cấp được đề-cao hơn bao-giờ hết ở học-đường.

Thi như vậy sẽ đánh giá được cái gì ? Học ở trường dù có bề tha hỏa láo, cuối năm vẫn có thể đậu được như ai. Vấn-đề của người đi học là làm sao trở được mọi tài, kể cả gian-lận, trong một thời-gian ngắn là được. Bởi đó mà mọi việc liêu-linh đều có thể xảy ra kể cả việc đập giám-thị vì "giám-thị có tình-nghĩa gì với mình đâu, nếu có bị mình đập mà bài thi mình đầy-đủ và không

ai biết tên mình là gì thì làm sao đánh rớt được ? » Đối với họ, vấn-đề không phải là làm người công-dân tốt mà là phải học thật thuộc đề-làm thông mấy câu hỏi hay bài trắc-nghiệm về công-dân, giám-khảo đã không phải là thầy dạy họ trong năm thì còn biết dựa vào đâu mà nhận xét nữa ? Tình-trạng ở các lớp thi là gần đến ngày thi, học-sinh vắng gần hết lớp, bởi vì cái học ở lớp không liên-hệ gì lắm với kết-quả kỳ thi. Dù ở những trường công đứng-dẫn, mối liên-hệ giữa thầy và trò vào năm tốt-nghiệp cũng không còn quan-trọng gì : Trò cảm thấy mình không cần đến thầy nữa, không đến lớp nữa làm gì thì thầy cũng không làm sao chu-toàn được trách-nhiệm đối với họ. Họ-trò lóa đã vậy, lớp nhỏ cũng theo đó mà ít tôn-trọng kỷ-luật nhà trường, tình thầy trò không dựa vào đâu mà đậm-đà được. Xã-hội ngày nay tạo ra nhiều điều-kiện khiến học-sinh tách xa khỏi trách-nhiệm của nhà trường mà chính nhà trường cũng mất dần dần hết những gì có thể giữ họ lại.

Mặt khác, việc tách rời thi và học đề quan-trọng-hóa hơn nữa các kỳ thi như từ 1960 đến nay đã khiến tổ-chức giáo-dục quốc-gia ngày càng không đi kịp tình-thế. Chiến-tranh ngày càng lan tràn mà thể-thức thi-cử vẫn qui-mô kهنh-kiểu như ở thời bình. Nếu từ đó đến nay chúng ta chuẩn bị dần-dần cho giáo-chức củng-cố việc dạy-dỗ, chỉnh-đốn lại quan-niệm, tư-cách để họ có thể dần dần đảm-trách việc thi ngay ở mỗi địa-phương, phân-tán thay vì tập-trung các Hội-đồng chấm thi, thi bây giờ, dù chiến-tranh có đi vào các đô-thị lớn, đường hàng-không hay quốc-lộ có thất-thường, cơ-quan khảo-thí cũng đỡ lo ngại về việc điều-động giám-khảo. Nếu ở mỗi kỳ thi

một điểm-học nào đó trong năm được tính vào điểm-thi thì chắc chắn việc học và kỷ-luật ở trường cũng bớt phần lỏng-lẻo. Hoặc nếu ở trường tổ-chức được thi sơ-khảo, trò nào có đậu sơ-khảo mới được vào phúc-khảo ở hội-đồng thi, thì cuộc thi phúc-khảo có thể đơn-giản (chỉ có khâu-vấn) mà vẫn chấm đỗ được đúng trò học giỏi, nhờ thi và học không bị tách riêng ra.

Có lẽ vì có trường công trường tư triah-độ tổ-chức không ngang nhau mà bảng điểm-học có thể thiếu đứng-dẫn, một số không đảm-trách được phần thi ở trường. Nhưng ta cũng có thể bắt đầu với những trường có qui-mô đứng-dẫn, còn các trường khác chưa có được quyền lợi ấy cho đến khi nào họ chịu cở-ithiêu lại tổ-chức. Đó là phương-tiêu đề thúc đẩy chấn-chỉnh các trường tự. Có thể các trường công và tư ở mỗi địa-phương cùng chung nhau tổ-chức lấy cuộc thi sơ-khảo cho học-trò mình (trước khi tiến tới tự tổ-chức lấy phúc-khảo nữa) Điều này sẽ làm giảm số thí-sinc phúc-khảo rất nhiều, còn bài trừ đượ nạn đi cầu may. Thí-sinh tự-do thả buộc phải đến thi tẩn-ích ở một trường công tại địa-phương; mình để có điểm học, đó cũng là cách tránh được các thủ đoạn thi gian, mạo-tên hay tráo-quyền, như đã có lâu nay. Lúc đầu việc tổ-chức có thể còn phức-tạp vì có phân-bệt đối xử trường này trường kia, nhưng khi người ta hiểu được cái chiều-hướng tiến tới thì cũng dễ chấp-nhận đề tự cải tiến cho tình-trạng được mau đồng-nhất, giản-dị. Và chẳng « công-bằng », « thống nhất » không phải là cứ để mà chờ cứu vớt kẻ sắp chết đuối ở gần cùng một lượt với người đang chơi-với ngoài xa. Vấn-đề là bước tới cho đúng hướng, chứ ở trần gian

này không nên chờ-đợi những điều-kiện lý-ởng thập-toàn.

Phân-cách thi với học, tách rời vai-trò của giám-khảo khỏi nhiệm-vụ dạy-dỗ của giáo-chức để coi khảo-thí như sự phán-xét của một tòa-án phân-lập, vô tư, là một quan-niệm không hợp với giáo-dục (mà dù là tòa-án thì cũng có điều tra tông-tích lý-lịch chứ không phải chỉ có phán-quyết theo cung-khai tức thời tại phiên-xử). Chừng nào việc thi cử còn thuộc trách-nhiệm ngành giáo-dục thì khảo-thí và giác-huấn phải được coi như hai mặt của một vấn-đề là Giáo-dục. Bởi vì giáo-dục trước hết là nhằm đối-tượng ở con người, một thực-thể sinh-động xác-định bởi lịch-sử; người ta không thể nhận-xét họ mà chối bỏ tất cả tiến-trình đã qua. Giáo-dục còn là một thái-độ trung-thực: thầy giáo không thể dạy suốt cả năm để rồi đến ngày kiểm lại kết quả th ngoảnh mặt làm ngơ coi như mình không còn trách-nhiệm gì nữa, người giám-khảo cũng không thể nhận-định về giá-trị của một học-sinh mà lại chỉ dựa vào mấy ngày thi để rồi nếu có nông nổi sai lầm thì cứ đổ tội cho số phận.

2. Việc học thi càng ngày càng nhồi sọ

Ngày trước thi bao giờ cũng có khâu-vấn, từ Tiểu-học đến Tú-tài, phần khâu-vấn cũng quan-trọng không kém phần thi viết. Một lối thi quá qui mô như vậy ngày nay không thích hợp nữa khi mỗi ngày thí-sinh mỗi đông. Chúng ta đã cải cách như thế nào? — Giảm thiểu phần khâu-vấn, rồi dần dần bỏ hẳn kể cả môn sinh-ngữ là môn rất cần nói và nghe. Hai hậu-quả đã đến:

Một là học trò đi thi cốt ở làm bài cho được, còn phần ứng-đáp nói-năng không

coi trọng nữa dù cho ngoài đời người ta nói nhiều hơn là viết cho nhau. Nếu thầy giáo ở lớp có lo trau-đồi về mặt ấy cho học-sinh thì trẻ cũng không chú ý tới nữa vì có cố công ở lớp thì cũng không ai biết cho mình lúc vào thi.

Hai là lối học càng thêm nhồi sọ vì trẻ phải học nhiều, thuộc kỹ mới mong đậu nổi. Bởi vì nếu có khâu-vấn thì ta có thể cho trẻ chọn đề (3 đề chọn một như trong kỳ thi tú-tài ngày trước) mà không sợ trẻ học tủ vì còn vặn lại khi hỏi miệng. Và khi hỏi miệng, nếu gặp rủi-ro ở câu này, giám-khảo có thể đưa ra câu khác cốt để xem lối trả lời có thông-minh, lanh trí, hoạt-bát mà cho một điểm trung-bình. Nay chỉ có thi viết thì trẻ chỉ có cách là thuộc cho nhiều viết, cho hết mới mong giám-khảo hiểu mình hơn. Và chỗ nào hiểu sai hay không hiểu được thì cứ thuộc cho lâu, viết cho đúng lại như sách, người chấm cũng không lấy lý-do gì chê-trách bắt bẻ làm sao, vì thí-sinh đâu có đó mà hỏi vặn lại được. Tình-trạng nhồi nhét trở nên trầm-trọng, còn nguy-hại hơn là học tủ mà học một số bài cho thấu-đáo tận-tường. Lại nữa, đề thi viết gồm một nửa giáo-khoa, một nửa tính-đố hay luận-đề khiến cho nhiều trẻ muốn chắc đỗ phải nhồi phần giáo-khoa cho chín (chất là nữ-sinh mà bản-tính cầu-thận và ít dám mạo-hiêm như nam-sinh). Bởi đó mà người thi đậu phần đông có nhiều kiến-thức mà rất ít tài-năng, họ không tháo-vát, lanh-lợi, sáng-tạo trong đời sống thực-tế. Nước ta lại có nhiều trường học chữ mà rất ít trường học nghề, một số đông con em ta không có năng-khiếu văn-học mà nhiều khả-năng thực-nghiệp, không theo nổi một lối học dùng trí nhớ quá nhiều, đều bị bỏ rơi vì thi hỏng mãi, không tiến lên được, làm mất một phần quan-trọng trong nguồn nhân-lực quốc gia.

Lối học đã như vậy thì lối dạy cũng phải nhằm cho trẻ nhiều kiến-thức để thi đậu. Ở những lớp này chương-trình thường rất nặng-nề bởi vì người làm chương-trình dù có muốn cho trẻ có tài-năng đức-độ đến đâu thì lối thi viết cũng chỉ thử-thách được những gì mà trẻ có thể viết trong một bài làm trên giấy; thầy-giáo dạy thì tự-nhiên thấy mình cần phải « kiến-thức-hóa » tất cả chương-trình làm thế nào cho trẻ vào thi có thể biểu-hiện được hết lên mặt giấy. Bởi thế mà trong cái thiệ-ný giúp trẻ thi đậu, thầy đem tất cả tài sức mình chuẩn-bị sẵn-sàng cho trẻ những ý-nghĩ, những giải-đáp thích-đáng, khiến người đi thi phải học thuộc rất nhiều mà không còn phải sưu-tầm nghiên-cứu, phán-đoán sáng-tạo gì nữa, đó là chiều-hướng giảng dạy trong các sách và lớp luyện thi. Phương-pháp giáo-dục ở nhà trường trở nên nặng về truyền-thụ kiến-thức, không phát-triển được khả-năng. Vai-trò của người học-sinh chỉ là tiếp-thụ thụ-động nên hoá ra lệ-thuộc đến bực-bội; vì tuổi thanh-niên bao giờ cũng là tuổi xác-định cái bản-ngã tự-chủ đang lên bông-bột của con người, thì trong tình-trạng ấy, nếu không có chống-đối đỡ-vỡ, ít ra cũng là ức-chế âm ỉ thành mặc-cảm sâu-xa.

Ở lớp thì thầy độc-thoại một chiều, vào thi thì kẻ viết người đọc, tình-nghĩa nào này-nở được khi không có đối-thoại để cảm-thông? Hai lớp người mà cuộc sống đang đặt gần nhau lại chỉ tìm hiểu nhau qua tự-tích như cách-bức muôn trùng! Lối thi viết lặt-lẻo lạnh-lùng phải chăng đang đồng-lỏa với lối giảng dạy truyền-thụ ở trường để làm tiêu-tan tất cả tình-sur-đệ thời nay? Rồi làm sao có được giáo-dục khi đã mất hết cảm-tình?

3. Bỏ thi mà không ngừa được trình-độ học-sinh xuống dốc

Xã-hội ta tôn-trọng bằng-cấp: có bằng-cấp mới có địa-vị, mới vào được trường si-quan, mới lên được Đại-học, mới vào làm công-sở, mới được trọng-vọng trong đời; đó là một thực-tế không phải mới có từ hôm qua mà đã in sâu như một truyền-thống. Nhưng đứng về một phương-diện mà xét thì có thể coi đó như một lợi-thế rất hay cho ngành giáo-dục, bởi vì tôn-trọng bằng-cấp là tôn-trọng tổ-chức giáo-dục quốc-gia, là tin-tưởng ở nhà hữu-trách. Nếu bằng-cấp không có giá-trị thì không phải vì lỗi ở xã-hội mà chỉ nên trách ngành giáo-dục đã không làm tròn trách-nhiệm, đã phụ lòng tin-tưởng của quốc-dân, thi-cử đã không đo đúng tài-năng nên bằng-cấp chỉ là những tấm nhãn dán vào đồ mạo-hóa, thiếu trung-trực nếu không nói là phản-bội lại người dùng.

Như vậy thì việc gì lại bỏ bằng-cấp? Tại sao không lợi-dụng nó để mà xoay chuyển cả trình-độ quốc-dân, cải-tạo lại xã-hội? Chính-phủ nào lại không đặt ra huy-chương, chức-tước? Chỉ có điều là có nơi thì mua quan bán tước, có nơi lại lấy đó mà khích-lệ anh-hùng nghĩa-sĩ làm hưng-thịnh quốc-gia. Tại-hại có chăng là ở nơi nào mà phương-tiện đó không còn ai coi ra gì nữa nên phải chịu mất đi một động-lực để thúc đẩy, hướng-dẫn con người.

Tuy-nhiên, hoặc là ta không đủ khả-năng để làm việc đó, hoặc là ta muốn tiến theo các nước ngày nay mà chọn giải-pháp bỏ thi, bỏ bằng-cấp. Nhưng cũng phải thấy rằng: tuy đã đem lại cho ta nhiều tai hại, lâu nay thi-cử đã đóng một vai-trò không nhỏ trong sinh-hoạt quốc-gia: Một là cấp bằng để giúp

xã-hội chọn đúng nhân-tài ; hai là khuyến-kích sự học hỏi ; ba là kiểm-soát việc học, đều-hòa, duy-tì và thống-nhất trình độ học-sinh các trường. Nay nếu bỏ thi, như thi Trung-học Đệ-nhất-cấp chẳng hạn thì cần phải đề ra một số biện-pháp để nâng-dỡ trình-độ học-sinh, ít ra là ở các trường công, cho khỏi lâm vào tình-trạng rồi đây học-lực mỗi lớp sẽ dần-dà xống dốc, đợi đến thi tú-tài thì đã quá muộn (1). Việc bỏ thi Tiểu-học trong mười năm qua đã ảnh-hưởng đến trình-độ học-sinh như thế nào so với khi còn thi, có ai đã làm gì để xem lại việc ấy ? Chúng ta đã có biện-pháp gì để giữ cho các trường cấp chứng-chỉ, phê điểm trung-bình theo mức-độ ngày xưa ?

Cao nên chỉ nên bỏ thi khi tất cả được chuẩn bị đến độ ta không còn cần đến thi nữa, chứ không nên bỏ thi vì nó phiền phức mà ta không muốn có nó nữa. Khi bỏ thi rồi lại càng phải theo dõi, xúc tiến cho việc học ngày một tiến-bộ hơn là lúc còn thi, bởi vì số-đời ngày nay có nước người ta bỏ thi vì họ cho thi là một ràng buộc hậu chế tiến bộ và bỏ thi chỉ để mà tiến cao hơn nữa. Có thể trẻ con đời nay mới khôn lanh đoan-chính hơn trẻ con ngày xưa để mà sống trong một xã-hội với nhiều cởi mở tâm-linh, nhiều tiện nghi vật-chất hơn trước.

Đây cũng không phải chuyện gì lý-tưởng quá tầm sức của chúng ta, bởi vì những phí-tồn những nhân-lực, tiền của mà trước kia dùng để tổ-chức thi thì nay được dùng làm gì ? Tại sao không lấy đó mà tổ-chức việc kiểm tra đôn đốc, nghiên-cứu, san-sẻ kinh-nghiệm hầu đầy mạnh giáo-dục tiến lên ?

Người ta nói đến vai trò của thi tấn-ích ở lớp, nhưng đó cũng chỉ là một lối thi viết mà giá-trị rất hạn-chế trong việc đo-lường tài-năng đức-độ của học-sinh.

Việc bỏ thi vấn đáp cũng đã là một bước tiết-giảm thi-cử, nhưng chúng ta đã làm gì để thay thế vào đó cho người học-sinh thi đậu hay mãn-cấp-học nói-năng được bạo-dạn, đáp-úng được lanh-lẹ, mẫn-tiếp, trước kẻ khác, trước thực-tế, chứ không phải trước những trang giấy vô-tri ?

Thế nên phải nhìn nhận rằng quan-niệm của chúng ta về thi-cử thật bất-thường : có khi thì coi thi-cử là tất cả giáo-dục, hễ có ai nghĩ đến cải-cách giáo-dục là người đó lo cải-cách thi-cử ; lại có khi nếu xét thấy có lý-do nào đó để đổi cách thi, hay bỏ thi, thì ta bỏ thi lập tức, rất dễ-dàng, không thấy nó có liên-hệ gì với giáo-dục hết, không cần phải chuẩn-bị trước thứ gì. Do đó mà đã có những biến-đổi hàng năm, có khi còn là chuyện dung ý gây bất ngờ nữa. Cách đây ba năm, trong kỳ thi Trung-học 15-6 65, đã có một đổi thay như vậy :

Chiều trước ngày thi thời-khóa-biểu thường - lệ đã được Hội-đồng giám-thi niêm-yết cho tất cả thí-sinh. Sáng ngày thi thành - lịch có lệnh khẩn (do một bao thư mật mà Hội-đồng chỉ được quyền mở ra lúc 7 giờ 30 hôm đó) giờ thì đổi lại bất ngờ : Thi Toán vào buổi đầu thay vì Luận như đã yết trong thời-khóa-biểu. Lý-do là để « bảo-vệ bí mật » : ai cũng hiểu là để các tay gian không kịp đem tài-liệu vào phòng thi. Tuy-nhiên, đứng về mặt giáo-dục thì đây là lần đầu-tiên trong lịch-sử giáo-dục nước nhà, thầy-giáo đã công-nhiên lừa phỉnh học-sinh ; chẳng biết các đứa gian đã bị vố như thế nào chứ phần đông các trẻ lành đều lấy làm bối-rối : đêm qua họ đã coi lại các bài Việt-

(1) « Một nền giáo-dục nhân-bản và dân-tộc » Đ.N.T. trang 145-162.

văn, chuẩn-bị chu-đáo thì sáng nay gặp bất ngờ. Nếu biết trước thi Toán thì ít ra các em cũng đã ôn-tập thêm một cái gì trong ngày trước. Các thầy-giáo cũng ngỡ-ngàng vì tại sao không cho trẻ biết trước là chúng phải được chuẩn-bị đề thi bất cứ môn gì, thầy chỉ biết có lương-tâm và phương-pháp giáo-dục chứ không thể thủ-đoạn với trẻ. Lại nữa, việc thi môn luận-văn vào buổi đầu xưa nay đã là một thói quen-lệ hợp-lý vì đó là một môn mà trẻ ít nghĩ đến chuyện có gian, việc làm bài linh-động cũng không đòi-hỏi quá nhiều chú ý như Toán, khiến bao nhiêu thủ-tục phòng thi các giám-thị có thể làm trong giờ này mà vẫn coi thi đứng-đắn. Buổi đầu cũng là buổi Chủ-tịch Hội-đồng tiếp xúc lần đầu và tìm hiểu về cá-tính của các giám-thị, ai nhu-nhược, ai đứng đầu, ai có mặt, ai không, thí-sinh phòng nào nổ-ghịch, phòng nào ngoan, đề buổi sau mới phân-công coi thi cho thích-đáng được. Đột-nhiên năm nay thi Toán vào buổi đầu. Hội-đồng nào cũng bối-rối, giám-thị có phòng thiếu phòng thừa (về tư-cách), vào lớp rồi còn san qua soát lại, thí-sinh nhân đó tha-hồ nhìn hỏi lộn-xộn ở một số phòng, môn Toán là môn quyết định, nên đưa nào quen thói cóp liều thì đây là cơ-hội tốt. Số khác phàn-nản vì vừa làm toán vừa nghe giám-thị dặn-dò, gọi nạp chứng-chỉ tòng ngũ, thẻ-dục, ký bảng tên, soát căn-cước... Thí-sinh bất-bình, thầy-giáo cũng áy-náy. Rồi như thay cho cấp trên mà cảm thấy mình có lỗi, đề bù-đắp lại và thanh-thỏa với lương-tâm, khóa ấy, ở Hội-đồng tôi chấm, đại-đa-số giám-khảo đã giơ tay biểu-quyết vớt đến số điểm tối-đa với lý-do: « Trẻ năm nay đã phải thi môn Toán trong những điều-kiện bất-lợi so với các năm trước. »

Thành ra, ta muốn trừ gian mà đưa gian càng có lợi.

Đó là một chuyện nhỏ nhưng xin kể lại đây đề mà suy gẫm vì sao việc cải-cách nhiều khi không đem lại hậu-quả như ý muốn chúng ta.

Chừng nào chúng ta mới thấy được rằng vấn-đề của chúng ta hiện nay là giáo-dục chứ không phải là thi-cử? Mà then-chốt của giáo-dục là phương-pháp học-tập của trẻ và tinh-thần phục-vụ của giáo-chức ở nhà trường. Ai cải-cách được hai yếu-tố đó mới cải-cách được giáo-dục. Thi-cử vốn chỉ là một cách đo-lường những thành-quả của cái học, cái dạy mà thôi. Nếu việc dạy và học ở trường chưa cải-thiện được cho có thành-quả thì lấy gì mà đo-lường, mà cải-cách thi-cử? Còn khi cái học ở trường mà được cải-thiện cho có hậu-quả tốt, đào-tạo được nhân-tài nơi người học-sinh, thì lúc đó, thi hay không thi, hay thi cách nào, là chuyện không còn quan-trọng nữa.

Có lẽ vì theo một nếp nghĩ sai-lầm từ lâu rồi hoặc vì nóng lòng dục tốc trong thời buổi đất nước chông-chênh, chúng ta thấy cải-cách tổ-chức, thể-lệ thi dễ-dàng mau lẹ hơn là cải-cách nhân-sự, nên đã không nghĩ đến tận cái căn-bản là con người. Một tệ-hại xảy ra chẳng? Phản-ứng tự-nhiên của chúng ta là sửa-đổi ngay thể-lệ cũ, quên đi rằng cái ung-nhọt đã nảy sinh từ ở con người. Không bắt đầu đi tận vào nếp dạy và học hàng ngày của giáo-chức và học-sinh ở các trường thì không có lối thi-cử nào cho tốt được.

Thi-cử chỉ là một cái bóng, nó đã ám-ảnh chúng ta quá nhiều! Hãy lo cải-cách cái học mà xin đừng quá bận vì cái thi.

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

(Nhân ngày kỷ-niệm cố đồng-nghiep Trần-Vĩnh-Anh, hy-sinh vì chức-vụ tại Nha-trang ngày 15-7-1967).

Đây, một kibboutz :

Maagan Miklael

(Xin xem B K. T. Đ. từ số 277)

Đây, một Kibboutz : Maagan Miklael

Đề đọc giả hiểu rõ cách tổ chức và đời sống trong một Kibboutz tôi xin lược thuật dưới đây một chương về Kibboutz Maagan Miklael của ông Joseph Klizmann Ông sở dĩ lựa Kibboutz đó vì nó có những đặc điểm của nông nghiệp Israel

Cơ sở

Kibboutz Maagan Miklael ở gần bờ biển phía nam Haifa, do những người Do thái Đông Âu hồi hương thành lập năm 1949 Nó ở trong Liên hiệp Hakibboutz Hameouhad.

Diện tích 500 Hectare. Số dân gần 600 người.

Trong số 600 người đó có :

— 220 người là hội viên (20 người ở trong quân đội), 30 người tập sự đề xin gia nhập.

— 230 trẻ em con của hội viên.

— 25 cha mẹ của hội viên

Còn lại một số là trẻ em ở ngoài lại đó ăn học (cha mẹ chúng trả tiền), một số thiếu niên 17 tuổi lại đó tập việc (trợ trả lương nhưng Kibboutz giao tiền cho cha mẹ họ) và một số nữa là các thanh niên do một tổ chức hồi

hương gọi lại học hành và tập sự một ít lâu.

Tuy đất không rộng mà nhà cửa cũng không cất sát nhau, lại có bãi cỏ đẹp mắt. Mỗi nhà có hai phòng, phòng tắm riêng, đồ đạc trang nhã.

Phòng ăn chung rộng lớn, chứa được 300 chỗ ngồi. Vậy mọi người không thể cùng ăn một lúc được, nhưng cũng không chia ra nhiều nhóm, ăn vào những giờ nhất định. Ai muốn ăn lúc nào thì cứ vô ăn rồi ra, như trong một khách sạn. Phòng sáng sủa, treo nhiều hình đẹp, vì là một chỗ quan trọng, còn dùng làm phòng hội họp, hoặc để tổ chức các buổi lễ nữa

Trẻ em có nhà riêng. Chúng họp nhau lại thành từng lớp tuổi. Như mọi Kibboutz khác, bên cạnh nhà của trẻ có hầm trú. Maagan Mikbael ở cách biên giới 15 cây số, nhiều Kibboutz khác ở ngay sát biên giới.

Quản trị

Đời sống ở đây có tính cách dân chủ. Như hầu hết các Kibboutz, chiều thứ bảy có cuộc hội họp chung, chỉ hội viên mới được dự. Mọi vấn đề hôm đó đem ra thảo luận. Hội đồng bầu ban quản trị.

Ở đây có lệ bắt buộc phải thay đổi

nhân viên quản trị. Hai năm ở trong ban quản trị rồi thì phải ra làm các công việc canh nông. Chỉ riêng viên giám đốc kinh tế, chủ ngành khai thác là vì lý do kỹ thuật có thể lưu nhiệm tới ba năm hoặc trên nữa.

Di nhiên không phải ai cũng có khả năng quản trị, cho nên chỉ có một số ít người thay phiên nhau được bầu. Nhưng điều này đáng chú ý là những người được bầu thường là nông nhân hơn là hạng người chỉ huy.

Bên cạnh ban quản trị có nhiều ủy ban cũng do hội đồng bầu. Họ vẫn giữ công việc hàng ngày mà kiêm thêm công việc trong ủy ban.

Ban quản trị cũng như các ban khác phải làm việc nhiều, lo lắng nhiều mà không được hưởng một chút lợi vật chất nào cả. Họ thường bị chỉ trích, phải lãnh nhiều trách nhiệm, nên nhiều người không thích nhận chức vụ, chỉ muốn sống đời yên ổn của một hội viên thường.

Đời sống một gia đình

Hai vợ chồng đều phải làm việc trọn ngày, nghĩa là từ tám tới chín giờ mỗi ngày. Thường thường đàn ông lãnh công việc đồng áng, đàn bà lãnh công việc trong « nhà » (« nhà đây không phải là nhà của họ mà là kibboutz ») chẳng hạn công việc giặt giũ, quét dọn, nấu nướng cho Kibboutz.

Giờ làm việc thay đổi tùy theo mỗi công việc. Như công việc đồng áng mùa hè thường bắt đầu từ năm giờ rưỡi tới trưa rồi từ hai giờ tới bốn giờ rưỡi chiều. Vậy là chín giờ, nhưng được nghỉ nửa giờ để ăn sáng, còn lại tám giờ rưỡi, kể cả giờ đi từ trại tới chỗ làm việc. Những người làm ở vườn chuối hơi xa một chút không kể thời gian đi tới chỗ, còn phải làm việc thực sự bảy giờ một ngày.

Tùy trường hợp, vợ chồng có cùng ăn bữa trưa với nhau không, nhưng bữa chiều thì luôn luôn họ ăn chung. Quang cảnh phòng ăn bữa chiều khác bữa trưa. Trưa họ bận đồ làm việc mà ăn, chiều họ thay quần áo, bận sơ mi trắng, không nhận ra được họ là nông dân.

Con cái không sống chung với cha mẹ. Bốn giờ rưỡi hay năm giờ chiều, làm việc xong cha mẹ lại đón chúng về phòng riêng, có khi về phòng ăn chung để cùng ăn với cha mẹ.

Trong những giờ vợ chồng con cái gặp nhau, họ hoàn toàn được nghỉ ngơi. Người mẹ khỏi làm gì cả. Cảnh cha mẹ chơi với con cái từ năm giờ tới bảy giờ chiều là cảnh vui vẻ làm cho người nào tới thăm Kibboutz cũng đặc biệt chú ý tới.

Ngày sabbat, trẻ cũng về ở với cha mẹ. Những ngày giờ đó họ thật thanh thản, khỏi lo lắng bận bịu một chút gì cả. Đến tối cha mẹ mới đem trẻ về phòng ngủ chung của chúng.

Kibboutz lo cho họ đủ mọi mặt. Họ muốn có một chiếc ghế dài để nằm trên bãi cỏ trước nhà ư ? Cứ lại hỏi nhân viên coi về việc đó. Nếu Kibboutz có phương tiện thì sẽ cung cấp cho họ. Kibboutz đã có thể lệ để thay đổi các đồ đạc của hội viên. Sinh hoạt xã hội khá thân mật. Tối tối nhiều gia đình lại chơi nhau, vì vậy Kibboutz đã xây thêm cho mỗi người một cái bếp nhỏ để họ nấu trà. Cứ lại nhà bếp mà xin bánh, trái cây về đãi khách.

Kibboutz Guivat Hain còn được thêm một thứ xa xỉ này nữa : có một quán cà phê để buổi tối hội viên lại nói chuyện với nhau, ăn bánh, hút thuốc, đọc báo. Di nhiên khỏi phải trả tiền.

Mỗi Kibboutz có một phòng sách. Nhưng tủ sách ở trong nhà mỗi người có phần đáng đề ý hơn. Nhà này thích đọc

tiểu thuyết, nhà kia thích đọc sách kinh tế, kỹ thuật... Mỗi người một ý. Nhưng làm sao họ có những sách riêng đó? Mỗi hội viên được lãnh mỗi tháng một số tiền để tiêu vặt, họ có thể mua sách hoặc mua đồ chơi cho con. Phần nhiều là mua đồ chơi cho con. Mỗi hội-viên được hưởng một món quà ngày sinh nhật của mình; họ có thể yêu cầu Kibboutz tặng họ sách. Sau cùng họ có thể nhận sách của bà con bạn bè ở ngoài gửi tặng.

Sinh hoạt chính trị rất cao. Hầu hết các hội viên đều cùng vào một đảng. Họ họp nhau để bầu người trong Kibboutz đi dự một cuộc tranh cử vào quốc hội. Các hội viên có chung một khuynh hướng chính trị thì mới dễ sống chung với nhau, cho nên bắt buộc mọi người phải cùng vào một đảng. Có trường hợp một hội viên trong Kibboutz này cưới một người vợ ở một Kibboutz khác thuộc đảng khác. Nhưng như trên chúng tôi đã nói, các Kibboutz đều có khuynh hướng thiên tả, chỉ khác thiên nhiều hay ít, nên họ vẫn hiểu nhau được, vẫn có cảm tưởng là cùng ở trong một đại đoàn thể. Một hội viên ở Kibboutz Hagocherim bảo: « Tôi thấy tôi gần gũi với một hội viên một Kibboutz thuộc một đảng khác, hơn là gần gũi một chủ quán tạp hóa ở Jérusalem cùng ở một đảng với tôi.»

Trẻ em :

Người ta thường nói: « Trẻ em là vua trong Kibboutz ». Lời đó đúng, trong Kibboutz người ta săn sóc trẻ em rất kỹ vì muốn đào tạo một thế hệ mới, một hạng người mới có một lối sống mới. Vì vậy người ta luôn luôn thí nghiệm, cải thiện phương pháp giáo dục.

Trẻ một tuổi thì thường thường người ta dùng tới hai người vú (nurse) để săn

sóc sáu trẻ. Có nơi dùng hai người để săn sóc bốn trẻ thôi.

Người ta cho trẻ sống chung với nhau, cha mẹ không phải chỉ để cho mẹ được rảnh rang làm việc cho Kibboutz mà còn vì lẽ muốn cho chúng tập thói sống chung từ nhỏ và khỏi thấy những xích mích giữa cha mẹ. Nhưng trong nhiều Kibboutz khác người ta thấy như vậy không có lợi cho tâm lý, sinh lý của trẻ — không một người vú nào âu yếm trẻ bằng chính mẹ của chúng, mà có được yêu chúng mới thông minh, mau lớn, khoẻ mạnh — cho nên người ta cho trẻ tối về ngủ với cha mẹ, như vậy chỉ trong những giờ làm việc của cha mẹ chúng mới phải xa cha mẹ thôi.

Đời sống chung của chúng tổ chức rất đàng hoàng. Chúng gần như có một Kibboutz riêng: phòng ăn, phòng tắm, phòng học, phòng chơi, sân chơi riêng đôi khi cả hồ tắm riêng nữa. Trung bình cứ năm em có một người lớn săn sóc. Người ta tập cho chúng tự lo lấy các vấn đề chúng. Có nơi người ta cho chúng một trại riêng để chúng trồng trọt, nuôi gà vịt. Tuổi của chúng lớn lên thì chúng lại qua một « nhà » khác. Chúng « lên nhà » cũng như lên lớp.

Những người săn sóc chúng đều được huấn luyện kỹ lưỡng trong những trường Sư phạm riêng của các Liên hiệp Kibboutz. Có lớp đào tạo những giáo viên cho các trẻ khó tính và những trẻ đó cũng được học trong những lớp riêng.

Khi trẻ được bốn tuổi, người ta cho chúng vào vườn trẻ ở trong Kibboutz. Người ta dạy chúng hát múa, vẽ, nặn, tập thể dục, tưới cây, nuôi gà.

Lên tiểu học, cứ hai chục hay hai mươi lăm trẻ được giao phó cho một giáo viên dạy chúng luôn mấy năm cho hết ban tiểu học, để tránh sự đổi thầy mà người ta cho là không có lợi cho giáo dục.

Chúng tập lần lần làm lấy mọi việc, mới đầu có một « người chỉ cả » coi huy và một số thiếu niên giúp sức. Chúng được học thêm về canh nông, coi sóc một trại nhỏ, vừa làm việc tinh thần vừa làm việc tay chân.

Lên trung học chúng thường phải lại trường của một Kibboutz khác vì vài ba Kibboutz mới có một trường trung học chung. Lớp học gồm 10 đến 20 học sinh. Mỗi ngày học sáu giờ, và ngày nào cũng có giờ cho công việc tay chân. Chương trình vẫn theo sát chương trình của chính phủ nhưng vẫn thiên về thực nghiệp. Ở các lớp trên, người ta phân biệt ba ngành : canh nông và sinh vật học ; văn học và xã hội học ; toán học và vật lý.

Trẻ em nào hết ban tiểu học cũng được lên trung học. Không cho điểm, hoặc cho mà không coi điểm là quan trọng, không phạt, cũng không bắt ở lại. Nếu một em nào theo học một cách khó khăn thì giáo sư sẽ giảng thêm cho ở ngoài giờ học. Trường không dạy đề thi bằng cấp tú tài của chính phủ. Em nào muốn thi đề lên đại học phải học thêm một năm nữa. Đã có nhiều học sinh lên đại học và tỏ ra xuất sắc.

Trai gái học chung với nhau từ nhỏ tới lớn. Cho tới 14 tuổi chúng ngủ chung phòng với nhau nữa, mười lăm tuổi chúng mới ngủ riêng. Chúng thấy vậy có lợi : con trai ít thô lỗ mà có thứ tự hơn, con gái nghiêm trang hơn, ít nói chuyện phiếm.

Người ta nhận thấy rằng thanh niên trong các Kibboutz không phạm pháp, không trụy lạc và ít có mặc cảm hơn thanh niên ở ngoài.

Phong trào Kibboutz tới nay đã được trên năm chục năm nên tại một số Kibboutz, thế hệ thứ ba đã tới tuổi thành nhân rồi. Tám chục phần trăm trẻ sinh

trong Kibboutz, lớn lên tự ý ở lại Kibboutz. Kết quả đó đáng gọi là khả quan vì thời đại chúng ta, ai cũng hăm ra tỉnh ở, mà những thanh niên tới tuổi trưởng thành, phải đi quốc dịch hai năm rưỡi, làm việc trong một Kibboutz mới thành lập một năm nữa, tổng cộng xa Kibboutz non bốn năm, mà vẫn không bị đời sống ở ngoài cám dỗ.

Nhiều người lớn vì nhiệm vụ phải làm việc ở ngoài Kibboutz mà vẫn nhớ đời sống Kibboutz. Thủ tướng Ben Gourion chẳng hạn, khi rời chính trường, trở về sống ở Kibboutz.

Một số người trách rằng giáo dục ở Kibboutz hơi thiếu kỷ luật, để cho trẻ tự do quá ; trình độ lại hơi thấp, nên kéo dài ban trung học thêm một năm nữa. Sau cũng phí tiền quá nặng giáo viên, giáo sư thường là hội viên trong Kibboutz không lãnh lương, nếu phải mượn giáo chức ở ngoài thì khó có một Kibboutz nào trả lương nổi (1)

Vài vấn đề khó khăn :

Xét chung, tình hòa hảo trong Kibboutz khá cao : người ta coi nhau là « đồng chí », thân thiết với nhau hơn người ngoài, chẳng hạn hơn những công chức trong một sở ở Tel Aviv. Nhưng khi mấy trăm người sống chung với nhau thì không sao tránh khỏi những sự xích mích.

Đau đớn nhất là trường hợp các cặp vợ chồng li dị nhau. Thường thường một trong hai người phải bỏ Kibboutz mà đi nơi khác. Nếu cả hai cùng ở lại trong Kibboutz, một người tục huyền,

(1) Đoạn về giáo dục này chúng tôi tham khảo thêm cuốn *Civilisation du Kibboutz* (sách đã dẫn) và cuốn *Le Kibboutz* của Moshé Kerem trong loại *Israël aujourd'hui* — Jérusalem — 1963.

một người tái giá thì thật tội nghiệp cho bày trẻ.

Kibboutz rất thận trọng khi chấp nhận một hội viên mới. Ngay những thanh niên sinh trưởng trong Kibboutz mà cũng không đương nhiên được thu nhận, phải có hội đồng xét rồi bỏ phiếu, đủ phiếu (không rõ bao nhiêu) mới được coi là hội viên chính thức. Nếu họ không được chấp nhận thì tình cảnh họ ra sao, không thấy Joseph Klatzmann nói tới (1)

Mặc dầu thận trọng như vậy vẫn không tránh khỏi được có vài kẻ làm biếng. Theo nguyên tắc, người ta có thể trục xuất họ, nhưng ít khi người ta nỡ dùng biện pháp đó. Và những kẻ lười biếng đó luôn luôn làm cho những hội viên siêng năng bất bình.

Vấn đề tế nhị nhất là vấn đề hướng nghiệp trẻ em. Kibboutz bao giờ cũng mong chúng ở lại vì ít khi kiếm được người ngoài để thay hội viên già cả hay quá vắng. Vì vậy người ta huấn luyện chúng cho thành nông nhân, chỉ một số ít trẻ được học các ngành khác như giáo dục, kỹ thuật (nếu Kibboutz có xưởng). Nhưng nếu một em có khiếu về âm nhạc, về hội họa, về khoa học thì làm sao? không thể bắt chúng cày ruộng được, phải cho chúng học những trường ở ngoài, lên đại học, và thường chúng đi rồi thì đi luôn, rất ít khi chúng làm việc ở ngoài mà vẫn còn làm hội viên Kibboutz.

Mà những trẻ đó có phải do cha mẹ chúng nuôi nấng đâu, do cộng đồng đào tạo cho nên cha mẹ chúng không có quyền đưa ý kiến, còn những hội viên không phải là cha mẹ chúng thì dĩ nhiên chỉ nghĩ tới lợi lợi của Kibboutz, bảo :

« Cho chúng lên đại học làm gì? Mlàm cần người cày ruộng mà! » Thực khó làm thỏa mãn mọi người được. Chắc chắn

có nhiều thanh niên ở ngoài thì được học ở đại học mà ở Kibboutz thì hết trung học phải làm ruộng, suốt đời ở trong Kibboutz. Ít khi được tiếp xúc với xã hội bên ngoài.

Xu hướng biến hóa

Khi Kibboutz mới thành lập, đời sống còn khó khăn, mức sống còn thấp, cái gì cũng là của chung, ngay đến áo sơ mi cũng là của chung nữa, nghĩa là có một số áo đó, áo ai dơ thì cứ việc lại lấy mà thay, không phân biệt áo này của tôi hay của anh.

Đến lúc mức sống đã khá cao thì tự nhiên người ta nghĩ đến việc phân phát một số đồ dùng riêng : áo quần riêng, cái bàn cái tủ riêng... Mới đầu có nhiều người phản kháng, cho như vậy là trái với nguyên tắc cộng đồng, nhưng rốt cuộc người ta cũng phải chấp nhận.

Lần lần người ta lại cho hội viên tự do lựa chọn nữa. Tôi có quyền có áo sơ mi riêng thì tôi xin một chiếc bằng thứ hàng này, màu này, cắt theo kiểu này ; hoặc cho tôi xin máy khâu thanh hãng này hãng nọ. Tới một mức nữa, người ta xin có một số tiền để mua kiểu áo, kiểu máy khâu thanh nào tùy ý. Và Kibboutz phân phát cho mỗi người một số « bon » — dĩ nhiên là đồng đều nhau — để muốn lựa gì thì lựa.

Một biến hóa nữa, như trên tôi đã nói, là cho trẻ về ngủ với cha mẹ suốt đêm, và hiện nay đương có xu hướng « phụ nữ hóa » lại phụ nữ, bớt công việc ở ngoài cho họ để họ săn sóc chồng con.

(1) Có sách bảo hội viên nào muốn ra thì được đem theo các đồ đạc trong phòng và có nơi còn được tặng thêm một số tiền nữa.

Như vậy cũng đã bỏ hơi xa các qui tắc hồi đầu rồi đây. Và nhiều người đã hỏi không biết sau này Kibboutz có biến thành những mochav chitoufi không (1).

Hoạt động kinh doanh

Kibboutz trước hết là một tổ chức kinh doanh cho nên muốn biết một Kibboutz có thành công hay không, không thể xét riêng những hoạt động xã hội, tức lối sống cộng đồng, như hầu hết các nhà viết về Israél thường làm, mà còn phải xét những hoạt động kinh doanh nữa.

Nhiều người ngờ rằng hội viên trong một Kibboutz vì không được có tư sản, không được tư lợi kích thích, làm việc không hăng hái, không có hiệu năng, thành thử lối kinh doanh đó không có lợi, không phát đạt bằng một xí nghiệp của một tư nhân, một công ti, mà cũng không bằng một xí nghiệp quốc hữu hóa vì không được kiểm soát chặt chẽ.

Ông Joseph Klatzmann đã phân tích kỹ các hoạt động kinh doanh của Kibboutz Maagan Mikhael, ở đây tôi chỉ xin đưa ra những kết luận của ông :

Kibboutz đó có những ngành hoạt động dưới đây :

- trồng lúa
- trồng các cây ăn trái, nhiều nhất là chuối.
- nuôi gà
- nuôi ngựa
- nuôi bò ăn thịt vắt sữa.
- nuôi cá.
- đánh cá biển

Tổng cộng trong năm 1959-60, có hết thảy 77.000 ngày làm (1) phân phối như sau :

- sản xuất 30.000 ngày làm
- công việc ở ngoài 2.000 —

- dịch vụ cho người lớn 10.500
- dịch vụ cho trẻ em 21.500 —
- nghỉ, đau 8 00 —
- hoạt động công cộng 4.00 —
- nghiên cứu 1.000 —

Cộng 77.000 —

Vậy nếu không kể những ngày không hoạt động và những ngày để nghiên cứu thì còn lại 68.000 ngày hoạt động, trong số đó có :

— 36.000 ngày làm, tức 53000 dùng vào hoạt động sản xuất.

— 32.000 ngày làm, tức 47000 dùng vào các dịch vụ, mà dịch vụ cho trẻ em tốn công gấp 2 dịch vụ cho người lớn.

Như vậy Kibboutz có tốn nhiều công quá cho trẻ em không? Chưa chắc vì trong các gia đình nông dân Pháp hay Việt-Nam, số giờ săn sóc trẻ em, chưa ai tính kỹ, làm thống kê, chứ cũng cao lắm, chỉ khác họ dùng vào việc đó những người không sản xuất được: trẻ lớn trông trẻ nhỏ, nhất là ông bà săn sóc cho cho cháu. .

Ngay các hội viên trong Kibboutz cũng phân vân về điều đó: có người bảo nên giữ hiện trạng, có người lại đề nghị để cha mẹ săn sóc lấy con cái thì có lẽ lợi hơn. Người ta chỉ đồng ý với nhau rằng trẻ trong Kibboutz được săn sóc kỹ lưỡng lắm. Đó là một kết quả đáng kể.

Về dịch vụ cho người lớn thì lối sống chung trong Kibboutz rõ ràng là tiết kiệm được nhiều thì giờ (một phụ nữ lo việc ăn uống được cho hai chục người) và hội viên ngoài giờ làm việc,

(1) coi ở đoạn dưới

(1) Chúng tôi phân biệt công nhật là tiền công trả cho một ngày làm việc, ngày làm trái với ngày nghỉ, và ngày thực sự làm việc.

được rảnh rang khỏi phải lo nghĩ gì về việc nhà cửa. Kết quả đó rất đáng kể nữa.

Về việc sản xuất, ông Klatzmann bảo sức sản xuất mạnh đấy nhưng tốn kém quá ; nhưng đó không phải là nhược điểm của riêng các Kibboutz, nó là nhược điểm chung của ngành nông nghiệp Israël. Vấn đề ấy chính quyền Israël chắc đương nghiên cứu.

Kết quả lời rất ít :

Năm 1960-61 thu được	1.928.000
	bảng Israël
Tiêu vào việc sản xuất	800.000
Phí tồn chung	82.000
Trừ dần vào vốn	222.000
Trả tiền lời	161.000
Mọi chi tiêu cho Kibboutz	615 000
	1.880.000
Lời được	48 000

Tính ra Kibboutz chi tiêu năm đó cho mỗi hội viên là 1.100 bảng Israël, khoảng 50.000đ. theo hối xuất năm 1968), trên 4.000đ một tháng. Số đó không cao, nhưng chúng ta cũng chưa kết luận được rằng mức sống của Kibboutz kém. Hội viên có nhà ở đàng hoàng (đi nhiên khỏi trả tiền mượn), con cái được nuôi nấng, dạy dỗ kỹ lưỡng, họ có trà, bánh trái cây tha hồ dùng, mức sống của họ có phần còn hơn nhiều gia đình nông dân ở Pháp.

Kết luận

Rốt cuộc, sau khi cân nhắc ý kiến của ba nhà :

— Clara Malraux, một người Do thái, tác giả cuốn *Civilisation du Kibboutz*.

— David Caterivas (tôi đoán cũng là Do-thái) tác giả cuốn *Israël*

— Joseph Klatzmann giáo sư trường *Ecole Pratique des Hautes Etudes* (Paris), một người có công tâm, có tinh thần khoa học.

tôi có thể kết luận như sau :

— 1) Kibboutz thành công về phương diện xã hội, tuy hội viên gặp vài điều khó khăn trong đời sống xã hội, (tình tình xung khắc nhau, kẻ siêng bực mình vì kẻ làm biếng, thanh niên không được tự do lựa nghề theo khả năng của mình...) nhưng để sống chung thì không sao tránh hết được mọi sự bất tiện, mà đời sống trong Kibboutz so với đời sống ở ngoài vẫn dễ dãi hơn, bình đẳng hơn, thân mật hơn, có ý nghĩa hơn.

— 2) Không phải vì thiếu sự kích thích của tư lợi mà hội viên trong Kibboutz không làm việc đặc lực. Điều này rất dễ hiểu : họ tự ý gia nhập cộng đồng, hầu hết họ đều có tinh thần phục vụ cả ; mà Kibboutz lại lựa người gia nhập một cách gắt gao, vô rồi mà tư cách không đàng hoàng thì vẫn có thể bị trục xuất ; như vậy những người còn lại đều là hạng trên mực trung hết. Lại thêm vì cách tổ chức công việc, cách phân công nên năng suất của họ thường cao hơn ở ngoài.

Và lại ta có thể tin rằng một khi kibboutz thịnh vượng mức sống cao lên, nhu cầu vật chất và tinh thần của họ được thoả mãn đầy đủ, (chẳng hạn ai cũng máy khâu thành, máy vô tuyến truyền hình, có sách báo, đĩa hát, được đi du lịch mỗi năm ít tuần...) thì họ bớt có tinh thần ham muốn về tư hữu, ai cũng như ai, có thiếu thốn gì đâu mà ganh tị ?

3') Hội viên mỗi ngày có thêm khuyah hương cá nhân : điều này đúng. . Một số người đã không muốn ăn chung mà muốn đem thức ăn về phòng riêng. Họ cũng thích có một phòng tắm riêng bận những quần áo theo sở thích của họ, (nhất là phụ nữ). Như vậy thực ra không phải tinh thần tư hữu mà là tinh thần cá nhân (vì họ không đòi có nhiều tiền của hơn, được hưởng nhiều hơn những người khác, không nghĩ tới việc đẻ của cho con cái), và tinh thần cá nhân đó trái hẳn với nguyên tắc cộng đồng của Kibboutz thời nguyên thủy, đã làm cho Ben Gourion thở than, cho rằng các hội viên Kibboutz đã sa đọa.

Nhưng bao giờ mà chẳng vậy, xứ nào mà chẳng vậy, khi thành công về vật chất, về kinh tế thì tự nhiên tinh thần chiến đấu kém đi. Nga xô bây giờ đã tiêu-tư-sản-hóa rồi. Quốc gia Israel ngày nay đã vững, ngày nào họ không còn lo về phía Ả-rập nữa thì nhất định họ cũng sẽ như người Pháp, người Anh, người Mỹ. Không thể bắt cả mấy triệu dân đều là anh hùng hết, anh hùng suốt trong mấy thế hệ, anh hùng một cách vĩnh viễn được. Cái đó không hợp tình, hợp lý. Anh-hùng-tinh nhất định là đáng quý, nhưng chỉ quý vì nó tạo hạnh phúc cho mọi người; khi nó không cần thiết cho hạnh phúc nữa thì nó hết nhiệm vụ. Hạnh phúc vẫn là mục đích tối hậu của nhân sinh.

— 4') Vì vậy mà hiện nay đã có một số người tách ra khỏi Kibboutz. Theo Clara Mabraux thì số thanh niên tách ra từ 7 đến 1000, theo Joseph Klatzmann, số đó tới 2000, mà đều là con cháu các tiên khu cả.

Chưa tác giả nào phân tích tâm lý họ, tìm hết thấy các nguyên nhân rồi làm

thống kê theo từng nguyên nhân một, có lẽ vì muốn vậy phải phỏng vấn rất nhiều người mà ít người chịu nói thực.

Chúng ta có thể đoán rằng họ ra đi :

— Vì lúc tới họ nhiệt tâm chiến đấu để thành lập Israel, xong rồi, họ thấy không cần phải hy sinh thêm nữa, muốn sống tự do hơn.

— Vì họ không tự biết rõ mình, tưởng có thể sống đời cộng đồng, sau thất vọng vì đời đó không hợp với họ.

— Vì xích mích với ít nhiều hội viên khác.

— Vì sau một cuộc li dị, một trong hai người phải đi nơi khác (trường hợp này hiếm).

— Vì tinh thần trong Kibboutz chưa thật bình đẳng như họ muốn, vài nơi vẫn có óc giai cấp, những nhiệm vụ quan trọng vẫn gần như cha truyền con nối (theo Clara Mabraux); và có những hội "viên thứ sáu" nghĩa là mỗi tuần sống năm ngày phè phỡn ở Jéusalem, Tel Aviv, chỉ thứ sáu mới về Kibboutz như người Âu, Mỹ đi nghỉ cuối tuần.

Nhưng lỗi có thực về Kibboutz không? Những kẻ hưởng những quyền lợi đó được hội đồng chung để cử kia mà; ai có đủ khả năng thì cũng có thể được để cử.

Trái lại cũng có một số hội viên vì nghề nghiệp, phải sống ở Tel Aviv, Haifa (chẳng hạn một y sĩ chuyên về bệnh ngoài da, bệnh cuốn họng thì trong Kibboutz đâu có đủ bệnh nhân để họ chữa) nhưng kiếm được bao nhiêu đem về nộp quỹ Kibboutz hết, và Kibboutz chỉ phát cho họ một số tiền đủ chi tiêu ở đô thị theo mức sống ở Kibboutz. Những người đó thật đáng phục.

— Có lẽ còn một nguyên do nữa :

một số người không thích đời sống công chức thành thoi, không phải lo lắng trong Kibboutz, mặc dầu được bảo đảm về vật chất; họ muốn mạo hiểm, may hưởng rủi chịu, thích xông pha, chiến đấu với xã hội (không nhất định vì ham lợi đâu), cho đời sống trong Kibboutz như nước ao tù, nên đời ra ngoài. Số này có lẽ không ít: sự mạo hiểm hấp dẫn người ta mạnh lắm.

oOo

Mặc dầu vậy, hiện nay Kibboutz rất vững. Nó không phát triển mạnh như hồi đầu; cứ theo nhân số, có hồi nó gồm 7% số dân Do-thái ở Israël, nay chỉ còn khoảng 4%; nhưng xét cho kỹ thì

số người trong Kibbou'z cũng có tăng, tuy không bằng số dân Israël, như vậy là có lùi dấy, lùi chậm. Các người Do-thái hồi cư sau này không thích vô Kibboutz như hồi đầu, họ thiếu tinh thần tranh đấu, họ hồi hương để hưởng lạc trước hết, do đó số người khác xin gia nhập Kibboutz không đủ bù số người bỏ ra ngoài.

Tóm lại hiện nay không lập thêm được Kibboutz mới, nhưng các Kibboutz cũ vẫn đứng được và sẽ biến chuyển lần lần mỗi ngày một xa những qui tắc chặt chẽ hồi đầu, xa tới đâu thì chúng ta chưa biết được,

oOo

CÁC NƯỚC KHÁC CÓ LẬP KIBBOUTZ ĐƯỢC KHÔNG ?

Nhiều người cho rằng tổ chức Kibboutz chỉ có thể xuất hiện ở Israël được thôi, các nước khác không thể áp dụng nó được, vì nó được thành lập để giải quyết những vấn đề đặc biệt của Israël trước và sau khi lập quốc, mà những vấn đề đó không có ở các quốc gia khác.

Tunisie, năm 1960, đã tạo một tổ chức nông súc ở thung lũng Medjerda, gồm ba mươi thanh niên, hết thảy trong đảng Tân Destour, một đảng quốc gia. Họ sống chung, làm việc chung, y

như trong một Kibboutz chỉ khác viên Quản lý là một người ở ngoài. Năm 1963 ông Klatzmann chưa thể xét kết quả của nhóm đó được. Nhưng ông nghĩ rằng tại các nước khác, chỉ trong những trường hợp đặc biệt, như có nguy cơ chung, có một nhóm người tinh thần quốc gia, tinh thần chiến đấu rất cao — mới có thể thành lập các Kibboutz mà có kết quả.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Kỳ tới: Tinh thần Kibboutz

THƯ-LÂM ÁN THƯ-QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cở áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào:

Trương-mục Bưu-điện số 2.701 Thư-Lâm ấn thư-quán.

Khoa Nhân-học cơ-cấu của CLAUDE LÉVI - STRAUSS

Xem mấy bài trình bày của tôi về Phong trào khoa-học nhân-văn mới, chắc có bạn đọc thầm trách sao viết khó hiểu thế. Ông chủ-nhiệm Lê-ngộ-Châu cũng góp một lời "than", rằng sao mà loạt bài này khó tiêu thế? Cũng như trong khi viết loạt bài về triết hiện-sinh, lần này tôi cũng coi ông Châu như chiếc máy lọc để nhận-định và giúp tôi sửa chữa cách trình-bày thế nào cho sáng sủa để độc-giả dễ dàng tiếp nhận những trào-lưu tư-tưởng hiện làm náo động văn-học thế-giới. Nhưng thú thực, lần này tôi thấy khó có thể trình bày một cách dễ đọc. Lý do? Thì tại bản-chất của các khoa-học nhân-văn mới. Trong khi triết hiện-sinh, và nói chung là các triết thuyết cùng với những kiểu phê-bình văn-học từ Platon đến Sartre, đồng hóa thực-tại với cái mà ta ý-thức, và như vậy họ chỉ viết những gì mà chúng ta cũng đã có kinh-nghiệm bản thân ít nhiều; trái lại theo lập-trường của thuyết Cơ-cấu cùng với các khoa-học nhân-văn mới, thì thực-tại không thể tìm thấy nơi ý-thức, nhưng phải tìm nó tận trong chỗ uyên-nguyên của vô-thức. Nơi cách khác, triết hiện-sinh đề tâm mô tả những kinh-nghiệm sống của con người; thuyết Cơ-cấu lại nghĩ khác: họ cho rằng cái mà ta ý-thức, cái mà ta có kinh-nghiệm sống chỉ là cái giả-tượng. Thực-tại thì nằm ở một đợt sâu hơn nhiều, nơi vô-thức của con người và của xã-hội mỗi thời. Nên nhớ Lévi-Strauss đã viết « Con người sống thời-đại mình như một huyền-thoại, và chỉ sau này khi thời-đại qua đi, người ta mới nhận ra đó là một huyền-thoại. » Hơn nữa, phương-pháp trình bày của hai trào-lưu cũng khác hẳn nhau: triết hiện-sinh dùng phương-pháp mô tả và lấy ý-thức làm căn cứ (theo nguyên-tắc: thực-tại và ý-thức cũng là một; hình-thái ý-thức tôi và hình-thái sự-vật mà tôi ý-thức cũng là một); còn thuyết Cơ-cấu lại theo một phương-pháp giống như phương-pháp của khoa-học thực-nghiệm: lấy một giả-thuyết làm trục-dẫn tác-dụng để giải-thích thực-tại. Như thế nghĩa là gì? Tôi xin lấy một thí dụ: bao lâu tôi coi tri-giác, tức kinh-nghiệm sống, là tất cả thực-tại, thì tôi giống như em bé thấy trái táo rơi, cũng chỉ biết là trái táo rơi, không biết gì hơn nữa, và nhất định không thể giải-thích tại sao trái táo lại rơi vào trái đất chứ không rơi tung ra không-trung. Em bé tượng-trưng cho những thuyết chỉ biết nhận-định thực-tại bằng tri-giác và ý-thức: nhận-định như thế, theo quan-điểm của các khoa-học nhân-

vấn mới, là nông cạn và ngây thơ, chưa đạt tới mức khoa-học. Newton đã có một nhà định khoa-học khi ông giải-thích tại sao trái táo lại bị hút vào trái đất, chứ không thể lảng ra ngoài không-gian : ông đã lấy giả-thuyết « vạn-vật hấp-dẫn » (với công-thức $f = \frac{mm'}{d^2}$) làm lực-đồ tác-dụng nhờ đó không những ông giải-thích được hiện-tượng trái táo rơi, mà còn giải-thích được sự vận-hành cùng là hệ-thống của những hành-tinh trong thái-dương-hệ v.v... Ngày nay, khi phóng các vệ tinh lên quỹ-đạo của trái đất hay quỹ-đạo của mặt trăng, người ta vẫn áp-dụng cái lực-đồ của Newton đó.

Như vậy, nhóm Cơ-cấu có tham-vọng dùng những lực-đồ để giải-thích sinh-hoạt của con người. Những lực-đồ này được coi như những công-thức để diễn-tả những tương-quan phức tạp của vô-thức con người. Họ làm thế, vì họ coi vô-thức là căn-bản, là cơ-cấu, còn ý-thức cùng với kinh-nghiệm sống của ta chỉ là cái hời hợt (không những hời hợt, mà còn bị gọi là huyền-thoại của sinh-hoạt).

Bạn đọc thấy sự chuyển-hướng kinh khủng của trào-lưu Cơ-cấu. Cần một sự thay đổi tập-tục, thay đổi nhãn-quan, chúng ta mới theo rồi được những trình-bày của trào-lưu mới này. Công việc trình bày thực là khó. Khó mà trình bày dễ dàng được. Tuy nhiên nhờ những nhận xét của các bạn đọc, tôi hy vọng sẽ ý-thức hơn về những khó khăn đó, tránh những gì quá chuyên-môn, để cho loạt bài này được sáng sủa và dễ đọc hơn.

oOo

Trước khi đi sâu vào khoa-học nhân-viã, chúng ta thử đưa một cái nhìn tổng-quát. Về phía phong-trào hiện-sinh, họ có hai ông tổ về tư-tưởng là Kierkegaard và Nietzsche, và một ông tổ về phương-pháp là Husserl. Về phía trào-lưu Cơ-cấu, thì hai ông tổ là Freud và Marx, và ông thầy đã dạy cho họ phương-pháp khai thác là De Saussure. Hiện-sinh lấy ý-thức và kinh-nghiệm bản thân làm vấn-kiện duy nhất, còn Cơ-cấu thì lại lấy vô-thức và sinh-hoạt xã-hội làm đối-tượng nghiên-cứu. Muốn khai thác kinh-nghiệm sống, thuyết Hiện-sinh dùng phương-pháp Giảm-trừ của Husserl để lọc lấy « những gì mà thực sự ta đã sống », và gạt bỏ tất cả những gì không được con người ý-thức trong kinh-nghiệm sống đó. Ngược lại, vì coi sinh-hoạt ý-thức là một sinh-hoạt nông cạn và có tính chất huyền-thoại, cho nên thuyết Cơ-cấu nhằm khai quật những

gì làm nền-tảng cho sinh-hoạt ý-thức kia, cũng như nếu không tìm ra những uẩn-khúc vô-thức đang làm con bệnh nói năng và hành động huyền-thiên, thì không sao đưa nó về với thực-tại được. Triết-học cổ-truyền, từ Platon đến Sartre, coi con người là *logos*, là lý-trí, là tinh-thần, là ý-thức. Ngày nay triết Cơ-cấu ngang nhiên nói rằng : con người là *mythos*, là huyền-thoại, mơ tưởng. Sartre đã viết : « Con người sinh ra không lý-do, kéo lê cuộc đời vì nhu-nhuộc, và chết vì ngẫu-nhiên ». Câu nói đầy vẻ chán-chường và phi-lý như triết-lý phi-lý của ông. Còn Freud lại cho rằng : « Con người sinh ra như một mớ những kích-động vô-thức, lớn lên trong mơ mộng, và chết đi khi vấp vào thực tại. » Như vậy, theo Freud, con người sinh-hoạt trong ảo mộng và vô-thức từ lọt lòng mẹ cho tới khi chết : chỉ khi chết con người mới gặp sự thực. Câu này không có nghĩa là sự chết mở

cửa cho ta bước vào sự thực như kiểu nói của các tôn-giáo; Freud chỉ có ý nói rằng thực tế là cái cay đắng, ta không thể chịu nổi, cho nên bao lâu còn có khả-năng dùng tư-tưởng huyền-thoại để biến-chế nó thành một cái gì chịu được, thì ta còn sống đó; khi nào không biến chế được nữa thì ta chết. Quyết là thực-tại, và thực-tại là chết.

Freud đã vạch trần tính-chất huyền-thoại của ý-thức ta (con người lớn lên trong mơ mộng). Ông cũng giúp tìm ra nền tảng của sinh-hoạt mơ mộng đó. Ai cũng biết, theo ông, ý-thức chỉ là cái hời hợt và là một khía cạnh nhỏ nhoi của sinh-hoạt thực thụ nơi con người. Ý-thức giống như nước sơn ngoài vỏ, còn vô-thức mới thực là nền-tảng quan trọng. Vẫn theo Freud, thì vô-thức là tên gọi của sinh-hoạt tâm-sinh-lý. Vô-thức là tên gọi của những kích-động phát sinh từ bên trong con người. Những kích-động của nhu-cầu bản-năng, sui nên do sinh-hoạt cơ-tế và kích-thích của môi-trường. Nếu sinh-hoạt được diễn ra trong những điều-kiện tốt lành và thuận lợi, con người sẽ trưởng thành và lành mạnh. Nếu như sinh-hoạt của đứa trẻ, (nhất là giai-đoạn từ 3 đến 5 tuổi, tức giai-đoạn Oedipe) bị giáo-dục một cách sai lầm do những ám ký và ám ảnh, thì đứa trẻ sẽ lớn lên trong bệnh hoạn về tâm thần. Những bệnh loạn thần-kinh này do dồn ép, tức ản-ức sui nên, và những ản-ức thì bao giờ cũng hoàn toàn vô-thức.

Marx cũng đóng góp một phần không nhỏ vào việc xây dựng trào lưu khoa-học nhân-văn ngày nay. Chủ trương của ông là không có Con Người, không có những ý-tưởng ngàn đời như ta thường thấy nói đến trong triết-học cổ-truyền. Theo Marx thì chỉ có những người sống trong những xã-hội nhất định, ở những thời-kỳ nhất định của tiến-trình lịch-sử:

những người này không được đúc nên theo những khuôn mẫu ngàn đời của Platon hay Aristote, nhưng họ đã do sinh-hoạt xã-hội cấu tạo nên, rồi họ lại chính tay biến đổi môi-trường đó và biến đổi con người của họ và của thế-hệ sau. Theo kiểu nói của Mác, con người tạo nên môi-trường sinh-hoạt cho mình, sản xuất ra những dụng cụ sinh hoạt, và như thế là họ đã tự tạo nên con người của họ. Tuy nhiên, phần cốt-yếu của thuyết Mác-xít là giúp con người ý-thức về những *phóng thể* (tức vong thân) của mình: con người vướng vào 3 thứ vong-thân, vong-thân tôn giáo, vong thân triết học và vong thân chính-trị. Đại ý: con người vong-thân là con người sống trong mơ tưởng và chưa hồi tỉnh về tình trạng sinh hoạt thực-tại của mình. Chẳng hạn Mác tố cáo tôn-giáo đã dùng những hình ảnh về "phần thưởng đời sau" để làm con người trở nên nhẩn nhục, bỏ mất cuộc đời hiện nay của họ và mất luôn tinh-thần tranh đấu cho những quyền-lợi thực-tại của họ. Mác tố cáo triết-học, nhất là triết Hegel, đã dùng những lời lẽ có vẻ hợp-lý để giải đáp những thắc mắc của con người về ý-nghĩa cuộc đời: lời hay ý đẹp của Hegel đã làm con người tự mãn một cách trừu tượng và nhân đo bỏ quên việc giải quyết những điều-kiện sinh-hoạt thực-tế. Sau hết, Mác tố cáo chính-trị là căn-nguyên của vong-thân xã-hội, vì chính-trị đưa ra những ý-tưởng cao-siêu như Quốc-gia, Quê-hương, trong khi thực sự quốc-gia của sinh-hoạt chính-trị ngày nay chỉ là quốc-gia của thành-phần thống-trị, tức giai-cấp bóc lột, thành thử con người của giai-cấp bị trị sống trong mê-hoặc và bỏ mất cuộc đời thực-tại của mình. Mác tố cáo những vong-thân đó, đồng thời ông đưa ra phương-pháp

phân-tích của khoa kinh-tế chính-trị để vạch rõ những hạ-tầng cơ-sở vật-chất. Chính những « hạ-tầng cơ-sở » này là căn-nguyên phát sinh ra những « thượng-tầng kiến-trúc », tức những tư-tưởng triết-học và luân-lý. Những hạ-tầng cơ-sở chính là những cơ-cấu, và chúng cũng giữ vai trò giống hệt như những cơ-cấu của khoa-học nhân-văn ngày nay. Tất nhiên các hạ-tầng cơ-sở này cũng đều là « vô-thức », theo nghĩa con người ta không biết tới, và phải nhờ những người như Mác chỉ bảo cho mới nhận ra.

Những nhận xét trên đây của Freud và của Mác có bao nhiêu phần đúng và bao nhiêu phần sai, chúng tôi thấy chưa thể phê-bình ngay ở đây, phải đợi khi chúng ta đã cùng nhau hoàn tất công việc nghiên-cứu về hướng đi của các khoa-học nhân-văn. Đàng khác, độc-giả cũng có thể tự mình nhận - định rồi. Mục-đích của chúng tôi khi nêu lên mấy tư-tưởng nòng-cốt của Freud và của Mác là để dẫn vào khoa nhân-học cơ-cấu của Lévi-Strauss: cả Freud lẫn Mác cũng nghĩ rằng con người sống trong ảo-mộng, vong thân. Cả hai cùng chủ-trương thực-tại là cái vô-thức. Nói đúng hơn, thực-tại là cái bị dồn vào trong vô-thức: thành thử cái mà ta nghĩ là thực-tại, thường khi chỉ là một ảo-tưởng, một huyền-thoại do sinh-hoạt đoàn-thể gây nên.

Với nhận định như thế về những huyền-thoại và vong-thân luôn che khuất thực-tại của con người, trào-lưu nhân-văn ngày nay đã gặp được nơi khoa Ngữ-học của De Saussure một phương-pháp thích-ứng để khai quật những nền tảng vô-thức kia. Thực ra Freud và Mác đã đưa ra những phác-họa cho một phương-pháp phân-tích: hai ông cùng nhấn mạnh

vào tính-chất *toàn-bích* của thực-tại. Freud dùng phương-pháp lên-tưởng tự-do, nghĩa là để con bệnh tự-do nói lên bất cứ điều gì thoáng qua tâm trí đương sự, cho dù là những điều quái-đản và tội lỗi đến đâu, rồi nhờ đó nhà tâm-phân-học dần dần tìm ra cái thực-tại vô-thức đang bị chôn vùi trong vô-thức và sui nên bệnh-hoạn nơi con bệnh. Tâm bệnh là biểu-hiệu của một hệ-thống vô-thức: nếu chỉ nhìn vào hành vi và lời nói của con bệnh (tức phía ngoại-diện, tức cũng là những cái ta nhận-thức được theo tri-giác) thì không thể đạt tới thực-trạng của con bệnh. Các tâm bệnh giống hệt như những vụ ném đá giấu tay: khoa tâm-phân-học giúp ta tìm ra cái tay ném đá kia, tức tìm ra cái vô-thức. Về phần Mác cũng thế, ông vạch cho thấy những huyền-thoại do giai-cấp thống-trị dựng nên: « Tư-tưởng của giai-cấp thống-trị ở mỗi thời vẫn là tư-tưởng đã thống-trị tâm trí con người; nói cách khác, giai-cấp tượng trưng cho sức mạnh thống-trị về vật-chất, cũng là sức mạnh tinh-thần thống-trị của xã-hội. » (K.Marx *Oeuvres choisies*, t.I, Gallimard 1963, trg 149). Thử nhìn lại xã-hội Việt-Nam ba chục năm trước đây trong chế độ quân-chủ, mặc dầu là đã bị bảo-hộ và ông vua khi đó chỉ là một anh chàng say mê du hí, chẳng biết gì đến dân đến nước, vậy mà đồng đảo quần-chúng vẫn trưng hình của anh ta trên nơi cao và nhắc đến tên anh ta như tượng thánh danh của một vị thiên-tử. Rồi cái huyền-thoại « nhà chí-sĩ Ngô-đình-Diệm », rồi huyền-thoại « Cách-mạng 1 tháng 11 », vân vân và vân vân... Con người sống trong ảo-mộng, và sống chết cho ảo-mộng. Con người khó nhia ra thực-trạng của mình và của xã-hội, bởi vì thực-trạng này tự nó chìm sâu trong vô-thức.

De Saussure đã mang lại cho văn-học ngày nay một phương-pháp sắc bén hơn đến nỗi những triết-gia mác-xít như Louis Althusser đã bổ-túc cho thuyết Mácxít bằng những khám phá mới mẻ của khoa ngữ-học. Và Jacques Lacan cũng tu chỉnh lại khoa Tâm-phân cho hiệu-nghiệm hơn, nhờ những đóng góp của khoa ngữ-học. Do đấy người ta hiện có một thuyết Mácxít cơ-cấu và một khoa Tâm-phân cơ-cấu.

Riêng về Lévi-Strauss, từ lãnh- vực Dân-tộc-học (Ethnologie) ông đã bước sang lãnh- vực Nhân-học (Anthropologie). Thoạt tiên ông đứng vào ngành Nhân-học xã-hội (Anthropologie sociale), rồi gần đây ông đã đặt tên cho học-thuyết của ông là Nhân-học cơ-cấu (Anthropologie structurale) vì ông muốn dùng khoa ngữ-học để đưa ra ánh sáng tất cả những gì là cơ-cấu nền-tảng của thực-tại con người. Viết về ngữ-học và riêng về công-trình của N. Troubetzkoy nơi đầu cuốn « Nhân-học cơ-cấu » của ông, Lévi-Strauss đã bắt lời ca tụng phương-pháp rất khoa-học của khoa ngữ-học mà đây ông gọi là khoa Âm-học (Phonologie) : « Khoa Âm-học, đối với các khoa-học xã-hội, cũng giữ một vai trò cạnh tân như khoa vật-lý hạch-tâm đối với các khoa-học đích-xác ». Cuộc cách-mạng này quan-hệ ở chỗ nào ? Vị tôn-sư của khoa Âm-học, N. Troubetzkoy đã trả lời như sau. Trong một bài báo có tính-chất một chương-trình hoạt-động, ông quy phương-pháp Âm-học về 4 vận-động nền tảng này : trước hết, khoa Âm-học chuyển từ sự nghiên-cứu về những hiện-tượng ngữ-học hữu-thức (conscients) sang sự nghiên-cứu về hạ-tầng vô-thức (infrastructure inconsciente) của chúng — khoa đó không chịu coi những hạn-từ

như những thể-tính độc-lập, nhưng coi các tương-quan giữa các hạn-từ đó như căn-bản của cuộc phân-tích ; — khoa đó mang đến cho ta ý-niệm về hệ thống : « Khoa Âm-học ngày nay không chịu nói xuông rằng các âm-tố (phonèmes) bao giờ cũng là thành phần của một hệ-thống, nhưng còn trở cho thấy những hệ-thống âm-học cụ thể và nêu rõ những cơ-cấu của chúng » (Troubetzkoy) ; — sau hết khoa âm học còn nhằm khám phá ra những định luật phổ thông, hoặc nhờ công việc quy nạp, hoặc nhờ suy-diễn bằng luận-lý, bởi đó các định-luật kia có tính chất tuyệt đối. (Anthropologie structurale, Plon 1958, trg 39-40).

Sau những lời « mào đầu » tuy hơi dài dòng nhưng cần thiết trên đây, bây giờ chúng ta có thể đi thẳng vào khoa Nhân-học cơ-cấu của Lévi-Strauss.

oOo

Khoa Nhân học là gì ? Danh từ Nhân-học thoạt nghe rất là hàm hồ : Nhân-học là học về con người, vậy thì tâm lý học, sinh lý học và triết học cũng có thể được gọi là Nhân học. Hơn nữa những khoa như dân-tộc-học (ethnologie), dân-tộc-chí (ethnographie) cũng là những khoa học về con người. Ấy là chưa kể khoa xã-hội-học và khoa sử-học. Thực ra khoa Nhân-học bắt nguồn từ những công cuộc nghiên cứu dân-tộc-học, và các nhà Nhân học đều xuất thân từ môi trường dân-tộc-học. Dân-tộc-học nghiên cứu về sinh-hoạt xã-hội và văn-hóa của các dân-tộc (nhất là những dân-tộc cổ-sơ), và phương-pháp của khoa này dựa trên những quan-sát cụ-thể được sắp xếp có hệ-thống. Trong khi đó thì khoa Nhân-học nhằm đạt tới những gì liên quan đến con người trong bản-chất phổ-thông của loài người. Người ta chia Nhân-học

làm nhiều ngành: nhân-học vật-lý (anthropologie physique) chuyên nghiên cứu về những biến-thái của bộ xương bộ óc con người từ khi con người xuất hiện trên mặt đất tới nay; — nhân-học văn-hóa (anthropologie culturelle) thì nghiên cứu về giáo-dục, kỹ-thuật và văn-hóa của một dân-tộc để rồi xác-định về sinh-hoạt của con người sống trong xã-hội đó. — và sau hết là khoa nhân-học xã-hội (anthropologie sociale) đi từ công việc nghiên cứu về sinh-hoạt xã-hội của con người nơi một dân tộc, để rồi đạt tới sự khám phá ra những yếu tố phong-tục và văn-hóa đã gây nên hình-thái sinh-hoạt đó: n thế như vậy. Ai cũng thấy hai khoa Nhân-học văn-hóa và Nhân-học xã-hội có cùng một chương trình và đạt tới cùng một mục tiêu theo hai chiều đi ngược nhau: khoa trước đi từ những yếu tố để đạt tới hệ-thống toàn-diện, khoa sau đi từ sự nghiên-cứu về các tương-quan của hệ-thống rồi mới nhìn kỹ từng thành-phần cấu-tạo.

Lévi-Strauss chuyên về Nhân-học xã-hội và gần đây, nhân vì lẽ-đó làm việc của ông, ông đã đặt tên cho khoa của ông là Nhân-học cơ-cấu, « dựa vào một cách quan-niệm thế-giới và theo một phương-thức mới trong việc nêu lên các vấn đề liên-quan đến các hiện-tượng xã-hội, nhằm làm sáng tỏ một số những đặc tính phổ-thông của sinh-hoạt xã-hội. » (*Anthropologie Struct.* trg 378 - 379). Như vậy đối tượng của khoa Nhân-học cơ-cấu là làm sáng tỏ những đặc-tính phổ-thông của sinh-hoạt xã-hội: con người của Lévi-Strauss là con người sinh-hoạt trong hệ-thống các tương-quan vô cùng chặt chẽ của xã-hội, chứ không phải con người suy-tưởng của Platon, hoặc con người cô-đơn của Sartre.

Danh từ « cơ-cấu » đã được Lévi-Strauss định-nghĩa một cách khoa-học, vì khoa Nhân-học của ông là đặc-biệt của khoa-học nhân-văn. Khoa-học, chứ không còn là triết-học, hoặc những cảm-nghi. Bởi vậy từ quan-niệm cơ-cấu cho đến phương-pháp của thuyết cơ-cấu đều nặng tính chất khoa-học thực-nghiệm. Bạn đọc sẽ thấy đầy đủ tính-chất khoa-học này khi theo dõi những trình bày dưới đây về đối-tượng và phương-pháp của khoa Nhân-học cơ-cấu.

Nhưng trước hết phải hiểu thế nào là một cơ-cấu xã-hội. Ông viết: « Nguyên-tắc nền-tảng là: quan-niệm cơ-cấu xã-hội không nhắc đến những thực-tại thường-nghiệm, nhưng nói lên những mô-hình được thiết-lập (modèles construits) dựa theo thực-tại đó. » (*Anthrop. str.*, trg 305). Cơ-cấu không bao giờ là cái ta tri-giác, tức cái mà ta nghiệm thấy trong sinh-hoạt thường-nghiệm: cơ-cấu là mô-hình, biểu-tượng một giả-thuyết và có khả-năng diễn-tả những tương-quan cụ-thể mà chúng ta đã nghiệm thấy, nhưng mô-hình này phải bao quát hơn tất cả những quan-sát cụ-thể của ta. Mô-hình đóng vai trò giống như những công-thức trong khoa vật-lý. Trở lại thí dụ sự trái táo rơi: mắt ta chỉ nhìn thấy trái táo rơi xuống đất, còn như với giả-thuyết khoa-học của Newton được trọng-hình nơi công-thức $f = \frac{mm'}{d^2}$ thì nhà khoa-học đã không những nhìn thấy trái táo (tương-trung bằng khối lượng của m), và còn nhìn vào khối-lượng của trái đất (m'), và sau hết là khoảng cách giữa vị-trí của trái táo và trung-tâm trái đất (d): tất cả những cái này không nằm trong số những dữ-kiện của tri-giác, nghĩa là tri-giác con người không có thấy. Thì ở đây cũng vậy, cơ-cấu

khác hẳn với thực-tại của kinh-nghiệm sống: kinh-nghiệm sống luôn luôn có tính chất bất tất, huyền-ảo, thiếu căn-bản khoa-học. Cho nên « phải thay hiện-tượng-học về tri-giác vạn-vật bằng một khoa-học về các đối-tượng.. Và vấn-đề cốt yếu của các khoa-học nhân-ăn sẽ là thay những ý-nghĩa của kinh-nghiệm sống bằng một thể-giới của những ý-nghĩa khách-quan. » (G GRANGER, *Pensée formelle et sciences humaines*. A. M. J. 1960, trg 64 và 66).

Bạn đọc thấy ngay lập-trường cơ-cấu chống lại lập-trường hiện-sinh, bởi vì chống lại kinh-nghiệm sống là nòng cốt của phong-trào hiện-sinh. Điều can hệ là ta không thể dễ dàng và trực-tiếp rút các cơ-cấu (tức] mô-hình) ra từ những kinh nghiệm và quan-sát cụ thể: chúng ở hai bình-diện khác nhau, cũng như hữu-thức và vô-thức. Kinh nghiệm cho ta nhận ra những tương-quan xã-hội, nhưng kinh nghiệm không bao giờ giúp ta tìm được những cơ-cấu xã-hội. Muốn tìm ra những cơ-cấu, ta phải suy tính, giả-thiết, thí-nghiệm: cho nên cơ-cấu được gọi là những mô-hình do ta

thiết-lập nên, cũng như New'on đã thiết lập nên công-thức để giải nghĩa hiện-tượng trái táo rơi. Tóm lại, ta quan sát thấy các tương-quan xã-hội, nhưng không quan sát thấy các cơ-cấu xã-hội; các tương quan kia được coi như vật-liệu ta dùng để thiết lập những mô-hình, tức cơ-cấu; tổng số các tương-quan cụ thể chưa phải và không phải là một cơ-cấu, vì cơ-cấu thì giả-nghĩa được tất cả các tương-quan ta đã nghiệm thấy và còn giải nghĩa được nhiều loại hiện-tượng tương đương khác trong xã-hội (Xem *Anthrop. str.* trg. 306).

Sau khi đã hiểu thế nào là cơ-cấu xã hội trong khoa Nhân-học của Lévi-Strauss, chúng ta sẽ lần lượt theo dõi ông trong việc nghiên cứu về thực-trạng con người trong xã-hội, rồi xem ông qua-niệm về con người ra sao. Nói cách khác, chúng ta sẽ chia việc trình-bày làm 2 phần: Phần I bàn về đối-tượng và phương-pháp khoa Nhân-học cơ-cấu; — Phần II bàn về con người theo tư-tưởng Lévi-Strauss.

(Còn tiếp)

TRẦN-THAI-ĐÌNH

Kỳ tới: Đối-tượng và phương pháp khoa Nhân-học cơ-cấu

SÁCH MỚI

Tạp-chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác-giả, dịch-giả, nhà xuất-bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây:

— Nói cho con tập thơ của Phồ-Đức, do Nhân-Chứng xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 70 trang gồm 18 bài thơ thuộc 3 đề mục: Chiến tranh, Tình yêu, Thân phận. Bìa do họa sĩ Duy Thanh, phụ bản của nữ-sĩ Hoàng hương-Trang — Ban đặc biệt.

— Trước mặt bán nguyệt-san văn-hóa, xã-hội số ra mắt, khổ 28 x 44, dày 8 trang. Giá 10 đ., gồm các bài của Lê-Việt-Nguyên, Hà-Nguyên-Thạch, Trần-

thuật-Ngữ, Phan-nhự-Thức, Luân-Hoán, Vương-Thanh, Minh-Đường, Nghiêu-Đề. Tòa soạn 139, Võ-Tánh, Quảng-Ngãi.

— Chỗ đứng tạp-chí chính trị văn-hóa xã-hội do Sinh-viên Đại-học Sư-phạm Saigon chủ trương, số 2 với chủ-đề: Nhìn con đường hòa bình. Chủ bút; Trần-văn Chi, Tổng Thư ký: Nguyễn-Cát-Đông, Tòa-soạn: 221 Công-Hòa. Mỗi số khổ 30 x 44, dày 16 trang. Giá 15 đ.

— Giai-thoại văn-chương của Lương-Trọng-Minh, do nhà sách Khai-Trí, xuất-bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 112 trang gồm 21 giai thoại văn-chương của các danh-sĩ, danh-nhân V. N. Giá 60 đ.

Nhìn qua cuộc

bầu cử Thượng-nghị-viện Nhật

LÊ-THANH-HỒ

Trong khi Thủ tướng Sato, với tư cách Tổng-tài của đảng Tự-do dân-chủ, cho biết cảm tưởng đầu tiên rất sung sướng với kết quả ngoài dự đoán thì phóng viên đài NHK đang tóm tắt những cuộc phỏng vấn chớp nhoáng mọi giới dân chúng tại các cửa ga lớn ở Tokyo, Osaka hiện trên màn ảnh truyền hình Nhật: Những người lớn tuổi có vẻ hài lòng nhưng giới trẻ hầu hết tỏ ra không được thỏa mãn với kết quả cuộc bầu cử. Có thể nói đó là nét tiêu biểu đặc biệt cho cuộc bầu cử Thượng-nghị-viện Nhật diễn ra hôm chủ nhật 7-7-1968.

Vài nét tổng quát

Thượng-nghị-viện Nhật (gọi đúng theo Nhật là Tham-nghị-viện — House of Councillors) theo hiến pháp, gồm 250 nghị sĩ, nhiệm kỳ 6 năm, cứ mỗi 3 năm bầu lại phân nửa. Và cuộc bầu cử năm nay được ấn định vào ngày chủ nhật mùng 7-7-1968 để tuyển 126 thượng nghị sĩ. Đã có bầu cử, hẳn nhiên phải có tranh cử, vận động, giao lộn cũng như buồn vui với kết quả. Nhưng cũng tùy theo mức độ dân-chủ của mỗi nước mà không khi có phần khác biệt. Nhật bản là một nước độc lập và hiện không chiến tranh. Chính nhờ vậy mà khách bàng quan mới có thể nhìn thấy được những nét thực tình trong đời sống người Nhật đối với những sinh hoạt chính trị mà cụ thể nhất là bầu cử.

Các chính đảng

Di nhiên, tích cực nhất trong cuộc bầu cử ở các nước dân-chủ là các đảng phái chính trị. Hiện Nhật có tất cả 5 chính đảng. Nhìn theo tỷ-số nghị-sĩ của mỗi chính đảng trong quốc-hội (cả 2 viện), thường thường công luận tại đây sắp thứ tự như sau:

— 1) Đảng Tự do dân chủ, tức đảng hiện đang nắm chính quyền, Tổng tài là đương kim Thủ-tướng Sato, có số nghị sĩ cao nhất trong quốc hội. Riêng tại thượng viện chiếm 139 ghế. Lập trường bảo thủ, đối ngoại chủ trương duy trì Hiệp ước an ninh Nhật Mỹ (The Japan — US security treaty).

— 2) Đảng Xã-hội, chiếm số đông thứ hai, tại thượng viện được 73 ghế. Theo khuynh hướng xã-hội, chủ trương chấm dứt sự hợp tác Nhật-Mỹ và mở bang giao rộng rãi về phía các nước xã hội, nhất là Trung Cộng.

— 3) Đảng Công Minh, với số ghế 20 ở Thượng viện, được gọi là một chính đảng trẻ nhất tại Nhật. Đảng này xuất thân từ nhóm Shokagakukai (Sinh gia học hộ) và hậu thuẫn là toàn thể tín đồ của hội này.

— 4) Đảng Dân-chủ xã-hội, ở thượng viện được 6 ghế

— 5) Cuối cùng là đảng Cộng-sản được 4 ghế.

Tuy vậy vẫn có nhiều người không

nằm trong đảng phái nào, ra ứng cử với tư cách độc-lập. Và con số nghị sĩ độc-lập này ở thượng viện là 5 ghế, cao hơn số ghế của đảng Cộng sản Nhật trước cuộc bầu cử năm nay.

Nhưng theo Hiến-pháp, đảng nào chiếm được đa số ở Quốc hội, sẽ lãnh đạo chính phủ. Bởi vậy, nhìn vào con số nghị sĩ ở Quốc hội, người ta thường chú ý đến 2 đảng Tự-do dân-chủ và Xã-hội là có thể « ăn thua » với nhau. Trong ngày mở đầu cuộc vận động tranh cử, lãnh tụ các đảng phái đều được thấy xuất hiện trước công chúng: Thủ tướng Eisaku Sato, tổng tài đảng Tự-do dân-chủ, các ông Seiichi Katsumata Chủ tịch đảng Xã hội, ông Yeshikatsu Takeiri đảng Công Minh, ông Eichi Nishimura đảng Dân chủ xã hội và ông Saezo Nosaka đảng Cộng sản Nhật-Bản. Dường như có dụng ý nhằm vào chiến dịch « đố khờ » nhau, nên trước ngày vận động bầu cử ít lâu, một nghị sĩ thuộc đảng xã-hội bị tố có liên quan đến một vụ « ăn tiền » và ông nghị này bị cảnh sát đến mời đi thẩm vấn. Rồi gần đến kỳ vận động, một ông nghị thuộc đảng Tự-do dân-chủ cũng bị moi ra tố với một tội trạng tương tự. Cả hai vụ đều làm cho dư luận khá xôn xao. Cho nên, các ông lãnh-tụ hai đảng lớn này có gào thét thế nào chăng nữa, dư luận báo chí vẫn cứ suy ra rằng: Hai ông lớn tán lộn nhau thế nào cũng bị sét mả, và như vậy sẽ mất đi một số ghế về tay các đảng nhỏ.

Đề tài được các lãnh tụ chính đảng đua nhau gào thét trước dân chúng, tựu trung có những điểm như sau:

Đối ngoại: Hiệp ước an ninh Nhật Mỹ. Vấn đề chiến tranh Việt Nam; vấn đề bang giao mậu dịch với Trung-Cộng.

Đối nội: Vấn đề tăng giá vật phẩm, tăng thuế; Vấn đề nhà ở; Vấn đề sinh viên chống đối.

Ông Sato cũng như lãnh tụ các đảng khác đều lần lượt đi về các tỉnh lớn, các đô-thị đông dân để cổ võ cho thanh thế của đảng mình. Ngày cuối cùng trong thời kỳ vận động, tại Chiba, một huyện(1) kế cận phía đông Tokyo, ông Sato cho biết ông tin tưởng đảng ông sẽ toàn thắng. Ngược lại, các đảng khác đều đem chánh phủ cũng như cá nhân ông Sato ra công kích kịch liệt. Nhất là các đảng thiên tả to tiếng lên án tính chất « đi đôi » với Mỹ về chiến tranh Việt-nam, ảnh hưởng tai hại của các căn cứ Mỹ tại Nhật, như vụ máy bay phản lực chiến đấu của Mỹ rớt xuống trường đại-học Kyushyu (Cửu Châu), miền nam Nhật hôm 2-6-68, vụ tàu ngầm nguyên tử Mỹ thả nhiều chất phóng xạ khi vào cảng Sasebo, một căn cứ hải quân của Mỹ tại Kyushyu...

Các đảng khác thì công kích việc tăng thuế, tăng giá vật phẩm thường nhật như thuốc lá, rượu... Có ông không hút thuốc, nhưng cũng cần thận bọc sấu trong túi một gói Hi-lite (loại thuốc lá phổ-thông tại Nhật) để chốc lát chia ra trước công chúng phân bua về việc chánh phủ Sato vừa chính thức cho tăng giá từ 70 Yen một gói lên 80 Yen. Không khí tranh cử vào những ngày cuối cùng thực là sôi nổi. Các chương-trình thường lệ của đài truyền thanh, truyền hình thường bị cắt ngắn nhường cho các cuộc phỏng vấn, tiếp xúc, bình luận, ước đoán về cuộc bầu cử. Nhưng còn dân chúng thì sao?

Dân chúng

Dân Nhật rất đông. Riêng thủ đô Tokyo

(1) Huyện ở Nhật tương đương với tỉnh ở ta. Danh từ « tỉnh » ở Nhật lại dùng để chỉ các bộ trong Chính phủ.

gần 12 triệu rồi. Yokohama một thành phố tiếp cận phía nam, theo thống-kê gần đây, đã lên đến con số 10 triệu. Bởi thế, trong cuộc bầu cử vừa qua, người ta phải dành riêng 4 nơi đông dân nhất được kéo dài cuộc đầu phiếu hết ngày chủ nhật đến sáng thứ hai. Đó là Tokyo, Osaka, huyện Kanagawa (trong đó có thành phố Yokohama) và huyện Ai Tri (trong đó có thành phố Nagoya).

Mặc dầu vậy, không phải mọi người Nhật đều thiết tha với cuộc bầu cử. Theo con số tổng kết, thẻ cử-tri được cấp phát là 66.800.000 trong khi dân số Nhật gần 100 triệu. Con số còn lại sẽ đi đâu? Họ không thích bầu cử và do đó họ không thèm lãnh thẻ cử tri. Sau ngày bầu cử xong, người ta lại cho biết tỷ-lệ đầu phiếu là 62,64% và gọi đây là tỷ-lệ cao nhất từ trước đến nay. Quả là nước dân chủ có khác. Chả bù với nước mình lúc nào cũng từ 85% trở lên. Có điều đáng lưu ý trong cuộc bầu cử vừa qua số số cử-tri p ụ nữ nhiều hơn nam giới. Thống kê cho thấy số nữ cử-tri hơn nam cử-tri là 2.467.023 người.

Kỳ bầu cử năm nay nhằm tuyên 126 nghị sĩ vào Thượng-viện, chia làm 2 đơn vị: 51 ghế ở đơn vị toàn quốc và 75 ghế ở đơn vị địa - phương (từng huyện, từng đô thị). Có tất cả 305 ứng cử viên, chia ra như sau: 93 người tranh 51 ghế ở đơn vị toàn quốc và 212 người tranh 75 ghế ở đơn vị địa phương. Đảng Tự - do dân - chủ đưa ra 93 ứng cử viên nhằm tranh 71 ghế ở cả hai đơn vị và đảng Xã-hội đưa ra 62

ứng cử viên đề tranh 36 ghế cũng cả hai đơn vị.

Toàn quốc Nhật có tất cả 46.301 địa điểm đầu phiếu. Cử tri tự mình viết tên ứng cử viên vào lá phiếu trước khi bỏ vào thùng phiếu. Một điều đáng lưu ý, tổng kết sau khi khai phiếu cho thấy số phiếu bất hợp lệ chỉ có 0,45%. Như thế đủ thấy nạn mù chữ ở Nhật được coi gần như thanh toán rồi, vì hầu hết tên các ông nghị đều viết bằng chữ Hán nhiều nét, khó nhớ. Ngoài ra, vấn đề kỹ thuật thông tin, kiểm phiếu có thể nói rất nhanh chóng và kịp thời. Các đài truyền hình đều theo dõi bầu cử, luôn luôn cho thấy kết quả cuộc bầu cử diễn tiến từng giờ. Những cuộc phỏng vấn chớp nhoáng tại các nơi đồng đúc cho biết dư-luận quần chúng đối với cuộc đầu phiếu trong khi một nhóm điện-ảnh-viên khác túc trực tại các trung-ương đảng-bộ để đưa lên màn ảnh Truyền hình không khí vui buồn, sôi động tại các cơ quan đầu não của chính đảng trong thời gian cuộc kiểm phiếu đang tiếp diễn.

Tất cả đều hồi hộp trước giờ có kết quả sau cùng.

Và kết quả

Tối thứ hai 8-7 con số kết quả sau cùng đã được coi như chính xác. Báo xuất bản tối 8-7 và sáng 9-7 đều chạy những dòng tít lớn loan tin kết quả cuộc bầu cử kèm theo một vài nhận xét tiêu biểu: Đảng Xã-hội: thật lười; Tự do dân chủ: còn ưu thế; Công Minh, Dân-chủ Xã-hội, Cộng sản: tiến tới ít nhiều.

Thành phần chia ra như sau:

Tự do dân chủ : đắc cử 69, cộng với số đương nhiệm 48=137 ghế (so với số cũ 139).

Xã hội :	—	28,	+	—	37	=	65	—	(—	73)
Công Minh :	—	19,	+	—	11	=	24	—	(—	20)
Dân chủ xã hội :	—	7,	+	—	3	=	10	—	(—	6)
Cộng sản	—	4,	+	—	3	=	7	—	(—	4)
Độc lập :	—	5,	+	—	2	=	7	—	(—	5)

Nhật báo The Mainichi Daily News sáng thứ ba 9-7 đăng tải 2 tấm hình cho thấy thái độ lãnh tụ 2 đảng lớn đối với kết quả cuộc bầu cử :

Ông Sato biểu lộ một nụ cười thỏa mãn tương phản với ông Kasumata (Xã-hội) trong vẻ mặt u buồn. Cũng ngay trên tờ nhật báo này, hãng thông tấn Kyodo (Nhật) cũng đăng một tin sốt dẻo nữa rằng : Moscow thất vọng trước kết quả hăm hiu của đảng Xã-hội, còn Washington thì tin tưởng chính phủ của thủ tướng Sato sẽ kéo dài Hiệp-ước an ninh Nhật Mỹ sau năm 1970.

Tuy nhiên cảm tưởng của phần đông dân chúng Nhật cũng như người ngoại quốc không thể phù hợp với các lãnh tụ chánh đảng được. Dân chúng hầu hết đều không hài lòng với kết quả bầu cử và họ phát biểu điều này một cách tự do trong các cuộc thảo luận, phỏng vấn, liền sau khi có kết quả. Chẳng hạn họ cho rằng đảng Tự-do dân-chủ đắc cử quá đông thật không đẹp dễ gì, hoặc cay cú hơn : các ông cồ lỗ ấy nên nghỉ đi để nhường chỗ cho những người mới với chứ !

Nói là hầu hết, nhưng thực ra đó là hầu hết dân đô thị quanh quần trong các thành phố Tokyo, Yokohama, Osaka, Nagoya, Kyoto... Dân đô thị thì bất cứ ở nước nào, bao giờ cũng ưa cái gì mới lạ, cái gì gọi là tiến bộ và do đó lập trường của họ thường thường ngược hẳn với dân nông thôn ở các tỉnh vốn thích sự yên lành-bền chắc-lâu dài. Có điều dân đô thị đông từ một hai triệu cho đến 12 triệu nhưng vẫn không sao bì kịp con số cử tri ở các tỉnh trên toàn quốc hợp lại.

Phải chăng đó là yếu tố mà thủ-tướng Sato thấy trước đảng ông có thể toàn thắng. Mà thực vậy, trên bảng kết quả người ta không ngạc nhiên khi thấy đảng Tự-do dân-chủ thu được một số khá nhiều phiếu ở đơn-vị địa phương : 48 nhưng rất ít ở đơn vị toàn quốc : 21. Nếu so với kết quả ở đảng Xã-hội ta sẽ thấy rõ sự chênh lệch này : địa phương 16 toàn quốc 12. Một điểm nữa, đảng Tự-do dân-chủ « xuống dốc » tại các đô thị lớn, chỉ còn « ăn nhờ » ở địa phương. Cụ thể tại Tokyo, kết quả cuộc bầu cử đơn vị địa-phương Tokyo như sau :

1)	Ứng - cử - viên	đảng	Công-Minh	được	831.893	phiếu.
2)	—	—	Tự-do Dân-chủ	821.204	—	
3)	—	—	Dân-chủ Xã-hội	702.603	—	
4)	—	—	Xã-hội	682.817	—	
5)	—	—	Cộng-sản	639.187	—	
6)



Shintaro Ishihara, nhà văn đặc cử
với số phiếu cao nhất



Toko Kon, nhà sư có
'bút pháp Henri Miller'

Sự chênh lệch ảnh hưởng của 5 chính đảng tại thủ-đô Nhật ra thật chỉ xê xích nhau gang tấc mà thôi, không đến nỗi « một trời một vực » như ở các tỉnh. Cũng may tại đơn vị Tokyo chỉ tuyển có 4 ghế nên ứng cử viên Cộng-sản mới bị gạt ra. Cũng nên nói thêm rằng đảng Cộng-sản Nhật có đưa người ra ứng cử ở tất cả các đơn vị địa phương nhưng đều không thu được một ghế nào. Ngược lại đảng này chỉ « ăn nhờ » ở đô

thị và đơn-vị toàn quốc. Thật vậy, kỳ này đảng Cộng sản Nhật được thêm 4 ghế, một ở đơn vị thành phố Kyoto (cố đô Nhật) và 3 ghế ở đơn vị toàn quốc. Một nhận xét hơi khôi hài ở đây : Cộng sản không phải ở nông thôn mà là ở đô thị.

Tuy nhiên, theo tổng số phiếu đi bầu trên toàn quốc, sự tín nhiệm của dân chúng đối với các chính đảng tại Nhật đã được phát-biểu như sau :

Tự do Dân chủ :	44,8600	(so với trước 44,200)
Xã hội	29,1700	(— 32,800)
Công Minh	6,0900	(— 5,100)
Dân chủ Xã hội	6,9600	(— 6,100)
Cộng-sản	8,2700	(— 6,900)

Bởi thế Thủ tướng Sato có lý để hãnh diện trong buổi họp báo sáng thứ tư 10-7 là đảng ông được sự ủng hộ của đa số dân chúng và ông cảm thấy trách nhiệm nặng nề mà dân chúng giao phó cho. Trước khi đi qua phần này, tưởng

cũng nên nêu ra một nhận xét : đó là vấn đề dân thành thị và dân nông thôn, vốn là một yếu tố quan trọng trong các cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu. Ở nước ta dân thành thị so với dân nông thôn không đồng bằng Nhật, thì cán cân của

cuộc bầu cử lại càng chênh lệch hơn.

Những chuyện trớ trêu

Nước nào đã có bầu cử, cũng thường có những chuyện trớ trêu.

Và để chấm dứt bài này, tưởng không gì hơn nêu ra đây một chuyện trớ trêu đã được dư luận quần chúng Nhật bản lưu tâm bàn cãi sôi nổi,

Những người được số phiếu cao nhất trong cuộc bầu cử vừa qua không phải là những chính khách khét tiếng gì cả mà chính là những người được báo chí gọi là « talent candidates » (ứng-cử-viên tài hoa). Đó là Shintaro Ishihara, 35 tuổi một nhà văn viết truyện ăn khách, thứ đến là Yukio Aoshima, 35 tuổi, một người chuyên viết tường cho các chương trình Truyền hình. Ngoài ra, còn có một nhà sư Toko Kon làm chức Đại tăng chỉ thuộc Thiên thai tôn, cũng là một nhà văn viết truyện bình dân ăn khách, Hirobumi Daimatsu, người giật giải bóng chày Olympic, và nhất là Nock Yokoyama, 35 tuổi, anh hề chọc cười thiên hạ trong các chương trình hài hước trên đài Truyền hình. Cứ nghe cái tên nửa Nhật nửa Mỹ của anh ta cũng đủ tức cười. Thế mà đắc cử, đắc cử với một số phiếu khá cao, xếp hạng 26 trên 51 nghị sĩ đắc cử ở đơn vị toàn quốc với tư cách độc

lập không nhờ sự ủng hộ của đảng phái nào cả.

Theo phúc trình của Ủy ban bầu cử trung ương thì người được số phiếu cao nhất kỳ bầu cử năm nay là Shintaro Ishihara với số phiếu 3.012.522 hơn 2,5 lần người được số phiếu cao nhất trong cuộc bầu cử trước (đó là bà Aki Fujiwara — cũng là một talent candidate — 1.165.046 phiếu trong cuộc bầu cử thượng nghị viện 1962).

Với tổng số phiếu của 5 người « talent candidates » này, được tính ra vào khoảng 6.720.000 trong tổng số phiếu của đơn vị toàn quốc vào khoảng 43.700.000, tức chiếm hết 15,60%.

Bản về sự kiện này, Nhật báo The Mainichi Daily News, số ra ngày thứ ba 9-7-68, trong mục xã thuyết, đã kết luận đại ý như sau :

« ... Bầu cử là một trong những nghi thức cao nhất trong một xã hội dân chủ. Trong thời kỳ bầu cử, công luận chỉ lưu ý đến các chính khách sẽ ưu thắng, nhưng kết quả lại là những tài tử. Dù họ là tài tử, một khi đã được cử-tri lựa chọn rồi, thì bây giờ họ là những thượng-nghị-sĩ ».

LÊ-THANH-HỒ

THƯƠNG TIẾC

Anh TRẦN-QUỐC-CHƯƠNG

Sinh-viên Đại-học Y-khoa, thứ nam Ông Bà Trần-Thúc-Linh, đã bị ám hại ngày 20-7-1968 tại Trung tâm Y-khoa Saigon.

Xin chân thành chia buồn cùng Ông Bà Trần-Thúc-Linh, và cầu nguyện cho hương hồn người quá cố sớm về Cõi Phật.

Lê-Ngộ-Châu, Duy, Võ-Phiến, Nguyễn-Ngư-Í, Quản-Quang-Hoa, Lê-Ngọc-Quỳnh, Xuân-Hiến, Phạm-Duy.

H. Dunant lúc già, sau khi được tặng giải Nobel



MINH - QUÂN

(Xin xem B. K. T. Đ. số 277)

HENRI - DUNANT

bậc thiên-tài ân-nhân của loài người

Làm thế nào cho tiếng kêu than dài dặc của những kẻ bất hạnh vọng đến tai, động đến tim những kẻ giàu có sung sướng; Làm thế nào cho những người may mắn này thấy tận mắt nỗi thống-khổ xung quanh, mà bởi quay cuồng trong hoan lạc trên đỉnh cao, người ta không nghe, không thấy.

Hội Công Ích tại Genève quyết định thực hiện sáng-kiến ông : ngày 9-2-1863 hội này thành lập một Ủy-ban lấy tên là " Ủy-ban Quốc-tế Cứu-trợ những người bị thương " gồm 5 người. Tướng Dufour giữ chức Chủ-tịch và Henri Dunant là Tổng-thư-ký. Hội dự định lập nhiều Ủy-ban như thế khắp Âu-Châu, đồng thời tổ-chức những đoàn y-tá tình nguyện trong thời bình.

Ngoài những việc đó, Henri Dunant còn cố gắng vận-động để chính-quyền các nước bằng lòng ký chung một thỏa-ước.

Để thực-hiện công trình này năm người, rất khác nhau song lại bổ khuyết cho nhau một cách tài tình, hợp thành

một lực-lượng chung đáng kể : Henri Dunant, một người có sáng-kiến đặc biệt do lòng yêu đồng-loại. Gustave-Moynier, một thẩm phán đề hợp-thức-hóa mọi việc dễ dàng. Tướng Dufour, một sĩ-quan cao cấp trong quân-đội, người thông hiểu hơn ai hết, sự thiệt hại về tinh-thần và nhân-mạng cùng sự tàn khốc của chiến-tranh. Và sau hết, hai y-sĩ Théodore-Maunoir và Louis Appia lo mọi chi-tiết về kỹ-thuật.

Cả năm nhân-vật đặc biệt này (chỉ mình tướng Dufour tuổi quá ngũ-tuần) đều đồng ý rằng phải tổ-chức một cuộc họp quốc-tế tại Genève để tìm biện-pháp che chở cho thương-binh tại chiến-trường.

Vài tuần sau, Henri Dunant nhận được những lời khuyến khích khắp mọi giới gửi đến ông. Trên 13 vị Hoàng-đế, Nữ-hoàng ở các nước Bỉ, Đức, Ý, Pháp, Tây-ban-nha v.v... gửi thư cảm ơn ông về tập hồi-ký ông đã gửi cho họ. Họ cũng tỏ lời ca ngợi sáng kiến nhân-đạo của ông.

Đầu tháng 9-1863, Henri Dunant dự Đại-hội Quốc-tế tại Berlin để tỏ bày ý-kiến mình. Ông nêu rõ tầm quan trọng cùng sự lợi ích của buổi họp tại Genève, ông lại nhận thảo một thông-tư đề-nghị cùng chính quyền các nước « *trung-lập-hóa các nhân viên y tế cùng những người tình-nguyện trong công-tác cứu trợ* »

Trong dịp này, ông gặp Bộ-trưởng Quốc-phòng Phổ và thuyết phục được ông ta.

Ông còn đến Bresse tiếp kiến vua Jean de Saxe, ông được nhà vua tiếp đón niềm nở. Ngài nói với ông :

— Trẫm sẽ làm tất cả những gì có thể làm được. Một quốc gia mà không quan tâm đến công trình nhân-đạo này thì còn thể thống gì ? Dự luận sẽ nói ra sao ?

Năm hôm sau tại Vienne (thủ đô nước Áo) ông được Quận công Réquier thay mặt đức vua tiếp đón. Nghe qua dự tính của Henri-Dunant, Quận công hết sức hoan nghênh, ông kêu lên nhiều lần :

— Thật là một ý kiến phi thường, đặc biệt ! Ngài hãy an tâm. Tôi sẽ tâu lên đức Vua, tôi sẽ cố...

Sáu tuần lễ trước ngày đại hội Genève, Henri-Dunant mở một chiến dịch hô hào sâu rộng để các nước gửi đại biểu đến Genève. Ông vượt hơn ba nghìn cây số giữa Áo và Đức, vô cùng vất vả, bận rộn trong cuộc vận động đặc biệt này.

Tất cả những nhân vật từng gặp gỡ, trò chuyện với ông đều kinh ngạc và khâm phục, xúc động trước con người quả cảm phi thường đó. Vì vậy họ sẵn sàng gửi đại diện đến Genève.

Buổi họp sơ bộ được tổ chức từ 26 cho đến 29, tháng 10, năm 1863 tại dinh Athénée với sự có mặt của 14 quốc gia. Người ta quyết định dành nhiều đề-dành cho việc thành lập những ban cứu trợ trong khắp các nước, và ước nguyện rằng sự *trung lập hóa* không chỉ áp dụng riêng cho những người săn sóc thương binh (y tá tình nguyện, nhân viên y tế, nhân viên cứu-cấp và bệnh viện v.v...) mà còn được áp dụng cho cả *thương binh nữa*. Điều này làm cho ông rất đổi hân hoan, vì đáp đúng nguyện vọng ông hằng ôm ấp.

Louis-Appia, trong phiên họp, yêu cầu hội nghị chọn một phù hiệu riêng biệt cho những y tá tình nguyện. Người ta đồng ý chọn một huy hiệu tương tự như quốc kỳ của sáng lập viên, quốc-kỳ Thụy sĩ, chỉ khác ở chỗ : cờ Thụy-sĩ thì chữ thập trắng trên nền vải đỏ, còn phù-hiệu của tổ chức này thì chữ thập đỏ trên nền trắng.

Từ bảy giờ trở đi, những y tá tình nguyện đều mang một băng trắng trên cánh tay có chữ thập đỏ chính giữa băng. Huy hiệu HỒNG THẬP-TỰ chính-thức ra đời vậy.

Trước buổi họp Đại hội Ngoại-giao để ký qui ước về việc cải thiện số phận thương binh trong các quân đoàn đang lâm chiến thì xảy ra vụ Liên-quân Áo Phổ tiến chiếm Schleswig. Lập tức hai đại diện được phái đến tận chiến trường để thử áp dụng các nguyên tắc Genève xem sao, cùng là nghiên cứu cách tổ-chức công tác cứu trợ.

Đó là lần thứ nhất, ý kiến về HỒNG THẬP TỰ được thi hành.

Đại hội Ngoại-giao được triệu tập tại Genève do chính quyền Pháp và Hội đồng Liên-bang Thụy-sĩ, kéo dài từ ngày 8 cho đến ngày 22-8-1864. Có 16 đại diện của các quốc gia, trong số này, 12 người giữ những chức vụ quan-trọng trong chính-phủ nước họ.

Sau nhiều ngày thảo luận, hội-ngị thỏa-thuận chọn 10 điều-khảo trong qui-ước đầu tiên của Genève để làm căn bản cho HỒNG-THẬP-TỰ QUỐC-TE.

Kể từ đây, HỒNG-THẬP-TỰ QUỐC-TE thành hình.

Năm 1867, trong chuyến đi Ba-lê thăm cuộc Triển-lãm Quốc-tế, ông Henri-Dunant lấy làm hài lòng trông thấy nhiều gian hàng trưng bày những dụng-cụ y-khoa, một điều làm ông ngạc nhiên hơn là thấy trong số những gian hàng ấy, có một gian bày cả tượng bán thân của năm sáng-lập-viên Hồng-Thập-Tự, mỗi người đều có mang vòng hoa danh dự.

Sáu tháng sau, phiên Đại-hội thứ nhất của Hồng-Thập-Tự quốc-tế nhóm tại Ba-Lê, Henri Dunant với tư cách đại-dien của hội ở Genève, lần đầu tiên lên tiếng yêu-cầu hội-ngị cho tù binh được hưởng những đặc-ân dành cho thương-binh.

Nhưng... không một ai tỏ ra quan tâm đến đề-ngị của ông : Hội-ngị kết-thúc và người ta chỉ đồng ý về sự phân chia 450 cái huy-chương vàng, bạc và đồng !

Hoàng-hậu Eugénie cho vời ông vào điện Tuillerie, giục ông tìm cách mở rộng sự trung-lập-hóa cho thủy-thủ bị đắm tàu, tàu bè và nhân-viên cứu-trợ.

(Điều mong mỏi này mãi đến năm 1899 mới được thi-hành sau hội-ngị

La Haye. Riêng các tù-binh thì chỉ được che chở một cách tối-thiểu nhờ ở một điểm phụ ghi trong qui-ước 1907. Phải đợi đến 1929 tù-binh mới được hưởng sự bảo-vệ chính-đáng này).

Quá mãi mê, bận bịu trong việc thành-lập Hồng-Thập-Tự, Henri-Dunant xao lãng công việc làm ăn ở Algérie, giao phó cho một cộng-sự-viên, mà người này hạnh-kiểm rất đáng nghi ngờ.

Chẳng bao lâu, ông vỡ nợ. Mặc dù vậy, ông không chút nao lòng. Khốn thay ! sự phá-sản của ngân-hàng gây nguy hại không nhỏ cho ông : trong một phiên tòa tại Genève, ông bị kết tội vì ông là một trong những người có trách-nhiệm về sự thất-bại này.

Cùng lúc ấy, nhiều sự bất đồng ý liên tiếp xảy ra giữa ông và những nhân-viên trong Ủy-ban Hồng-Thập-Tự. Bảy giờ Hồng-Thập-Tự đang lên như điều gặp gió, được nâng đỡ, được tiếng tăm và nhiều người ưa chuộng. Đã vượt qua mọi thử thách, trở ngại buổi đầu, người ta muốn gạt ra ngoài kẻ đã khổ công vì tổ chức nhân-đạo này. Việc điều-hành thuộc về người khác, và những người này, bằng mọi cách, buộc ông phải rút lui.

Ngày 25-8-1867 từ Ba-lê, ông gửi thư về Genève từ chức. Từ đó, Hồng-Thập-Tự phát-triển trong sự vắng mặt người sáng-lập. Và cũng từ đó, ông không trở lại gia-hương nữa. Ông không ngừng hoạt-động, bình vực cho phong-trào này, dù ông hết sức khổ tâm.

Thời gian đó, ông hợp tác với một nhà in, cho phát hành một tủ sách gồm linh trăm tác phẩm thuộc hàng kiệt tác ; những sách này phổ biến khắp các nước, từ thành phố đến thôn quê, trong mỗ

gia đình. Tủ sách do ông chủ trương không phải chỉ có mục đích mở mang kiến thức người đọc mà còn có tác dụng làm nảy nở lòng yêu cõ g loại trong mỗi người.

Cũng thời gian ấy, ông yêu cầu Vua Napoléon III dỡ đầu cho dân Do-thái trở về Palestine.

Năm 1870 chiến tranh Pháp Phổ bùng nổ, ông viết thư cho Hoàng-hậu Eugénie, nhắc lại những điều khoản trong qui ước Genève.

Trong lúc thành phố Ba lê bị bao vây ông thành lập Hiệp-hội Pháp để giúp đỡ dân chúng trong lúc nước họ đang lâm chiến.

Dưới mắt ông, chỉ có sinh mạng con người là đáng kể, không bao giờ ông phân biệt người thuộc quốc tịch nào, đảng cấp nào. Dưới làn mưa đạn, ông luôn luôn hiện diện cứu giúp những kẻ sa lã bằng một tình thương cao đẹp, một lòng thương mà người ta chưa từng thấy xuất hiện trong nhiều thế hệ, dù cho ở một bậc được gọi là hiền nhân, quân tử.

Và do đó, người ta không chút ngạc nhiên khi thấy ông có mặt trong những cuộc chiến tranh khốc liệt trong suốt đời mình, với một mục-đích : hàn gĩa bớt những thương đau của loài người.

Ông khần-khoản xin được vào thăm tù binh Đức bị giam giữ tại đây, song lời yêu cầu đó không được chấp nhận.

Lo cho số phận đàn bà, trẻ con, mùa xuân năm sau, ông lại đề-nghị cho chuyển họ đến những trung tâm được trung-lập-hóa.

Được phái đi Anh-quốc, trong một cuộc diễn-thuyết đặc biệt, ông nhắc lại đề-nghị cũ của mình, đề-nghị nhằm bảo vệ tù binh : họ phải được bảo-đảm sinh-

mạng, phải có chỗ ở, thực-phần và áo quần, thuốc men đầy đủ, được quyền thư từ cho gia-dình và được trả về gia-hương càng sớm càng hay.

Sau buổi diễn-thuyết, ông ngã quì, không gượng nổi và bấy giờ mới... thú thật là *nhìn đời đã mấy hôm rồi !*

Một quả-phụ từ tâm đã giúp đỡ ông tận tình trong lúc này. Và sau đó, bà giữ ông lại, nói thán là nhờ ông coi sóc các công-trình nghiên-cứu của con bà. Ông cùng gia-dình này du-lich khắp Châu-Âu. Một mối tình đặc biệt nảy nở giữa hai người, song ông không bao giờ dám thú nhận điều đó. vì lẽ bà là một triệu-phú, còn ông thì chẳng có một xu dính túi.

Và rồi, không chịu nổi những lời vu-khống tàn ác, họ chia tay nhau.

Ông lại đi, phiêu bạt khắp nơi, vẫn không ngừng dùng ngòi bút và lời nói mình trong mục-đích bệnh vực kẻ nô-lệ, tù đày, tàn tật, kẻ già yếu, trẻ mồ côi, cùng những nạn nhân của chiến tranh hay của thủy-nạn, thiêu-tai. Ông thu gặt không được kết-quả nào đáng kể. Người ta hầu như đã lãng quên ông. Ông đi lang thang, ngủ trên ghế các công-viên, trong các ga xe lửa. Một mình, ông chống chọi lại đói, lạnh, bệnh tật một cách thăm lặng, kiên-trì.

Con người có một lòng thương trời biển đó lại không muốn ăn mảy lông thương của một ai ; áo khoác ngoài bạc phếch ông lấy mục nhuộ cho thắm lại, đến khi mưa mầu mục thôi ra. Áo rách nát, ông dùng giấy báo quấn quanh mình cho đỡ lạnh.

Mười mấy năm trời trôi qua. Cho đến một ngày kia, kiệt sức, ông trôi giạt về một làng nhỏ, hẻo lánh tại quê ông.

Gia-đình xúc động, xót thương gửi trợ cấp đều đặn cho ông từ đó.

Năm 1892, Henri-Dunant được nhận vào bệnh viện Heiden. Tại đây ông sống trọn 18 năm cuối của đời mình. Nhờ sự tận tâm của giám-đốc bệnh-viện, ông dần dần phục-hồi sức khỏe cũng như tinh-thần. Ông lại chú ý đến sinh-hoạt xung-quanh : con người có công lớn với toàn-thê nhân-loại trong việc xây-dựng một tổ-chức quốc-tế bấy giờ mới đứng ra lập một chi-hội Hồng-Thập-Tự đầu tiên trong một làng nhỏ bé tại gia-hương mình, không ai biết đến !

Ông thu thập tài-liệu định viết lại hồi-ký của đời mình : những năm đi đây, đi đó, những năm hoạt động, những cố gắng, những trở ngại, khó khăn, những thành công rực rỡ cũng như những thất-bại điều đứng trong gần nửa thế-kỷ ông đã trải qua.

Một nhà giáo-ông Sonderegger- nghe cháu ông kể chuyện lấy làm bất mãn bèn viết thư báo cho Hồng-Thập-Tự Quốc-tế biết đã tìm thấy ông Nhà giáo nhắc cho thiên hạ biết rằng ông già bệnh tật, nghèo khổ, sống âm thầm trong bệnh viện Heiden chính là ân-nhân của loài người. Bấy giờ, người ta lại bắt đầu chú ý đến ông.

Năm 1895, một nhà báo xin yết-kiến song ông từ chối. Người này liền viết một lá thư dài, lời lẽ rất thiết tha, chân thành, và ông xúc động khi đọc lá thư, đã thuận tiếp anh ta.

Sau cuộc hội-kiến, ký-giả ấy viết một bài báo làm chấn-động dư-luận thế-giới. Cả thế-giới đều quay lại với ông. Bạn bè cũ, ngỡ ông đã chết nay hay tin hoan hỉ không xiết kể. Thư từ, tặng phẩm bay đến như bươm bướm. Người lui

tới viếng thăm ông không ngớt. Ông lại hết sức bận rộn.

Hồng-Thập-Tự Thụy-sĩ bí mật trợ cấp ông. Hội-đồng Liên-bang Thụy-sĩ tặng ông giải Binet Feudt (năm 1895).

Năm 1897 Hội-nghị Y-sĩ Quốc-tế gồm trên một ngàn người tham dự, họp tại Moscou tặng ông giải Moscou, đó là một giải thưởng về công trình đặc-biệt của ông đối với Nhân-loại đau khổ.

Hoàng-hậu nước Nga tặng ông đều đặn mỗi năm 4000 quan.

Nhiều hội Hồng-Thập-Tự các nước gửi thư yêu cầu ông làm hội viên hoặc chủ tịch danh-dự cho họ.

Danh tiếng ông bấy giờ lại được phục hồi và lan khắp Châu-Âu.

Lúc ấy, Henri-Dunant đã trở thành một ông già tóc râu đều bạc phếch. Song con người sống gần ba phần tư thế kỷ cho một mục đích duy nhất : giảm-thiểu đau khổ của Nhân-loại vẫn không cho phép mình được nghỉ ngơi. Trong căn phòng nhỏ bé tinh mịch của mình, ông thu thập tài liệu, dành hết thì giờ cho việc ghi hồi ký, cho những lời kêu gọi thiết tha mong thức tỉnh lương-tâm nhân-loại trong những vấn-đề : duy-trì hòa-bình thế-giới, bãi bỏ nô-lệ, sửa sóc trẻ mồ côi, cải tiến hình phạt khổ sai, nâng cao mức sống dân nghèo, nâng cao giá-trị phụ-nữ, phổ-biến kiến-thức, trao đổi văn-hóa giữa các quốc-gia v.v... và sau hết, ông nhắc đến sự khoan-hòa về Tôn-giáo.

Năm 1898, ông liên lạc với Liên-đoàn Phụ-nữ về vấn đề giải-giới và ủng-hộ đề nghị của Vua Nicolas V : đề nghị các cường quốc trên thế-giới ký kết một thỏa ước đi đến việc cấm tăng cường vũ khí.

Năm 1901 cùng với Frédéric-Passy,

Ông được Quốc-hội Thụy-điền trao tặng giải Nobel đầu tiên về Hòa-bình, song ông đã từ chối giải thưởng này.

Khi cô bé mồ côi Emmy, cô bé được ông thương yêu săn sóc như con ruột, tỏ ý băn khoăn về giải-thưởng, ông dịu dàng nói với Emmy rằng :

— Không, không đâu, con yêu quý ! Giải Nobel là một phần thưởng tinh thần, một tia sáng quý báu mà cha nhận được. Nhưng cha không nhận số tiền ấy. Cha sẽ ở đây mãi với con cho đến khi nhắm mắt, xuôi tay.

Ngày 30-10-1910 con người vĩ đại, khả kính đó từ giã cõi đời trong một giấc ngủ bình yên, hưởng thọ 82 tuổi.

Trong chúc thư để lại, ông phân chia tài sản (do các giải thưởng) cho các hội-thiện và Hồng-Trập-Tự Thụy-si, Na-uy. Một phần dành cho những người săn sóc, giúp đỡ ông trong thời gian ông về sống trong bệnh viện Heiden, trong số này có ông bà bác sĩ Altherr, bà xơ-Nhất và bà đầu bếp của bệnh viện.

Ngoài ra, một số tiền 13 000 quan ông đã tặng cho bệnh viện để luôn luôn giữ một giường cho bệnh nhân nghèo khổ nhất Heiden.

Ước vọng cuối cùng của ông cũng được kính trọng và tuân theo : di hài ông, sau khi hỏa thiêu đã được ần táng trong nghĩa địa Zurich, không một ai biết đến, không có nghi lễ long trọng hay tẩm thường.

Đối với con người phi thường đó, thì từ đây nếu có gì đáng kể chăng, chỉ là những công trình mà ông đã một đời tận tụy để phục vụ cho Nhân-loại.

Cuốn Ký-ức của ông, cho đến nay, xuất hiện khắp thế-giới bằng nhiều thứ tiếng (nhưng chưa có tiếng Việt Nam !)

Người ta công nhận ông là một thiên-tài, vừa quả cảm, vừa sáng suốt, vừa nhân-ái mà cho đến nay chưa một vĩ-nhân nào được coi là ngang hàng được với ông.

Trong lịch-sử nhân-loại, có một số nhà thông-thái được loài người mang ơn vì những công-trình khảo-cứu về y-học khoa học hay những thuyết nọ, thuyết kia, Họ phần nhiều là người ở phương Tây, sống trong một hoàn-cảnh thuận tiện, có phương-tiện để tìm tòi, nghiên cứu, phát minh, để thực-hiện những công-trình ấy.

Lại cũng có những kẻ giàu lòng từ thiện, đã bao phát cho xung quanh, song họ vốn giàu có, thừa thãi. Ta không phủ nhận lòng tốt của họ, song việc làm của họ tương đối dễ dàng.

Một số người khác vất vả suốt đời, hy-sinh thân thể, sự nghiệp, vào tù ra khám vì một lý-tưởng cao đẹp đáng cho ta kính-phục. Những người này hầu hết là dân các nước Á-Pai. Và nguyên nhân thúc đẩy họ đi đến hành động, đến hy-sinh là vì cá nhân họ bị xúc phạm, gia-đình, chủng-tộc họ bị hăm dọa, quốc-gia họ bị đàn áp, thống trị.

Còn Henri-Dunant thì khác hẳn : ông là công dân một nước không hề biết đến chiến-tranh. Quốc-gia ông nổi tiếng là một sắc dân Tự-do, được ứu-đãi và tiến bộ nhất nhì thế-giới. Hành động của ông hoàn toàn vượt trên những thúc đẩy thông thường, đó là biệt-lệ. Ông không vì bản thân, gia đình, xó sở mình. Ông hành động vì nhân-loại, cho nhân-loại mà thôi.

Từ một cậu bé lên sáu đã cảm cho đến khi trở thành một cụ già râu tóc

bạc phơ, ông không ngừng chiến đấu với tham vọng, với lòng ích kỷ, biểu chiến và đa sát, của hạng người có uy quyền trong các quốc-gia, không ngừng thuyết-phục họ, cũng như khắc phục bệnh tật mình, cam chịu thiếu thốn, đói lạnh nhiều phen, chỉ bởi muốn cứu vớt loài người, tìm mọi cách làm giảm thiểu những đau thương, thống khổ của loài người.

Lúc nào ông cũng băn khoăn : làm thế nào cho tiếng kêu than dài dặc của những kẻ bất hạnh vọng đến tai, động đến tim những người giàu có sung sướng, làm thế nào cho những người may mắn này thấy tận mắt nỗi thống khổ xung quanh, mà bởi quay cuồng trong hoan lạc trên đỉnh cao, người ta không nghe không thấy.

Làm thế nào để trẻ mồ côi có mái nhà, người tàn phế, góa bụa, già yếu có nơi nương tựa, làm sao để tận diệt sự nghèo khổ, ngu dốt, chống lại mọi bệnh tật cũng là những thiên tai. Cho đến khi ngừng thở, ông luôn luôn sống vì kẻ khác,

Khi mừng lễ Đệ bách Chu - niên HỒNG - THẬP-TỰ QUỐC - TẾ, dân chúng trên khắp thế-giới không phải chỉ nhớ riêng người đã có sáng-kiến phi-thường, thành lập tổ-chức này, mà người ta còn tưởng-niệm đến bậc vi-dân của thời-đại. Một người dù bị chống đối vẫn mang một kỳ-vọng vô-biên ở một thế-giới tốt đẹp hơn, hoàn-hảo hơn, trong đó mọi người coi nhau như anh em ruột thịt, không có tranh chấp, hận thù, không phân chia đẳng cấp, chủng-tộc, quốc-gia. Một thế giới mà trong đó con người không bị bạc đãi, tủi nhục. Một thế-giới không bao giờ người ta còn phải sống phập phồng trong viễn-tượng chiến-tranh, không phải chứng kiến và chịu đựng những hậu quả khốc liệt cho chiến tranh mang lại, gây ra ; loài người không khống-chế nhau bằng bạo-lực mà là một thế-giới chan-hoà HÝ VỌNG, người sáng NIỆM TIN, người người sống trong một TÌNH THƯƠNG bao dung, rộng rãi. Một thế-giới mà ai ai cũng tâm-niệm, cũng thuộc lòng và cùng quyết-tâm thực-hiện cái câu trên cửa miệng và trong hành-động của ông : Tứ-hải giai huynh-đệ.

MINH-QUÂN

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Giáo-sư trung-học, anh là ai?

II.— Sinh viên sư phạm hành-nghề thế nào khi ra trường ?

Chúng ta vừa nhận thấy trường Đại-học Sư phạm là một thứ « lò-luyện » không mấy hoàn-hảo mà ở đó, người sinh-viên rơi vào — một cách « hợp pháp » bằng sự chứng-nhận của người lớn — trong thứ bệnh trầm-trọng nhất của thanh-niên thời-đại này. Đó là bệnh cái gì cũng biết, mỗi thứ một chút, nhưng không có cái gì thật biết. Người ta vô-tình chấp-nhận cho sinh-viên chỉ chú-trọng « cái phải biết » và bỏ quên « cái phải là » của mình. Đáng lẽ người ta phải đòi-hỏi một giáo-sư phải là thế này, thế kia đồng-thời với phải biết kỹ cái này cái nọ. Đáng rằng chúng tôi không chủ-trương trường Đại học Sư phạm sắm sẵn một số khuôn đúc để mọi sinh-viên khi ra trường đều đồng-dạng với nhau. Trường Đại-học Sư-phạm không nên và không thể dạy một cách đồng-loạt cho mọi sinh-viên là thế này thế nọ, nhưng trường Sư phạm bắt buộc có bổn-phận thúc-đầy ở mỗi người, ngay khi còn là sinh-viên cũng như khi đã ra trường, cái tinh-thần tự-giác, cái nỗ-lực hoàn-thành từng giờ từng phút thiên-chức giáo dục mà họ nắm giữ.

Các bậc hữu-trách ở trường Sư-phạm, ở bộ Giáo dục, và nhất là những người

hả g lưu-tâm đến nền giáo-dục phần-đất này có thể tưởng-tượng được rằng có những giáo-sư phủ-nhận vai trò giáo-hóa của họ ? Họ nghĩ : « Thì mình cũng... lam-lụng để sống như mọi người khác », và trong thâm-tâm, họ không mấy-may cảm thấy như phải thế nào khi làm công việc dạy-dỗ ».

Thành ra, trừ một số ít người đi đứng hướng trong nghề giáo, còn đa số nhà giáo chúng tôi quan-niệm việc dạy học chỉ là một sinh-kế không hơn không kém ; một cách kiếm tiền để sống !

Vậy thì hiện tại, một số giáo-sư trung học đang dạy dỗ thế nào ? Để cho sự trình bày được rõ-ràng, chúng ta sẽ trả lời câu hỏi đó qua ba trường-hợp :

— Những người vừa kém khả năng vừa thiếu lương-tâm, — Những người học giỏi mà thiếu lương-tâm, — Những người có lương-tâm nhưng kém khả năng.

1.— Trường-hợp những người vừa kém khả-năng vừa thiếu lương-tâm :

Đây là thành - phần đông - đảo nhất không thể tránh khỏi, đi ra từ thứ lò-luyện còn nhiều thiếu sót như vừa phân-tích. Họ kém về hai phương-diện : Kém kiến thức chuyên-môn để đảm nhận những

môn học mình phụ-trách, và kém nghệ-thuật điều-khiển một lớp học. Về kiến-thức chuyên - môn, họ học nhiều lắm, nhưng đó là « cái học tham ăn » cố ý hay vô-tình nên họ đã không tiêu-hóa kịp những kiến-thức thấu-nhận ô-m-dòm đó ; chúng trở thành sùng-sít lộn-cộn trong « dạ dày cân não » họ. Đến khi phải trình-bày cho học-sinh hay hướng-dẫn học-sinh tìm hiểu một đề tài nào đó thuộc môn học, họ thường lúng-túng, tối tăm, quanh-co, mập-mờ. Từ sự không nắm vững điều mình phải phê-diễn, người ta rơi vào vũng lầy của những đoạn ngôn-ngữ lộn - lộn, những lập-luận biệt-minh thiếu máu. Nhất là với những người phụ-trách những môn có tính-cách nhân-văn thì càng tai-hại hơn. Phê-diễn bậy bạ, ú-ớ, hời-hợt một vấn đề là hậu-quả tất-nhiên của việc không nắm kỹ vấn-đề đó. Vì người ta chỉ có thể đạt minh-bạch điều gì mà người ta đã hiểu một cách minh-bạch (Boileau). Khi một giáo-sư kém (không nắm vững điều mình họ) thì thường ăn nói rất tệ, trong khi đáng lẽ điều kiện đầu tiên của một giáo sư là khả - năng sử-dụng ngôn-ngữ nói. Người ta có thể tưởng-tượng được và chấp-nhận được những giáo-sư đứng nói với đám học-sinh đang lắng tai nghe họ bằng những câu văn trật mọo luật, bằng những câu không thành câu ? Chúng tôi tưởng rằng người ta phải chú-trọng điểm này : Mỗi lời nói, mỗi câu văn mà giáo sư nói lên hay viết ra cho học trò mình phải là những câu, ít ra về mặt cú pháp, không chệ vào đâu được. Để những âm-vang và những ảnh-tượng của các câu đó luyện dần-dần cho học-sinh thói-quen về sự sử-dụng ngôn-ngữ.

Một khi người giáo-sư đã không trình-

bày vững chãi hay hướng-dẫn một cách cụ nghệ-thuật học sinh tìm hiểu một vấn-đề nào đó trong những giờ học đầu tiên, hậu quả tất nhiên phải đến là những học sinh trung-bình và kém trong lớp thì chán học, vì việc học không kêu-gọi được những mầm búp trí-tuệ họ nảy nở, một số khác những học-sinh thông-minh thì âm-thầm hay công-khai... khinh thầy ! Còn gì bi-đat hơn một lớp học mà học-sinh không tin-tưởng vào khả-năng của giáo sư ? Lớp học lúc đó trở thành một thứ quán « bán cháo phôi » mà ông thầy phải mời mọc ni-non đăm khách hàng lơ-tễnh, hay đe-dọa chúng bằng những « roi vọt thi cử » : Các anh không... ăn cháo của tôi, các anh sẽ đói trong kỳ thi !

Từ một tình-trạng như thế, ông thầy không thể nào điều-khiển nổi lớp học. Vì những kiến-thức chuyên-môn vững-chắc là phương-tiện tiên- quyết để một giáo-sư điều-khiển một lớp học — cái đám đông nhỏ tuổi hơn đang sẵn-sàng chờ đợi những gì « đáng học hỏi » ở thầy mình. Một người giáo-sư kém khả năng là người đánh mất thứ khí giới lợi hại để điều khiển đám đông đó. Thêm đó, khả năng ăn nói cũng là một lợi khí điều khiển, thì một giáo sư kém cũng ít khi có được. Sự thiếu thốn khả năng ăn nói này có nguyên nhân là sự không nắm vững điều mình phải trình bày, như vừa thấy. Nó còn có nguyên nhân là sự thiếu sót huấn luyện của trường Đại học Sư-phạm : Suốt thời gian học tập ở Sư phạm, có thể rồi người sinh viên hầu như không có cơ hội để rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ nói. Người ta sẽ hỏi đến những giờ tập sự ? Đúng rồi, mỗi năm vài bốn lần người sinh viên sư phạm được đưa đi dạy tập sự ở những trường trung học. Nhưng đó không phải là cách tốt nhất để

rèn luyện khả năng ăn nói. Sự thật cho thấy, người sinh viên nào lần này dạy dở, lần tập sự sau chỉ tiến bộ một chút thôi. Và sau một hay ba năm ở S r-phạm, người sinh viên ra trường tất nhiên chưa đủ khả năng ngôn ngữ để điều khiển một lớp học.

Có người sẽ cho chúng tôi khó tính và hỏi ngược lại: Giáo sư dạy học chứ phải để d ễn thuyết đâu mà hùng biện? Xin thưa, một người diễn thuyết cần có tài hùng biện, chúng ta chỉ cần đòi hỏi ở một giáo sư cái khả năng ngôn ngữ trung bình. *Giáo sư không cần là người ăn nói lôi lạc, nhưng phải là một người ăn nói hoạt bát.* Phủ nhận điều đó là cố ý chạy trốn một khó khăn cần giải quyết.

Vậy làm thế nào để sinh-viên s r-phạm ra trường là những giáo-sư có khả-năng ăn nói hoạt-bát? Đó là một trong những câu hỏi để trả lời vào tiêu-mục thứ ba.

Điều đáng chú ý bây giờ ở các trường Trung-học là khi một giáo sư thiếu-thốn những điều kiện để điều khiển và không biết cách điều khiển một lớp học, thì không bao giờ chịu khó mò xẻ những thiếu-sót, non sót về phần mình, mà cứ đổ tội cho học trò: toàn một lũ nghịch-ngợm và lười biếng (?). Cho nên lớp học trở thành nơi lưu đày của cả trò lẫn thầy, mà trò thầy trở-thành cừu-dịch: Bên này quấy phá và bên kia sát phạt!

Trên đây là những thảm-trạng gây ra do sự kém khả-năng của nhà giáo. Những thảm-trạng đó còn trầm-trọng hơn khi nhà giáo đã kém lại thiếu lương-tâm.

Một nhà giáo thiếu lương-tâm là một người dạy học không ý-thức được rằng *lớp học là một « đối tượng sống-động »* gồm những tâm-hồn và những trí óc cần phát-triển và nảy-nở, mà chỉ coi lớp học là một nơi chốn họ phải có mặt ở đó một số giờ nào đó vì sự thúc đẩy của

đồng lương. Cho nên khi không có những quyền-lực nào kiểm soát họ hoặc có mà sự kiểm soát không được chặt-chẽ (nhất là ở những trường tỉnh lẻ xa cách trung-ương), thì sự có mặt ở lớp của họ trở-nên thất thường. Lúc nào thấy có thể nghỉ được mà không thiệt-hại gì đến đồng lương là họ nghỉ. Những lần đầu trong một niên học, họ còn bịa ra lý do này nọ với học sinh. Nhưng đến một lúc mà sự dối lừa thành trở trên lộ liễu, họ chai lì đi bằng thái-độ « phớt-tĩnh »: Họ nghỉ không thèm báo trước để học trò cứ đến trường, rồi vì không có giờ học, dám học trò « thất nghiệp » này trở thành những kẻ phá hoại trật-tự nhà trường. (Như dẫn nhau rảo qua trước các lớp đang học hoặc la hú xô đập bàn ghế trong phòng của mình làm ồn-ào đến những lớp kế cận...). Hoặc nếu không bỏ hẳn giờ dạy thì họ cũng đến lớp trễ-nãi. Đôi khi hàng 15 phút hay nửa giờ. Và đây là hình-ảnh thảm-thương của nhà giáo: Lẽ những bước chân nặng-nề từ phòng giáo sư vào lớp học. Mắt đỏ lừ-đừ, dáng điệu rã-rời. Khi vào lớp, họ không buồn nhìn học trò có đứng dậy hay liếc xem bảng đen có sạch-sẽ không. Họ khoát tay cho học trò ngồi xuống, bỏ cặp sách hay một vài quyển kẹp trong cánh tay lên bàn. Một-mỗi thả mình trên ghế, lòn tay vào bụng lấy bao thuốc và nhả khói phi-phèo suốt giờ. Rồi vừa hút mù trời đất, thầy giáo vừa « cho ra » một đoạn ngôn-ngữ nào đó, lảm-cầm, luộm-thyộm, nhai-lại một cách thiếu-sót phản-bội ý-tưởng của người khác, hoặc lật sách ra đọc một vài đoạn nào đó cho học trò nghe. Nhiều khi tìm cách dẫn đến vấn đề luyện-ái nam-nữ để thu-hút những cái cười thích-thú của học trò (1). Trong tình-cảnh đó, một số học trò cảm thấy bị lưu đày trong bốn bức tường lớp học. Và kẻ bị lưu đày nào cũng tìm cách thoát ly, phá-phách, phản-

kháng. Từ đó những thán-kịch giữa thầy-trò khó mà tránh khỏi : Thầy trò cãi nhau tay đôi, thầy đánh, trò chửi hay đánh lại v.v... và v.v... ! Buồn cười hơn nữa là nhiều lúc thầy chỉ ngồi... hút thuốc và cho học trò ngồi chơi. Hồi còn ở Trung học, chúng tôi đã từng nghe một giáo sư dạy Quốc-văn, trong một giờ học về Nguyễn-công-Trứ, lý luận thế này : « Tất cả những gì mà tôi phải giảng và các anh phải nghe bây giờ, người ta đã viết ra cả rồi. Vậy tại sao chúng ta không biết làm việc một cách khôn-ngoa và khỏe khoắn hơn ? Nghĩa là tôi chỉ những sách nào có liên quan đến đề tài chúng ta phải biết hôm nay, các anh về tìm đọc. Và bây giờ chúng ta nghỉ ngơi ». Học trò tưởng thầy nói giỡn, không ngờ thầy tinh táo viết lên bảng một lộ tên của năm bảy quyển sách về Nguyễn-công-Trứ, từ quyển dễ tìm nhất đến quyển mà chưa chắc thầy đã có. Xong đâu đấy thầy trở lại bàn phi phèo thuốc lá, quyển truyện nào đó mở ra dưới mắt thầy ! Học trò đôi người bật lên tiếng cười, nhưng rồi phần đông cũng đang có trăm công nghìn việc có thể làm lúc đó, một mình hay với nhau. Đó không phải là một giai thoại bịa đặt, mà là một sự thật như trăm ngàn sự thật khác rải rác khắp nơi trên phần đất này. Bởi từ khi ra khỏi trường Đại-học Sư phạm cách đây mấy năm, chúng tôi đã có nhiều dịp quan sát kỹ lưỡng hơn...

Một thủ đoạn khác mà hạng giáo sư này hay dùng là giờ nào cũng ra bài tập cho học-sinh làm ngay tại lớp. Thầy cứ thâu đầy đủ nhưng rồi chẳng bao giờ trả lại bài sửa. Học trò có hỏi đến thì thầy cười trừ và trả lời không mấy dễ nghe : « Sắp bay làm trật hết, tau chịu không sao chấm nổi. Nhưng cứ làm bài, làm bài cũng là một cách học có kết quả »... Thật là một lối đổ dành thân mật.

Và đây là một thủ-đoạn nữa để « lấp giờ », mặc dầu hào-húng hơn nhưng không phải là ít nguy hiểm. Là thầy giáo giả vờ gọi ra một đề-tài thảo-luận liên-quan đến bài-học và khuyến-kích học-sinh rầm-rộ tranh-luận với nhau. Rồi thầy đóng vai « trọng-đài ba-phái » ; học trò nào phát biểu ý-kiến cũng được thầy khen một tí, chê một tí. Kéo dài mãi cho đến khi trống đánh hết giờ, hầu hết ngư-ngân không biết lớp học đã đi đến đâu. Từ đó, vài học trò ăn nói được năm ba câu lưu-loát để có ảo-tưởng về kiến-thức của mình và sẵn-sàng kiêu-ngạo bằng lòng với mức kiến-thức đó.

Tại sao lại có những mẫu giáo sư bệ-rạc đến thế trong ngành giáo-dục trung-học hiện tại ? Thì như trên kia chúng ta đã thấy, họ không bị bắt-buộc hay được thúc đẩy tự trang-bị bằng một lương-tâm nhà giáo khi bước chân vào ngành giáo-dục, nên khi ra hành-nghề, họ dễ vịn vào những hư-hỏng của người chung quanh trong xã-hội mà lao mình vào sa-đọa. Sau những đêm quây-quần nhau cờ bạc suốt sáng hay ngập chìm trong nhục-thú, làm thế nào nhà giáo méo-mó nghề-nghiệp còn đủ sức khỏe và lòng hăng-hai để đến lớp với tác-phong đúng mức của mình. Và một khi thân-xác đã bệ-rạc như thế kèm theo một đầu óc trống rỗng thì nhà giáo có thể làm gì khác hơn là dùng những « thủ-đoạn » như trên để lấp đầy giờ ?

Đồng-nghiep của họ — hiệu-trưởng, giám-học, những người có lương-tâm đầu lớn tuổi hơn — không thể nào giúp họ sửa đổi những sa đọa đó, vì không ai có quyền đề cập tới đời tư của họ. Học trò càng không có quyền hơn. Phải tôn trọng đời tư của kẻ khác. Nhưng một khi đời tư đó di hại đến « đời công » thì không thấy nói chúng ta phải làm thế

nào ! Đó là sự thiếu sót của cuộc sinh-hoạt xã hội miền Nam và là đầu mối của mọi hư hỏng làm yếu dần tiềm lực của cộng đồng quốc gia : Miền Nam lầm lẫn sự tôn trọng quyền tự do cá nhân với sự làm ngơ trước những sa đọa của cá nhân !

2. — Trường hợp những người học giỏi mà thiếu lương tâm :

Đây là trường hợp của một số sinh viên sư phạm hoặc nhờ hoàn cảnh gia đình khá giả không phải bận tâm với vấn đề sinh kế tự túc hoặc bản thân sinh là những người thông minh, đã theo kịp tất cả những gì được các giáo sư giảng dạy ở Sư phạm và còn có thì giờ nghiên cứu học hỏi thêm. Họ đã thông minh một cách đáng khen để làm những sinh-viên học hành xuất sắc. Nhưng nếu họ quên thông minh để tự tạo cho mình một lương tâm nhà giáo, khi ra trường, họ trở thành những mẫu người tai hại và nguy hiểm hơn cả hạng vừa kém vừa thiếu lương-tâm trên kia. Bởi hạng trên kia thiếu đức-độ, nhưng chỉ có con dao lặt, trong khi họ đã thiếu đức-độ lại có con dao trăm lưỡi sắc bén. Hạng người trên thiếu ý-thức trách-nhiệm, nhưng vì kém khả năng nên trong thâm-tâm vẫn e-ngại học trò. Trái lại hạng sau này thiếu trách-nhiệm, nhưng vì dựa vào mớ kiến-thức vững-chắc và phong-phú của mình đã tỏ ra tin rằng mình có một uy-quyền bất khả xâm-phạm đối với học-trò. Và cái thủ-đoạn nguy-hiểm nhất mà họ vẫn dùng là « làm phù-thủy uyên bác » trước học trò : Sau những giờ bỏ lớp một cách ngang-nhiên, họ đến lớp. Rồi bằng một thứ ngôn-ngữ thật cao-xa so với trình-độ học-trò, họ « huyền-thiên-đất-trời-kim-cổ-đông-tây » thao thao bất-tuyệt. Học trò bị thôi-miên như những mẫu vụn kim-loại trước một thanh nam-châm không lồ. Và đột-ngột,

họ đặt câu hỏi về những con số, những niên-hiệu mà chắc-chắn, nếu không coi lại trước khi đến trường, chính họ cũng không nhớ. Dĩ nhiên học trò chỉ biết yên-lặng. Lúc đó họ khoan-thai than thở : « Chà ! trí óc tụi bay chứa đựng cái gì trống ? Lâu lâu mới hỏi đến thì như hỏi những bức tường ! chán quá !... » Rồi họ tự trả lời « vanh vách » những câu hỏi của mình, và tiếp tục làm mưa làm gió cho đến cuối giờ. Những giáo-sư dạy sinh-ngữ thuộc hạng này thì càng dễ áp-đảo thần-trí của học sinh hơn. Vào lớp là họ nói tiếng Tây hay tiếng Anh như gió, thỉnh thoảng chêm vào « Hiểu không ? » (Understand ?), (Comprenez-vous ?). Và quanh năm suốt tháng, hạng giáo sư này coi đám học trò của mình như đám muỗi mùa ngu dốt không đáng cho họ chuyện trò gặp-gỡ bằng những tương-giao bình-thường. Họ cố-ý coi học-trò ngu dốt bằng cách khoa trương mớ kiến-thức của mình để làm phù-thủy trước mặt học trò. Nhưng thái độ này thật nguy hiểm cho cả thầy lẫn trò.

Về phía thầy, mới đầu họ còn ý-thức về sự cố-ý của mình, nghĩa là còn hiểu mình chỉ dùng một thủ-đoạn để biện-hộ cho sự bỏ lớp của mình. Nhưng đến một lúc nào đó, thói quen khinh-miệt học trò trở thành vô-thức : Họ tin-tưởng một cách châu-thành là đám học trò kia chỉ toàn một lũ ngu-dốt (!) và chỉ họ mới thông-minh uyên-bác. Như thế, càng ngày họ càng đi sâu vào những ảo-tưởng về sự bao-la của kiến-thức họ, mà quên rằng có kiến thức chưa đủ, còn phải dùng kiến-thức đó như thế nào. Chính những ảo tưởng này của họ đào cho sâu thăm-thẳm cái hố cách biệt giữa thầy trò, cái hố nguy-hiểm mà lỡ lời một chút, bên này hay bên kia có thể rơi tõm xuống

đáy không vươn lên đư ợc. Hay khi cả thầy lẫn trò đều rơi xuống hố, nghĩa là sự xung-đột xảy ra nguy-kịch và tình-thầy trò bị phá-sản. Những ảo-tưởng đó cũng gây nên óc bè-phái kỳ-thị giữa họ đối với đồng-nghiệp : Cùng dạy trong một trường, họ lựa những người có « chỉ số lương » như nhau để giao-thiệp. Nếu họ tốt nghiệp Sư-phạm ba năm, họ sẽ ghéch mặt lên trước những người một năm. Và thật đáng thương cho giáo sư dạy giờ chỉ mới đậu Tú tài : Họ được hạng người kia nhìn bằng nửa con mắt.

Về phía trò, mới đầu học trò còn nghi là thầy nói hơi quá đáng. Nhưng cứ mãi nghe thầy nói « tụi bay dốt quá », học trò nhiều khi cũng đâm ra hoang-mang, mất tin tưởng vào khả-năng của mình và từ đó, những tự-ti mặc cảm bất lợi cho tinh-thần cầu tiến nhuộm dần. Một khi đã hoang-mang không tin-tưởng ở mình nữa, người học trò thường chán học và một số tìm cách « phá ngang » tìm những ngành sinh-hoạt khác, nhất là vào lính, trước khi qua khỏi bậc trung học. Khi mang bộ quân phục vào, họ tìm mọi cơ-hội để sống anh-hùng-rom, để sống ba-gai, vì họ lầm tưởng chính lúc này đây họ mới đang sống thật con người tự-tin của họ. Từ một thái-độ lầm lẫn của mình, nhà giáo có nhận thấy bao nhiêu hậu-quả bất lợi cho cuộc sống xã-hội sẽ xảy đến ? Và chính vì thế, trong trăm ngàn cái vô-lương của cuộc sống xã-hội loài người, cái vô-lương của người làm giáo-dục là nguy hại hơn cả. Kề ra thì hạng học-sinh rời bỏ trường lớp này cũng ngu-dốt thật. Nhưng không phải ngu-dốt không thể học hành tiến-bộ được, mà là ngu-dốt không ý-thức được rằng sự dốt-nát của mình do những hạng giáo-sư vô lương như trên duy-trì hay củng-cố !

Tuy nhiên, không phải cả lớp học trò « ngây thơ » quá như vậy. Trong số họ, cũng có một vài phần tử mà trí óc lớn hơn tuổi đời và tâm hồn vượt khỏi bốn bức tường lớp học. Những học trò này nhìn thấy những gì cần phải thấy : Họ biết rõ đâu là những thủ-đoạn vô-lương, những sự phá-sản trí-thức của những người làm thầy họ và họ tìm cách để biểu-lộ sự nhìn thấy đó : Họ phản-kháng, phê-bình thầy họ ở trong lớp hay bất kỳ nơi nào có thể được. Thôi lập-tức, họ trở thành đối-tượng trả thù hay dầy-dò của thầy họ. Những lối trả thù này thường ti-tiện và đôi khi quá lộ-liếu. Chẳng hạn họ thường bị gọi lên bảng để trả lời những câu hỏi mà trình-độ họ chưa thể trả lời được. Đôi khi họ đứng lạng thỉ thầy « xia-xói » thẳng tay vào mặt rằng họ dốt mà không biết thân.. Và nếu gặp một học-sinh có bản-linh không chịu từ bỏ thái-độ phản-kháng chính đáng của mình đâu nhiều lần bị xia-xói, thì nhà giáo lúc đó sẽ « âm-thầm » phê xấu vào học bạ hay dùng cái quyền phủ-quyết của mình trong kỳ họp cuối năm của Hội đồng giáo-sư để cúp phần-thưởng của học sinh đó, viện những tội trạng mơ-hồ như vô-lễ, ương-ngạnh... Điều này họ thực-hiện được dễ dàng vì trong hội đồng giáo sư, họ đã có sẵn phe-phái để giữ lập-trường cho nhau. Mà phe-phái của họ thì đông-đảo. Vì kẻ có đức-độ kết-nạp được người đồng-tâm-chí trong xã-hội này vẫn khó hơn những kẻ vô-liêm-sĩ qui-tụ lại với nhau. Chỉ với cái « ê-kíp » cờ bạc, họ cũng đã chiếm hết phân nửa số giáo sư trong trường rồi. Khi biểu-quyết một vấn-đề nào, họ chỉ cần vận-động thêm ít phần-tử cầu-an nữa là họ thắng thế.

Thật là bi-đát khi những lối « trả thù » như thế được dùng ở học đường.

Nhưng điều bi - đát hơn là ở những trường Trung-học ngày nay, những phương-cách đó được người ta sử-dụng rất nhiều mà không bao giờ bị đặt thành vấn-đề mở-xẻ. Và hậu quả tất nhiên của những thủ-đoạn đó là người học trò bị nạn lau-xóa lập tức hình ảnh vị tôn-sư qui-hoá ấy trong tâm - trí mình, như thể người ta cần quên-lãng một cây gai đạp nhầm, một hòn sỏi vấp phải dọc đường. Ngày xưa, ông thầy đóng vai trò quan-trọng thế nào trong việc rèn-luyện con người kể sĩ, ngày nay, thật là thảm thương khi đôi lúc người học-trò phải tìm cách « hư-vô-hóa » thầy mình trong tâm-trí, kẻo mà nó vướng-vuột cuộc sống trí-tuệ, như người ta cần phải sạch bụi đường ! Kẻ viết bài này đã từng là nạn nhân của một vài giáo-sư loại đó nên mạnh-dạn viết lên cái tâm-trạng ấy, sau khi đã kiểm-chứng lại sự phổ - quát của nó bằng cách dò hỏi một số học-sinh « đồng hội đồng thuyền » đi trước và đi sau. Và nhất là, sau khi đã quan-sát, theo dõi hành-vi của một số « đối-tượng » trong hàng ngũ mình. Bây giờ đây, chúng tôi chẳng còn nhớ mấy giáo sư đã vô-liêm-sĩ với mình mặt mũi ra sao nữa, trong khi hình-ảnh những vị được kính mến vẫn hiển-hiện sáng ngời trong tâm-trí mỗi khi nhớ về những ngày tháng cũ.

Cho nên ai hay than-vãn về sự phá sản của tình thầy trò trong thời đại này nên nhìn thấy những nguyên-nhân sâu xa nhất của sự kiện đó.

3.— Trường hợp những người có lương-tâm nhưng kém khả-năng.

Đây là trường-hợp của một số sinh-viên sư-phạm nhà nghèo mà trí thông-minh trung-bình; họ phải làm việc để tự-túc lấy cuộc sống của họ suốt thời

gian làm sinh-viên. Họ không đủ thì giờ học kỹ và học nhiều. Nhưng họ là những người yêu nghề, họ lựa chọn thiết tha đi vào ngành giáo-dục. Khi ra trường, họ yêu lớp học, họ thấy những giờ phút sống với học trò trong lớp là những giờ phút có ý-nghĩa. Thế nhưng lòng hăng-hái này chưa đủ nếu chất-liệu của ngôn-ngữ họ không có gì: *Hăng hái giảng-dạy là điều tốt, nhưng phải giảng dạy cái gì và như thế nào nữa mới đem lại sinh khí cho lớp học* sau những giờ học trò bị các giáo-sư hư-hỏng bỏ-bê, lừa dối. Nhất là các giáo-sư phụ-trách các môn nhân-văn, nếu họ chỉ lặp lại những ý-tưởng xoàng-xĩnh quen thuộc: trong các sách dễ tìm thấy, học trò sẽ đâm « ngấy » họ. Bởi bản-chất những điều họ trình-bày quá tầm thường là một bất lợi, lại thêm khi họ kém khả-năng thì cách giảng dạy, điều khiển lớp học cũng thiếu nghệ-thuật. Trong khi đó, tâm lý học trò là chỉ thích những thầy « dạy hay ». Nhưng những giáo sư này, nhờ bầu nhiệt huyết nghề-nghiệp, luôn-luôn coi trọng phản-ứng của học trò. Khi nhận thấy những phản-ứng có tính-cách bất mãn về sự « bất tài » của họ, họ đâm ra lúng-túng và dần dần trở nên mất tự-tin. Và một khi nhận thấy học trò chán mình, họ chỉ còn một cách để duy-trì sự chú-ý của học trò là luôn-luôn nhắc-nhở đến các kỳ thi, như thể nếu không thi-cử thì học-trò không cần phải học ! Từ đó, lòng hăng-hái của họ là hăng-hái « dạy cho hết chương-trình ». Điều này rất tai hại cho họ, vì một số học sinh có tinh-thần cầu-tiến càng chán ngán họ thêm, và từ chỗ ngán-ngàm đó đến chỗ coi thường khoảng cách không xa lắm. Nhưng nếu ở những lớp học thi (tứ, nhị, nhất), họ còn được sự ủng-hộ của một số học-sinh sợ thi rớt, thì ở những lớp không phải đi thi, nhất là ở

lớp đệ-tam mà học-sinh thường cho là năm « giải lao », họ trở thành bơ-vơ với lòng hăng say của mình trong sự lơ-đềnh của lớp học. Và nếu không sáng suốt nhận định những nguyên nhân của tình trạng đó, họ rất dễ kết luận học trò ngày nay hư hỏng-lười biếng, để thôi hăng say mà « đầu quân » vào hàng ngũ những nhà giáo vừa kém vừa thiếu lương tâm trên kia.

Một khi không hiểu rõ tại sao học trò chán mình, hoặc hiểu mà không đủ sức làm cho tình trạng khả quan hơn, những giáo sư kém mà có lương tâm này dễ trở thành phương tiện cho hạng giáo sư giỏi thiếu lương tâm dùng biện hộ cho sự vô trách nhiệm của mình : Tôi nói với quý vị là ngày nay học trò đã hư hỏng không còn cách gì để sửa đổi được mà. Vì quý vị coi những ông này gương mẫu, đi dạy đúng giờ, đầy đủ, vào lớp giảng dạy hăng hái mà tại nó có chịu học cho đâu ? Trong hoàn cảnh chiến tranh này thì học

đường cũng phải xuống dốc như tình-trạng chung chứ, biết làm sao v.v... và v.v... Những người được nhắc nhở tới trong lập-luận đó hoặc ngây thơ thấy người ta khen tặng mình nên ngồi im « hưởng thụ » lời khen gián tiếp đó, hoặc có tinh ý thấy được sự ranh mãnh của người ta dùng mình như phương tiện, thì cũng ngồi im vì không lẽ đứng lên cãi lại : « Không, học trò chán tôi vì tôi kém vì tôi dạy dở » ? Thành ra điều buồn cười nhất là sự hư hỏng của cả thầy lẫn trò ngày nay ở học đường có một tương-quan biện - chứng : Thầy dạy dở, vô trách nhiệm làm học trò chán, mất kỷ-luật. Rồi tình-trạng đó nơi học trò đẩy thầy đi sâu vào chỗ vô trách-nhiệm, hờ hững và từ đó, thầy trò khinh thường, đổ kỵ thù ghét nhau !

(Còn tiếp)

HUỖNH-PHAN

Ký tới : Những đề-nghị cải-cách

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài « Giáo sư Trung học, anh là ai ? » của Huỳnh Phan trên Bách-Khoa số 277 (15-7-68) có những sai lầm sau đây, mong quý bạn đọc vui lòng sửa lại giúp cho :

— Trang 22, cột 2, hàng 15

Đã in : sinh viên sư phạm mặc cảm

Xin sửa : sinh viên sư phạm mang mặc cảm

— Trang 23, cột 2, hàng 24 :

Đã in : những nam-châm-tâm hồn, tốt là thầy mình...

Xin sửa : những nam-châm-tâm-hồn tốt là thầy mình...

— Trang 25, cột 1, hàng 2

Đã in : «... trong ý-nghĩa và... »

Xin sửa : «... trong ý-nghĩ và... »

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý bạn đọc Bách-Khoa.

Những khuynh-hướng của đời sống chính trị Pháp

TỪ - TRÍ

Nếu nhìn vào đời sống chính trị của Pháp, người nào cũng đều lấy làm ngạc nhiên vì những sự chia rẽ sâu xa với những cuộc: bàn cãi hết sức gay go. Nước Pháp lại có nhiều Đảng, mỗi Đảng có một lập-trường riêng. Khi một vấn-đề chính-trị được đặt ra, dân chúng đều bình luận sôi nổi, mỗi người một ý-kiến, mỗi Đảng một đường lối, người thì suy-luận theo lịch-sử, kẻ thì dựa vào quan-niệm triết-lý. Vì vậy nước Pháp có tiếng là khó cai-trị (ingouvernable). Tướng De Gaulle đã có lần nói rằng: « Làm sao mà tôi có thể cai-trị nổi nước Pháp, khi mà dân Pháp sản-xuất tới 60 loại pho-mát »

Đề dân-dị-hoá đời sống chính-trị Pháp, các nhà nghiên-cứu về chính-trị-học thường phân-chia tư-tưởng chính-trị của Pháp thành hai loại: tư tưởng của tả-phái và tư-tưởng của hữu-phái. Sự phân-loại này hết sức độc-đoán vì từ phía cực-tả tới phía cực-hữu tư-tưởng chính-trị có nhiều sự khác biệt về nội-dung cũng như về hình-thức. Các đảng cùng thuộc tả-phái có thể có một chính-sách giống nhau về hình-thức. Thí-dụ đảng Cộng-sản có một chính-sách xã-hội cấp-tiến tương-tự như đảng Xã-hội vì cả hai đảng đều theo chủ-thuyết Mác-xít. Nhưng đảng Xã-hội chủ-trương thực-hiện công-bằng xã-hội trong khuôn-khở của định-chế hiện-hữu, trong

khi đảng Cộng-sản lại chủ-trương thực-hiện công-bằng xã-hội bằng cách-mạng đả phá mọi định-chế hiện-hữu.

Về phía hữu-phái cũng vậy, có những đảng cực hữu chủ-trương duy trì quyền tư hữu bằng cách thực hiện một chính-thể độc tài, trong khi các đảng khuynh hữu khác lại chủ-trương duy trì quyền này trong khuôn khổ một chế độ dân-chủ tự-do (démocratie libérale) hiện-thời.

Hơn nữa nhiều khi một đảng tả phái áp dụng chính sách của hữu phái trong khi một đảng hữu phái lại áp dụng chính sách của tả-phái.

Vì những sự khác biệt trên cũng như vì những sự mâu thuẫn trên, nên nước Pháp thường áp dụng một chính sách trung-độ giữa tả phái và hữu phái. Vì vậy mà các đảng thuộc trung phái luôn luôn được giữ quyền lãnh đạo chính trị tại Pháp. Ngoài ra quốc dân Pháp có khuynh-hướng nghi-ly những đảng cuồng tín nên vai trò của trung-phái lại càng quan trọng trong đời sống chính trị của Pháp.

Đề hiểu đời sống chính trị của Pháp ta không có cách nào khác là lần lượt kiểm điểm thái độ của dân chúng Pháp trước các vấn đề chính trị, kinh tế, xã-hội và quốc tế.

I) THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI DÂN PHÁP TRƯỚC NHỮNG VẤN-ĐỀ CHÍNH-TRỊ

Trước các vấn đề tổ chức chính-quyền cũng như trước hình thức của định chế, dân Pháp hết sức chia rẽ. Tả phái có một quan niệm tổ chức quyền hành khác hẳn với hữu phái. Cho tới khi đệ nhất thế chiến chấm dứt, các vấn đề chính trị đã chiếm vị trí trọng-yếu trong đời sống chính trị Pháp. Từ khi cuộc đại Cách-mạng Pháp 1789 bùng nổ cho tới năm 19-9 người ta không ngớt tranh luận về chính thể. Người dân Pháp hoàn toàn chia - rẽ trước sự lựa chọn chính thể. Và ngay đến tận bây giờ họ cũng còn phân vân chưa biết nên thiết lập một chính-thể nào cho phù hợp với nguyện-vọng của quốc-dân. Thật ra thì chẳng có một chính-thể nào có thể thích hợp với toàn thể nhân dân Pháp vì người dân Pháp, mỗi người một ý thích, mỗi người tính tình lại nay thay mai đổi, nên có thể bây giờ họ muốn điều này mà ít lâu sau họ lại ước ao một điều khác hẳn. Tuy nhiên trước một tình-trạng hỗn-độn của nhiều tư-tưởng trái ngược, người ta có thể tìm ra được một vài khuynh-hướng chung.

Trước hết người ta thấy dân Pháp có khuynh-hướng đặt nặng vai trò của lịch sử. Trước một vấn-đề chính-trị, trước một cuộc khủng - hoảng, họ vội vã đi ngược dòng lịch - sử quốc gia để tìm những tiền tệ. Trong các cuộc cử-động bầu-cử, người ta thường thấy các ứng-cử-viên viện-dẫn những sự kiện lịch-sử để lấy thẩm cử-tri. Họ yêu-cầu cử-tri bỏ phiếu cho họ để họ thực-hiện « một ngày 4-8 » hoặc là « ngày 10-8 ». Không cần phải giải-thích dân chúng Pháp cũng hiểu ngay hai ngày này là những ngày gì.

Thật vậy, ngày 4-8-1789 là ngày mà Quốc hội Lập-hiến đầu tiên của Pháp quyết-định hủy bỏ mọi mặc-quyền của phe quý-tộc. Và ngày 10-8-1792 là ngày Quốc-hội Pháp quyết-định truất-phế vua Louis XVI, bãi bỏ chế-độ quân-chủ.

Khi tướng De Gaulle trở lại chính quyền năm 1958, phe đối-lập tả-phái la ó nói tới ngày 18 Brumaire, tức là ngày 2-12-1799 khi Bonaparte làm đảo-chính. Khi tướng De Gaulle đề-nghị quốc-dân Pháp bầu cử Tổng-thống bằng Phổ-thông đầu phiếu trực-tiếp, dân chúng vì ông với Napoléon III.

Ngay tướng De Gaulle cũng không tránh khỏi cố tật này. Trước khi quyết định một việc gì quan trọng ông cũng gắng tạo ra cho hành động của ông có một tính cách lịch sử. Năm 1958, ông đã chọn ngày 4-9 để công bố bản hiến-pháp mới tại công trường Cộng-Hòa vì ngày 4-9-1870 dân Ba-Lê đã nổi dậy lật đổ Đế-nhị Đế-quốc của Napoléon III để thành lập nền Cộng-hòa. Và ngày 29-5-1968 khi sinh viên và thợ thuyền biểu tình rầm rộ, tướng De Gaulle bỏ điện Elysée ra đi, ông cũng bắt chước Giáo-chủ Richelieu, vào thế kỷ thứ 17 lúc trước khi nhắm mắt, mà để lại trong tủ sắt một điệp văn gửi quốc dân Pháp. Tổng thư ký Phủ Tổng thống giữ chìa khóa tủ sắt. Cùng nào Tướng De Gaulle phải bắt buộc rút lui thì ông Tổng thư ký mới được mở tủ sắt để đọc bản thông điệp cho dân chúng rõ.

Vai trò lịch sử nặng nề luôn luôn hướng dẫn thái độ của các đảng phái và dân chúng Pháp.

Các đảng cực-hữu gồm có một số người bảo hoàng hiện còn muốn trở lại chế độ quân chủ. Nhưng những người chủ trương chế độ quân chủ lại chia ra làm ba loại. Loại thứ nhất chủ trương một chính phủ mạnh tập trung mọi quyền hành. Những người này trước thuộc phe quân chủ chính thống (Légitimistes) muốn duy trì giòng họ Bourbon trên ngai vàng. Loại thứ hai chủ trương theo ngành Orléans (Orléanistes) là ngành thứ của Hoàng-gia Pháp. Lãnh tụ của phe này, trên nguyên tắc, hiện thời là Bá tước Paris (Comte de Paris). Phe Orléans muốn một chính thể đại - nghị dưới hình - thức cộng-hòa hay quân - chủ, miễn là chính-quyền tôn trọng chủ-nghĩa kinh-tế tự-do (Libéralisme économique). Loại quân-chủ thứ ba chủ-trương theo gia-đình Bonaparte (Bonapartiste). Lãnh-tụ tinh-thần của phe Bonaparte hiện thời là Hoàng-thân Napoléon. Phe này chủ-trương một nhà nước mạnh nhưng có tính cách nhân dân, nghĩa là họ không tin tưởng vào chế-độ đại-ng nghị mà muốn có sự đối-thoại trực tiếp giữa nhà cầm quyền và nhân-dân qua các cuộc trưng-cầu dân-ý. Tóm lại họ muốn trở lại một phần nào với chế-độ của các Hoàng-đế Napoléon đệ-nhất và đệ-tam.

Hiện thời phe Orléans đã thu hút gần hết phe « Cánh thống » vì giòng trưởng Bourbon tuyệt-tự, nên giòng thứ Orléans đã chính thức thay thế. Vì vậy phe chủ-trương quân-chủ giờ đây chỉ còn có hai phe Orléans và Bonaparte.

Ngoài các phe bảo-hoàng người ta thấy các đảng hữu-phái khác chủ-trương chế-độ Cộng-hoà và chủ-nghĩa kinh-tế tự-do. Những người thuộc phe này được mệnh-danh là những người cộng-hoà vì ý-thức-hệ của họ bắt nguồn từ cuộc Cách-mạng 1789. Tờ-tiền tinh thần của họ là những nhà cách-mạng đã lật đổ Pháp hoàng Louis XVI và Hoàng-hậu Marie Antoinette. Các đảng này thuộc

về nhóm luôn luôn giữ chính quyền vì họ liên-kết hoặc với tả-phái hoặc với hữu-phái. Trong những đảng này ta có đảng Cộng-hoà độc-lập (Républicains indépendants) một đảng có rất đông đảo đảng viên. Vị-trí của đảng này khó được phân rõ. Về phương-diện chính-trị, nó thuộc trung-phái, nhưng về phương-diện kinh-tế người ta có thể coi nó thuộc hữu-phái.

Sau đó ta có các đảng trung-phái chủ-trương chính-thể cộng-hoà và có một tư-tưởng xã-hội kinh-tế tấn-bộ hơn hữu-phái. Các đảng này muốn thực-hiện công-bằng xã-hội trong khuôn-khò các định-chế hiện-hữu. Các đảng trung-phái có nhiều ý-thức-hệ khác nhau nên người ta còn phân-loại các đảng trung-phái ở « cánh-tả » vì có ý-thức-hệ gần giống tả phái và các đảng trung-phái ở « cánh hữu » có ý-thức-hệ giống các đảng hữu phái. Hiện thời có hai đảng chính ở trung-phái là đảng « Xã-hội cấp tiến » (Parti radical socialiste) và đảng theo De Gaulle lấy tên là Liên hiệp Bảo vệ nền Cộng hòa (Union pour la Défense de la République hay U.D.R.). Đảng Xã-hội cấp tiến thuộc về cánh tả trung-phái và đảng U.D.R. thuộc về cánh hữu.

Về phía tả ta có các đảng « Phong trào Cộng hòa Nhân dân » (M.R.P.), đảng Xã hội (S.F.I.O.) và đảng Xã hội thống nhất (P.S.U.) Ba đảng này cũng có những tư tưởng tiến bộ nhưng ba loại tư tưởng khác nhau. Đảng Cộng hòa Nhân dân muốn áp dụng một phần nào những giáo điều của Thiên-chúa-giáo để thực hiện công bằng xã-hội. Đảng Xã-hội (S.F.I.O.) và đảng Xã-hội thống nhất (P.S.U.)

thì lại nhân danh chủ thuyết Mác-xít đã phá chế-độ tư bản, cải tạo xã hội bằng kinh tế hướng dẫn nhưng trong khuôn-khò các định chế cộng hòa hiện hữu.

Sau cùng tại phía cực tả ta có đảng

Cộng-sản chủ trương thực hiện một cuộc cách mạng toàn diện, chính trị cũng như kinh tế để đi tới một Xã hội không giai cấp và độc tài vô sản.

Trên đây chỉ là một bảng kê hết sức sơ lược các chính đảng Pháp. Sự phân loại trên hết sức độc đoán vì có đảng về phương diện chính trị thuộc phe tả thì về phương diện xã hội kinh tế lại thuộc phe hữu.

Đề hiểu dễ dàng đời sống chính trị của Pháp người ta thường cố gắng hệ-thống-hóa các đảng phái bằng cách ghép một số đảng về phe tả và một số về phe hữu, và các đảng, dung hòa được một phần nào quan điểm của hai phe trên, thuộc về trung phái.

Thường thường hữu phái chủ trương một chính phủ mạnh. Những người thuộc hữu phái thường thường bi quan về tâm địa của con người, vì vậy họ muốn một Nhà-nước mạnh để lãnh-đạo dân chúng. Họ muốn buộc người dân vào những vòng kiềm toả chặt chẽ. Vì vậy hữu-phái luôn luôn muốn duy trì những cơ-cấu chính-trị và nhất là cơ-cấu hành-chánh hiện-hữu, được thiết-lập từ thời Napoléon đệ-nhất. Trong hệ-thống này, chính phủ từ thủ-đô Paris kiểm soát chặt chẽ mọi guồng máy chính-quyền.

Trong khi đó tả-phái lại tỏ ra hết sức lạ: quan về thiện-tính của con người, vì vậy các người thuộc phái này đều muốn một Nhà-nước ít quyền hạn. Họ muốn phân-quyền cho địa-phương để các cộng-đồng địa-phương communauté régionale, quận, xã, ấp, đi tới hành-chánh tự-trị.

Từ khi đệ-nhị Thế-chiến chấm dứt vấn-đề chính-trị luôn luôn được đặt ra vẫn là vấn-đề chế-độ. Nhưng người ta không còn đặt ra câu hỏi là nên chấp nhận một nền quân-chủ hay một nền cộng-hoà nữa vì chính-thể cộng-hoà,

với nền Đệ-tam Cộng-hoà đã bén rễ rất sâu vào tục-lệ chính-trị Pháp. Giờ đây người ta thắc mắc về vấn-đề dân-chủ hay độc-tài. Thật vậy, cuộc Đệ-nhất Thế-chiến đã sản xuất ra hai hình-thức độc-tài trên thế-giới là độc tài cộng-sản tại Nga-xô và độc-tài hữu-phái tại Ý, Đức, Tây-ban-Nha. Từ đó nền Cộng-hoà Pháp dù là đệ tam, đệ tứ hay đệ ngũ luôn luôn bị hai phe cực hữu và cực tả đe dọa trầm trọng.

Ngày 6-2-1934 dân chúng thuộc phe cực hữu đã « xuống đường » biểu-tình đả phá chế-độ đại-nghibị. Chính phủ Daladier phải từ chức để nhường chỗ cho một vị Thủ-tướng hữu-phái là cựu Tổng-thống Doumergue. Nhưng ngay sau đó tả-phái đã có phản-ứng trước sự đe dọa này bằng cách đoàn-kết thành một lực lượng gọi là « Mặt trận binh-dân » (Front populaire) gồm có các đảng Xã-hội cấp-tiến, Xã-hội (SFIO) và Cộng-sản. Mặt trận binh-dân đã thắng phiếu trong cuộc bầu cử Quốc-hội năm 1936 và đưa tới sự thành-lập chính-phủ Léon Blum. Lúc đó một vị Thủ-tướng thuộc đảng Xã-hội là một điều cực-kỳ nguy-hiêm cho chính-thể dân-chủ, vì dân chúng cho rằng một thành-phần của đa số, là đảng Cộng sản sẽ cướp chính-quyền. Vì vậy các chủ ngân-hàng liên-hiệp với nhau để từ chối không cho chính-phủ vay tiền.

Sau khi Đệ-nhị Thế-chiến chấm dứt, độc-tài vẫn là một ám ảnh của dân chúng Pháp. Năm 1947 thợ thuyền đã đình công, chiếm các xưởng máy xe hơi Renault. Các cuộc biểu-tình này có tính cách cách-mạng cộng-sản nên đã bị chính-phủ đàn áp mạnh mẽ. Năm 1958 lại đến lượt hữu-phái do quân-đội lãnh-đạo mưu toan cướp chính quyền. Năm 1968 lại đến Paong-trào sinh-viên và thợ-thuyền

biểu-tình, đình-công, khiến chính-phủ Pháp lại một phen điều linh; lo ngại cộng sản thừa cơ cướp chính quyền.

Nhưng có một điều đặc biệt là dù phe cực hữu hay cực tả có đe dọa chính-thề, họ đều không được dân chúng tin theo. Các hoạt động của các phần-tử cuối g tía hình như chỉ là những sự-kiện nhất thời; người dân Pháp, với một sự khôn ngoan cố-hữu, luôn luôn có một đường lối trung dung, luôn luôn khước từ những biện-pháp cực đoan. Sau khi bị phe cực-hữu đe dọa năm 1934 và bị phe cực tả đe dọa năm 1936, dân Pháp lại trở về với một chính-phủ Xã-hội cấp-tiến thuộc trung phái. Năm 1968 sau khi ủng-hộ các sinh-viên và thợ thuyền biểu-tình, bằng cách quyền tiền trợ giúp hoặc che chở cho các người lãnh đạo đình công, người dân Pháp lại đưa nhau bỏ phiếu tín nhiệm tướng De Gaulle. Ngay cả những công-nhân cuồng tía nhất, đã phá chính phủ De Gaulle bằng say nhất vào tháng 5, thì tới tháng 6 họ cũng lại bỏ phiếu cho De Gaulle vì họ cho rằng dù đảng Cộng-sản có cầm quyền thì lãnh-tự cộng-sản, còn thiếu kinh nghiệm, cũng chẳng làm gì được cho họ. Chỉ bằng bỏ phiếu cho De Gaulle để De Gaulle cải-tiến mức sống của họ còn có hiệu-quả hơn.

Ngoài ra một hiện-tượng đặc biệt khác là sự « trượt về phía hữu » (glissement à droite) của các chính đảng Pháp. Nếu nhìn vào các người thuộc đảng « Cộng-hoà độc-lập » bảo-thủ, tư-bản, hiện thời ta không thể ngờ rằng vào thế-kỷ thứ 19 đảng này đã là một đảng cách-mạng tranh đấu đả phá vương-quyền để tranh-thủ tự-do.

Đảng Xã-hội cấp-tiến vào đầu thế-kỷ này đã là một đảng cực-tả chủ-trương

những biện-pháp cá h-mạng chống đối Toà Thánh Vatican và Giấc-Lộ. Tại một xã-hội Công-giáo như nước Pháp năm 1900, đảng này được mệnh-danh là một « nguy hại cấp-tiến » (Péril radical).

Đảng Xã-hội (S.F.I.O.), khi được thành lập, đã làm cho các nhà tư-bản lo sợ. Năm 1936 Léon Blum lên làm Thủ-tướng đã làm cho dân chúng e ngại. Ông Vincent Auriol được Léon Blum cử làm Tổng trưởng Tài-chánh đã tuyên bố một câu táo bạo: « Tôi đóng cửa ngân-hàng, tôi bỏ tù chủ ngân-hàng ». Nhưng đến năm 1946 khi ông được làm Tổng-thống đầu tiên của đệ-tứ cộng-hoà thì sự hiện diện của ông lại là một bảo-đảm cho sự tự-do tại Pháp.

Ngay đảng Cộng-sản hiện thời tuy ở phía « cực tả » nhưng có một vài dấu hiệu cho ta thấy rằng đảng này đang có khuynh hướng « trượt về phía hữu ». Thật vậy trong các vụ biểu tình của sinh-viên và thợ thuyền vừa qua người ta thấy đảng Cộng sản tỏ ra hết sức ôn hòa. Trong khi các công nhân và sinh viên đả phá một xã hội « trường giả » (bourgeois) đòi thiết lập một xã hội mới và một chính thể mới, đảng Cộng sản tuy ủng hộ phong trào sinh viên thợ thuyền, nhưng chỉ ủng hộ về phương diện xã hội. Như thế có nghĩa là đảng Cộng sản muốn tăng lương cho thợ, cải tiến đời sống sinh viên, nhưng đảng không đả động tới vấn đề định chế. Đảng cộng sản chỉ đòi thay thế chính phủ De Gaulle bằng một chính phủ khác nhưng vẫn tôn trọng định chế chính trị hiện hữu.

Trong cuộc bầu cử Quốc hội sau đó, ta thấy đảng Cộng sản hoàn toàn « trượt về phía hữu ». Đề tài tranh cử của đảng là « Hãy bầu cho đảng Cộng sản để bảo vệ trật tự ». Như vậy đảng Cộng sản ở

rời bỏ cái lối cách mạng cổ hữu. Hơn nữa đảng Cộng sản còn ra trình diện trước cử tri dưới hình thức của một «Đảng của trật tự» (Parti de l'ordre). Đối với các nhà chuyên môn về chính-trị họ: thì danh từ «Đảng của trật tự» có một ý nghĩa vô cùng đặc biệt. Ngay từ khi Cách mạng 1789 bùng nổ, các đảng hữu khuynh được coi là «Đảng của trật tự» vì họ muốn duy trì trật tự hiện hữu, chống lại mọi hình thức cách mạng. Từ đó danh từ «Đảng của trật tự» được khoác vào những đảng hữu khuynh phản động. Người dân Pháp luôn luôn đặt nặng những kỷ niệm lịch sử nên họ đã thấy ngay rằng đảng Cộng sản đã chuyển hướng. Ý thức hơn ai hết về tầm quan trọng lịch sử của danh từ «trật tự» các lãnh tụ Cộng sản Pháp khi dùng khẩu hiệu này chắc hẳn đã cố ý đưa đảng họ theo một đường lối mới.

Ngày nay người ta tự hỏi không biết có phải đảng Cộng-sản Pháp đang bị lực lượng sinh viên và thợ thuyền đẩy lui về phía hữu không. Vì đảng Cộng sản không còn đòi cách-mạng chính trị mà lại chấp nhận các định-chế dân-chủ hiện-hữu. Có lẽ hiện thời «nguy hại đỏ» (péril rouge), mà

người ta sợ hãi trong những năm qua đã như «nguy hại cấp-tiến» vào đầu thế-kỷ này, đang mất dần tính cách nguy hại. Hiện tượng «trượt về phía hữu» của đảng Cộng sản Pháp tuy nhiên chưa có tính cách tuyệt đối vì ta không nên quên rằng khái niệm tả hữu ở Pháp chỉ là một khái niệm lý thuyết có giá trị hoàn toàn tương đối.

Sự di tại Pháp có hiện tượng «trượt về phía hữu» là tại vì dân chúng Pháp luôn luôn tỏ ra khôn ngoan. Họ có thể có những ý kiến, tư tưởng cuồng nhiệt nhưng đến khi xử sự họ lại trở thành ôn hòa. Người ta đã có câu: «Người Pháp có tư tưởng đặt ở bên trái và túi tiền đặt ở bên phải». Có lẽ vì vậy họ luôn luôn có một đường lối trung dung trong các vấn đề chính trị có liên quan trực tiếp tới quyền lợi kinh tế và xã hội của họ.

(Còn tiếp 1 kỳ)

TỪ-TRÌ

Kỳ tới: Thái độ của người dân Pháp trước các vấn đề kinh tế, xã hội và quốc tế.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

CÚI MẶT

4 | Hết bữa, trại bắt đầu ăn cháo. Mỗi buổi sáng một toán cải thiện được cắt vào rừng và chỉ quá trưa họ đã gánh về từng bó mương dóc, thêm vào đó bốn năm cái củ hũ đặc trắng nõn. Một toán đàn bà chõu sẵn đem ra suối rửa Lá mương dóc lớn bản, đầu phình ra, đuôi thắt lại như hình trái tim, nấu với cháo mau chín ăn dơn dớt như lá mỏng tươi. Nhưng mọi người vẫn ham tìm những miếng củ hũ ngọt và giòn. Phải ăn mỗi người để thường được hơn ba chén đặc. Bữa đầu ăn cháo, ông Xu xoa bụng kêu lưng lưng no. Quang không hiểu mình no hay đói chỉ chắc chắn là còn thèm ăn. Thảo lần nào ăn xong cũng quả quyết mình còn có thể ăn thêm bốn năm phần nữa. Thảo có lý vì chỉ quá trưa là mọi người đã thấy bụng còn cào. Ông Xu cười cắt nghĩa :

— Ăn cháo thì bao giờ cũng không vững dạ bằng cơm, cái giống mương dóc lại mau tiêu, ăn vô đi đại vài lần là hết.

Rồi ông kể chuyện hồi nhỏ có lần ông phải theo gia đình đi lánh giặc Pháp ở trên núi cũng phải ăn mương dóc thay rau. Quang chỉ chú ý đến đoạn ông kể đến củ hũ dứa nấu canh ăn mềm và ngọt như ăn măng. Quang nhớ đến hôm giỗ, Nhi ninh măng với giò heo. Măng luộc sẵn cho tiết hết nước đắng, ninh với giò heo chặt từng khúc nhỏ : một chút với cho nong, vài cây hành lá xanh xanh rải trên mặt. Quang tưởng tượng có một tô cơm nguội chan với nước canh măng ngọt lịm, có mỡ váng lên. Nước miếng ứa ra trong miệng, Quang nghĩ hoài tới món canh măng cho tới lúc cơ quan bắt đầu làm việc Quang mới ngồi ngay-ngắn chờ gọi tên mình.

Từ hôm cơ quan bắt đầu xét hồ-sơ tới hôm nay, kỷ luật đã có mười sáu người được ra tự-giác. Hết sáng rồi chiều. Quang cong người ngồi nhìn lên dãy nhà cơ quan xem ông "Ba lớn lục từng xếp giấy dày. Mỗi lần người canh vệ xuống gọi tên, Quang lại mừng rỡ, hồi hộp rồi thất vọng. Tuy nhiên Quang vẫn tin mình sẽ được gọi như tin một điều tất nhiên.

Nắng nhạt dần trên khoảng cát ven suối dẫn lên nhà cơ quan. Quang nhìn những vụn vàng lấp lánh trên mặt cát ướt, mịn, tự hỏi lúc nào mình mới được gọi, được dẫm chân trên mặt cát ướt đó ? Một cô cấp dưỡng từ bếp đi ra với rá gạo. « Chiều rồi » ! Quang nghĩ vậy và thấy buồn buồn với cảm tưởng mình đã sống cả ngàn buổi chiều quen thuộc trong một khung cảnh sinh hoạt quen thuộc,

và giữa cái đều đặn của ngày tháng trôi đi Quang không thay đổi gì ngay cả những đau đớn, buồn tủi, ước mong, hy vọng cũng chỉ là những cái gì quen thuộc được lặp đi lặp lại.

Ông Xu thức giấc sau một giấc ngủ chập chờn. Ông nhìn Quang mỉm cười. Ông kể lại chuyện vừa mơ thấy con bò nhà ông đẻ ra một con nghé. Quang sợ hãi nhìn đôi mắt sâu trũng của ông, bàng-hoàng như lần này là lần đầu tiên Quang bắt gặp vẻ mặt thần trong đôi mắt ông. Ông Xu hỏi đến việc kêu người ra tự giác. Quang đáp chiều nay có lẽ cơ quan không làm việc, Ông Xu nói :

— « Tôi không hiểu tại sao lại mơ kỳ cục vậy. Tôi chỉ mong mơ thấy mình về nhà đi cấy, ruộng tôi chắc đất cứng hết rồi.

Ông lại nhếch miệng cười, quay ra chỗ khác, tay nắm lại tuồng như ông đang bóp một cục đất cứng trong lòng tay.

« Có lẽ ông sắp chết rồi, nhưng cái gì đã xảy ra cho ông vậy ? » Quang hỏi tưởng lại những ngày đã qua như đang tìm một chứng tích cho vẻ tiêu tụy của ông Xu bây giờ. Mới đầu là những cơn sốt kéo dài từ ngày nọ sang ngày kia. Ông Xu yếu dần. Da ông xanh mướt, mắt trũng xuống, hai xương cổ nhô cao lên. Vài viên camoquine của cơ quan cho không đủ làm cơn sốt thuyên giảm. Người ông như một cành cây cảnh cắm trong bình càng ngày càng héo quắt đi. Trí nhớ ông bắt đầu lú lẫn, ông quên cả những điều vừa nói, quên cả tên mấy người cảnh vệ. Chỉ những lúc tối ngồi nhắc chuyện nhà cửa ruộng đồng ông mới tỏ ra tỉnh táo. Những lúc ông giống như một cụ già sắp kể miệng lỗ, ham kể lại cho con cháu những chuyện

xưa. Ông nhớ tỉ mỉ từng việc ở nhà và lập lại cái dự định trồng đậu xanh dưa leo và lúa nếp của ông. Ông nói nếu được tha về, ông sẽ khuyên thằng con trai thôi lính, ông sắm cho nó một cái xe ngựa vừa chở được thóc vừa chở được khách hàng, như vậy với tính ham rong chơi, thảnh thơi nó có thể ngủ lại trên thi xã, nhậu nhẹt hay coi hát với bạn bè. Ông tỏ vẻ cương quyết trong việc thực hành những dự định tương lai của mình : « Nếu tôi nói nó không nghe, tôi sẽ vô đơn từ nó, như vậy tôi cũng không có tội gì với cách-mạng cả. Nó làm tôi khổ nhiều quá rồi. » Rồi ông dịu giọng khuyên Quang nếu được tha về cũng chỉ nên đi làm ruộng. Giọng ông nặng nề :

— Cách mạng mạnh lắm, thế nào cách mạng cũng thắng, anh tin tôi đi ! Hồi trước cách mạng chỉ có gây tầm vong mà cũng đuổi được Pháp hưởng chi bây giờ có đủ cả súng ngắn súng dài.

Quang cười, trầm nghĩ : « thì ta có ham đi lính hồi nào đây ? »

Ông Sáu Côn bước vào phòng đưa mắt nhìn từng người. Mũi ông thun lại như vừa ngửi thấy mùi hôi hám. Mọi người im lặng ngồi ngay ngắn. Ông Xu run run gỡ tấm mền, chống tay nặng nhọc ngồi dậy, nhưng cánh tay gập lại và ông lại nằm xuống.

— Khỏi cần, ông cứ nằm yên đi, ông mệt lắm sao, bệnh gì vậy ?

Ông Sáu vừa nói vừa tiến lại gần. Ông Xu thều thào :

— Dạ ..., thưa cơ quan... tôi đương... rét.

Ông Sáu lộ vẻ xúc động ra lệnh tha công cho ông Xu. Trong lúc ông Chín già loay hoay với chùm chìa khóa, ông

đi chậm rãi quanh phòng. Quang nhìn ông muốn nói một câu nào đó thật tha thiết xin ông hiểu đến hoàn cảnh và sự thành tâm của mình nhưng rồi lo sợ vợ và một phần nữa có lẽ chính vì sự tha thiết đó làm Quang không mở lời được. Ông Sáu bước ra ngoài bình thân như một người nhàn nhã thả bước dạo chơi. Ông Xu đã chum chần kín mít và bắt đầu rên, cho mãi đến giờ đi cầu tiêu.

Ngoài kia, cặp du ồng bắt đầu bùng ra sân những chậu cháo nóng nghi ngút. Ông Chín già lấy dùm phần cháo cho ông Xu và nhờ Quang cho ông ăn giùm, Quang húp nhanh từng hụm cháo nóng rồi vội vàng trở vào phòng. Hơn bao giờ Quang thấy có bồn phạn phải săn sóc ông Xu mà chắc chắn không vì lòng trắc ẩn. Ông Xu đã hết sốt nằm nhắm mắt, đầu lã sang một bên, mồ hôi còn lấm lấm trên trán. Quang kêu khe khẽ, ông Xu mở mắt nhìn lơ đãng. Quang xúc một xỉ cháo đổ vào miệng. Ông Xu nhăn mặt nuốt rồi ra hiệu từ chối. Quang nói :

— Ăn đi ông Tám, ăn đi ! Sáng ông đã nhịn rồi mà.

Mọi người ăn xong lần lượt bước vào phòng. Ông Xu nhắm mắt lại như ngủ yên. Quang bối rối gọi : “ Ông Tám ! ông Tám ! ” và lấy xỉ cháo kê vào miệng. Thảo ngồi xuống bên cạnh lấy tay đập đập vào ngực ông nói như đổ dánh :

— Ăn đi ông Tám, không ăn sao khỏi được, ráng lên mà ! chút thôi, há miệng ra nào !

Nhưng môi ông vẫn mím lại. Ông Chín già thở dài :

— Thôi để bao giờ ông ấy tỉnh hãy cho ăn.

Quang ngẩn ngừ ngó đăm đăm vào làn

môi tím khô của ông Xu, có cảm tưởng sẽ chẳng bao giờ ông tỉnh. Nước mắt muốn trào ra, Quang quay lại móc lon cháo lên vách.

Trời tối. Bóng đêm chụp xuống thật nhanh. Quang và Thảo nằm canh chừng đợi ông Xu tỉnh dậy. Quang nghĩ giá có sữa chắc ông Xu chịu uống, ông sẽ gượng lần và nếu có thuốc uống hàng ngày mới có hy vọng khỏi được. Nhưng ở đây không có những thứ đó, ông chỉ nằm chờ chết. Ý nghĩ đó làm lòng Quang thắt lại, nước mắt ứa ra chảy dài xuống tận kẽ tai. Quang khóc yên lặng trong tối và ngủ thiếp đi.

Nửa đêm, Quang tỉnh dậy. Ông Xu trở mình nói lảm nhảm trong miệng. Quang lắng nghe nhưng không hiểu ông nói gì. Quang nghĩ ông ngủ mơ. Phía chòi canh có tiếng mấy người canh vệ nói chuyện và khúc khích cười. Quang nhận ra tiếng anh Sáu Tiêm :

— Thành thật mà phê bình thì bài thơ của đồng chí hay mà điều có mấy câu đầu nghe không ổn.

— Rồi tiếng anh Bốn Thái :

— Tôi công nhận nhưng khó sửa quá sửa thì lại không hợp vần...

— Thôi bây giờ đến phiên đồng chí Thanh.

— Tôi ấy à ? Ờ thì — Anh Bốn Thanh ngập ngừng — bài này tôi làm lâu rồi, hồi mới gia nhập lực lượng võ trang, chắc là không hay nhưng dù sao tôi cũng xin đọc đề các đồng chí phê bình.

— Hoan hô đồng chí Thanh ! Tiếng nhiều người reo lên.

Anh Bốn Thanh bắt đầu đọc mới đầu hơi ấp úng nhưng càng đọc càng có vẻ say sưa. Cảnh nhà cháy, người chết tả trong bài như vút kéo anh về một cảnh

sống náo động trong di vãng, hồi sinh lại những rung cảm đã có ngày xưa. Đến đoạn tả cảnh từ biệt người yêu, anh đọc nhỏ và chậm hơn đề rồi đột ngột cao lên ở mấy câu cuối :

... Trăm năm tôi nhớ lời thề,
 Đẹp tan quân cướp tôi về với em.
 Cờ sao rục rỡ bóng đèn.
 Cầm tay tôi lại cùng em ước nguyện.

Anh Bốn dứt lời giữa những tiếng vỗ tay. Quang thấy thích thú như vừa khám phá được tâm tình thầm kín nhất của một người quen. Bài thơ như còn ám ảnh trong trí, Quang nghĩ tới một ngày nào đó thanh bình, thoa xém không còn tiếng súng, trẻ con reo cười mỗi sáng cắp sách đến trường. Ngày thanh bình đó, Quang biết chắc là dầu có trông thấy ở đầu đường cuối ngõ bất cứ mộ mầu cờ nào, cũng vẫn giữ trọn được niềm vui.

Quang ngủ thiếp đi lúc nào không biết và gần sáng bị đánh thức vì tiếng rít của máy bay phản lực bay qua. Bên cạnh Thảo vẫn ngủ yên. Ông Xu thở khò khè nặng nhọc. Tự nhiên Quang muốn được vuốt ve, săn sóc ông như vuốt ve sáu sóc một người thân yêu, gần gũi. Hai tay bị còng, Quang dơ một chân gác lên người ông. Qua lớp mền, Quang nhận ra ống chân nhỏ gầy gò của ông. Quang để ngón ên chấn mình trên ống chân đó. Người rung động trong một thứ tình thương đẹp và lạ.

Không khí lành lạnh. Tiếng côn trùng về sáng vang lên uể oải, rời rạc trong cái bụi cây. Trời mờ mờ rồi sáng hẳn. Trại bắt đầu thức dậy với những công việc hàng ngày. Bà Sáu Côa vo rá gạo ở mé uối, ông Ba Lớn ngồi xúc miệng với ca nhựa màu xanh, mấy cô cấp dưỡng chia

những phần cháo sớm cho những toán công tác trong rừng... Ông Xu đến giờ cầu ngủ vẫn còn nằm mê man trong chiếc mền rộng. Thảo lấy tay lay gọi ông nhiều lần nhưng ông như không nghe thấy gì, nằm bất động như một cái xác. Ông thở phì phì, hơi thở từ mũi và miệng thoát ra nóng hầm hập, bọt trắng xùi ra hai bên mép. Mọi người im lặng bu quanh ông. Quang nhìn những sợi tóc bạc lốm đốm trên đầu ông liên tưởng đến những sợi tóc bạc của cụ Chắc, và buột miệng nói như trong cơn mơ.

— « Ông ấy chết rồi ! »

Một vài người nói theo : « Phải, chết rồi ! trông mắt đảo đi rồi ! » vừa lấy tay vạch mí mắt ông.

Sau giờ ăn, ông đoàn phó lên thăm bệnh. Tấm mền được kéo ra một bên. Quần ông Xu ướt đầm. Mùi nước tiểu bốc lên khai nồng làm Quang nhăn mặt. Ông đoàn phó đuổi mấy người bu quanh cho thoáng khí rồi bắt đầu xem mạch. Ông lấy tay gõ gõ vào bụng và ngực ông Xu, sờ tay lên trán, ấn mấy đầu ngón tay lên đường gân máu ở cổ tay, đầu nghiêng nghiêng nghe ngóng. Quang chăm chú nhìn lên hồi hộp như chính mình là bệnh nhân.

— Chịu thôi, đuối quá rồi — ông đoàn phó vừa nói vừa lắc đầu tỏ dấu thất vọng — nhưng dầu sao cũng cố xem, để tôi lên trình cơ quan xin thuốc.

Quang nghĩ bụng : « chẳng có thuốc nào bằng sữa hộp, dầu có tỉnh lại mà ăn cháo mương dóc thì cũng đến chết lần thứ hai ». Ông chín già và người trực khiêng ông Xu ra một góc phòng, thu xếp cho ông khoảng trống. Ông đoàn phó trở lại mang theo một viên thuốc màu vàng. Ông đem mài trong một chiếc chén

coa rồi lấy sớ cây miệng đồ vào. Tuy tuyệt vọng nhưng Quang vẫn mơ hồ mong ông Xu tỉnh lại với viên thuốc đó và yên lặng ngồi chờ

Cơ quan bắt đầu làm việc. Có hai người được gọi lên. Quang nhìn họ bước qua ngưỡng cửa ngạc nhiên không tìm lại được nỗi cảm xúc rợn ngợp ngày.

Gần trưa, lúc toán cải thiện về đến trại, ông Xu lên cơn sốt. Ông quần quai như đang phải trải qua một cơn đau đớn khủng khiếp. Ông lại rên rỉ và nói lái nhài. Hình như ông gọi tên Quang nhiều lần. Lúc cơn sốt giảm đi giọng ông nghe rõ hơn. Ông gọi « Qua ơi ! Qua ơi ! Ông Chín lại cời dây cho Quang :

— Lại nghe ông ấy nói gì !

Giọng nói và nét mặt buồn buồn của ông Chín làm mọi người cảm động. Quang lại đặt hai tay lên vai ông Xu lay nhẹ nhẹ. Ông Xu nhắm mắt nhìn Quang trừng trừng, con mắt hết vẻ linh hoạt, không biểu lộ một chút sức sống. Ông nói ú ớ, lưỡi riu lại, hai môi lập bập vào nhau. Quang cúi xuống sát hơn. Ông Xu lập đi lập lại một câu chỉ có nửa chừng, tiếng nói thoát ra thành những âm thanh chói tai, ngọng ngịu : « Đừ...ừ ng... bán... con bò... nhớ... Đột nhiên ông nhắm mắt, câu nói ngừng lại ở chữ nhớ và ông la lên ; « Ớ... Ớ... Ớ... » Tiếng la lớn tưởng như vọng đến tận nhà cơ quan, mỗi lúc một thấm thiết như tiếng một con heo bị chọc tiết. Một người cảnh vệ đi xuống đứng tựa vào cửa nhìn, vẻ tò mò. Quang kinh hoàng nhìn cái lưỡi xám ngắt của ông Xu, cứng ra trong vành miệng mở lớn. Âm thanh tiếng la mỗi lúc một xoáy vào óc chao chát, ghê rợn, hình như Quang muốn làm một việc gì đó, vỗ về, săn sóc ? hay

bịt miệng ông lại ? Quang không nhận định được việc nên làm chỉ lơ mơ cảm nhận được lòng ham muốn và lúng túng kêu lên như một phản ứng tự nhiên.

— Ông Tám ơi ! Ông Tám ơi !

Ông đoàn phó xuống đứng bên cạnh, lấy lọ dầu song thập trong túi, dốc ngược cho dầu chảy thấm và nút lọ rồi rút ra ngoáy ngoáy vào hai lỗ mũi. Ông Xu dứt la bằng một tiếng ợ thật dài tắc nghẹn trong cổ họng. Người ông hơi cong lên, hai tay đập đập xuống mặt sập.

— Chết rồi đó — ông đoàn phó nói.

Người ông Xu cứng đờ như hai khúc gỗ, những ngón tay cong cong quắp lại, khô đen như vuốt nhọn một loài chim. Quang sờ tay vuốt nhẹ trên mi mắt người chết.

Buổi chiều, xác ông Xu bỏ lại đi chôn. Đám táng y hệt như đám táng cụ Chắt, lặng-lẽ, nhanh chóng. Lúc người ta khiêng xác chết ra khỏi phòng kỷ luật, Thảo sục sục khéc đột ngột, nước mắt chảy loe trên má. Gian phòng im lặng trong bầu không khí chết chóc. Quang đờ đẫn như một pho tượng nhìn chăm chăm vào cái xác dài lượt trượt của ông Xu bỏ gọn trong những cành cây nhỏ. Một thứ cảm giác lạ, ít rõ rệt làm Quang ngờ ngẩn, mệt mỏi. Toán người chôn cất tới một khúc rẽ, Quang nhận ra An đi đầu với chiếc xà-beng trong tay, đầu cúi xuống, hai bả vai nhô cao. Toán người khuất hẳn. Quang nhắm mắt dựa người vào vách, người bay bổng trong cảm giác buồn bã nhẹ nhàng.

Có tiếng thằng Tài chào mọi người ra tự giác. Những câu chúc tụng thường

lệ. Cái chết của ông Xu gây ra một khoảng trống trong người, Quang muốn ngủ để khỏi phải lấp đầy khoảng trống ấy bằng những ý nghĩ buồn tiếc của mình. Quang nằm xuống tự hỏi không biết ai đã lấy mất lon cháo của ông Xu treo trên vách.

Những sinh hoạt thường ngày lại tiếp diễn liên tục, đều đặn: cầu tiểu, mở cửa, ăn cháo, điem danh... Quang trôi đi trên những công việc ấy vô tri như

một cây kim đồng hồ quay từ vòng này sang vòng khác. Ánh sáng ngọn đèn chai lại được thắp lên bập bùng. Quang nằm xuống dỗ giấc ngủ, cố gắng để khỏi phải bận trí với những ý nghĩ vẩn vơ. Trong giấc ngủ Quang mơ màng thấy ông Xu ở một nơi nào đó thật gần mà cũng thật xa.

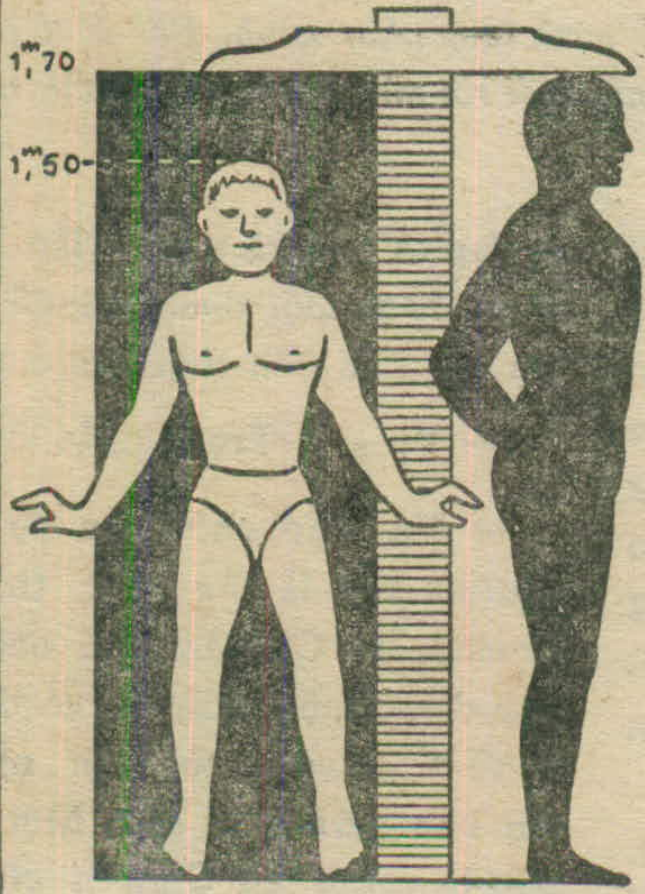
(Còn tiếp)

BÙI-ĐĂNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C_D_PP_B2_B6_B12

KN SỐ 78 MBYTIQCDP



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

TRUYỆN của

BUI-KIM-ĐÌNH

(Xin xem BK. TĐ. từ số 276)

NGƯỢC CHIỀU

3 | Trọng vừa ngồi xuống bàn giấy thì anh thấy Phi nháy mắt ra hiệu. Trọng còn đang chần chừ thì Phi dơ cao tay, búng một tiếng tách Trọng liếc nhìn ra ngoài hàng hiên. Đông người thế này mà mình bỏ đi thì việc ừ động lại và họ đợi võ mặt. Trọng chắc lưỡi. Mình đang cần hẳn mà. Nghĩ thế Trọng vội xếp gọn hồ sơ lại thành một chồng trên bàn. Trọng tuy không quay lại nhưng cũng biết là Phi đứng sau lưng mình. Anh chàng này lại rủ mình đi ăn sáng đây. Chẳng lẽ mình nói là đớp sồi rồi thì nó cười võ bụng. Trọng đặc cục đá lên trên chồng hồ sơ rồi quay lại nhìn Phi. Tớ chưa có gì vào dạ dày cả, đói ghê ! Phi cười lên hô hô rồi khoá tay Trọng kéo ra ngoài hành lang. Tên này coi bộ đã khá tiến bộ. Không ăn sáng ở nhà là một hiện tượng mới. Phi vừa đi vừa nắn vai Trọng. Anh ta vẫn có dáng dấp hăng hái như mọi khi. Trọng muốn làm một cử chỉ để hất bàn tay Phi ra khỏi vai mình khi anh bắt gặp nhiều cặp mắt của những người ở hành lang nhìn mình. Phi đi thật nhanh làm Trọng phải rảo bước. Đi với anh chàng này riết rồi mình dám trở thành nhà thể thao về môn đi bộ lắm :

Hai người vừa ra tới cổng sắt thì Trọng khựng lại, dơ tay cản ngang người Phi và bước thụt lùi vì một chiếc xe hơi phóng thật nhanh vào sân sỏi. Phi nhia theo chiếc xe hơi về bực tức. Mẹ, giờ này mà còn bóp còi tùm lum, cứ làm như một mình mình có xe hơi. Trọng kéo tay Phi ra ngoài đường lộ. Phi ngoái cổ nhia vào sân để xe, nói giọng hẳn học :

— Mẹ kiếp, sắp bay rồi còn làm tàng. Cậu có biết mẹ sừ lái xe Cortina là ai không ? Mẹ sừ Chuyên đó, bí thư của ông Bộ Trưởng cũ. Hẳn sắp đi đong rồi. Trước sừ lúy là dân cán bộ, đi cái

xe đạp cà rịch cà tang. Hẳn làm bí thư chưa được một tháng mà đã lên xe hơi. Vụ của hẳn đồn tùm lum ở sở này.

— Vụ gì ? Trọng ngắt lời Phi.

— Vụ đớp chó còn vụ gì. Chiếc Cortina này là của một thằng Tàu ở Cholon. Xừ Chuyên mới nhậm chức bí thư được một tuần thì có người mang xe và « cạt vẹt » tới tận nhà. Cạt vẹt tên hẳn mới ly kỳ chứ. Một điều ly kỳ nữa là chính xừ Chuyên cũng cóc biết thằng nào hối-lộ mình. Mẹ kiếp, tớ chịu luôn mấy tên « các chú »...

Phi bỗng bóp thật mạnh vào vai Trọng :

— Chỗ cậu ngồi cũng ngon lành lắm. Nhưng chiếc phong bì chỉ là phụ thôi. Mai một cậu sẽ thấy. Trọng bỗng nghe một cảm giác nhột nhạt khó chịu. Trọng bước đi thật nhanh làm bàn tay Phi tuột xuống lưng. Phi không thấy nổi bụng mình của Trọng. Anh ta bước lên vài bước để đi song song với Trọng. Phi mang vẻ mặt của người tự tin và yêu đời. Trọng ngừng bước chằm thuốc hút. Khuôn mặt hắc phi nộn thế kia thì chắc thực đơn bữa ăn của gia đình hẳn thật nhiều chất béo và sinh tố.

Đến quán ăn, khói thịt nướng xông lên thơm phức làm Trọng thấy đói bụng. Minh cứ ăn sáng đều đều như thế này thì chừng một tháng lại béo tròn như thằng Phi chứ gì. Minh dám mắc bệnh trường giả lắm, vừa mới ăn sáng, thấy mùi thịt nướng lại thấy đói.

Phi kéo ghế ngồi xuống bên Trọng. Anh ta thường lên tiếng cười trước khi nói. À Trọng này, cậu có quen thằng Hào không nhỉ. Trước tớ với nó sáng nào cũng đi ăn với nhau. Tên ấy gốc cũng cứng lắm cậu ạ. Tớ nghĩ nó được hoãn dịch.

Trọng trả lời là không quen Hào nhưng trong ý nghĩ anh lại bầu khoăn về Nghĩa. Không biết «voa» của nó có mạnh không mà cứ lo tiền cuống lên. Mới sáng tinh mơ mà nó đã nói bóng nói gió đến chuyện xoay tiền.

Phi gắp một cọng rau đang loăn quăn đan vào nhau, bỏ vào miệng nhai rau ráu. Trọng đợi cho Phi nuốt xong mới lên tiếng dò ý:

— Tớ cũng có thằng em sắp nhập ngũ nay mai. Cậu có quen ai xoay cho nó về ngành chuyên môn được không? Tớ cũng mong cho nó nhập ngũ quách đi. Ở ngoài cứ lấy cớ là sắp đi lính, rồi

lêu bêu chơi hoài, chẳng chịu học hành gì cả.

Khuôn mặt của Phi bỗng mang vẻ thận trọng. Anh ta đột nhiên dang hai tay vịn vào hai mép bàn như sửa soạn chờ đợi ôm một người tình. Giọng nói của Phi, chậm lại quan trọng:

— Tụi nó bây giờ đều như thế đấy. Minh cứ để nó tự do một thời rồi vào lính họ chính đốn con người nó lại. Để rồi tớ tính xem có quen ai không? Hiện giờ thì chưa có.

Phi nói khá lớn làm Trọng có cảm tưởng như hơi từ miệng Phi thoát ra phát phơ qua mặt mình. Trọng sửa lại thế ngồi và hơi cúi mặt nhìn xuống. Phi vẫn hăng hái phát biểu cảm tưởng về chuyện thanh niên bây giờ đều gặp nhau ở quân trường. Trọng chăm chú nhìn vào khuôn mặt Phi hiện ra trong nền kính ở mặt bàn. Lỗ mũi của Phi tạo thành hai vệt đen di động trên nền kính. Khi phi hơi nhô đầu ra phía giữa bàn thì cặp môi của anh ta mấp máy bên đĩa thịt nướng và bớt phần bóng nhẫy hơn trong môi trường thủy-tinh.

Trọng cắt đứt sự diễn tả cảm tưởng của Phi bằng cách đục anh ta ăn tiếp. Chẳng lẽ mình nói thẳng với Phi là cần tiền xoay cho Nghĩa thì yếu quá. Trong lúc phân vân, Trọng lại cúi mặt xuống và anh lại bắt gặp cặp môi của Phi đang khiêu vũ trên nền kính. Phi lại tiếp tục phát biểu cảm tưởng của mình về cuộc chiến tranh. Trọng chắc lưỡi, thầm nghĩ, nếu diễn giả có cặp môi của Phi thì cặp môi ấy sẽ thu hút người ta một cách hài hước nhiều hơn là tiếng nói.

Trọng liếc nhìn vào chiếc đồng hồ treo trên tường. Phi nhìn theo nói, thời gian mùa nắng đi chậm như bà già lưng còng. Còn sớm chán, chắc cậu lại sốt ruột

vì những thân chủ đang đợi ở bàn giấy phải không? Nói xong Phi lên tiếng gọi càphê và thở phào khói thuốc về phía trước. Trọng định lên tiếng nói về chuyện mình cần tiền nhưng khuôn mặt Phi mờ trong khói thuốc làm Trọng ngập ngừng. Anh quay mặt sang một bên và hít một hơi thật dài.

Hình ảnh Thủy vụt hiện trong đầu óc Trọng. Giờ này chắc Thủy đi học rồi. Anh đang bối rối lắm Thủy ạ. Hình như Thủy chưa phải đi vay tiền lần nào thì phải? Và Trọng tưởng tượng ra khuôn mặt buồn xo của Thủy khi hay tin Nghĩa sắp phải nhập ngũ.

Phi lắc lắc đầu thật mạnh như để xua đuổi những con muỗi tưởng tượng đang bay vo-ve. Anh ta ngửa mặt nhìn chiếc quạt trần một cách thoải mái. Mai một thế nào cũng lòi chèn là cháu ông Đồng Lý. Mẹ, cứ làm bộ dẫu. Vài bữa nữa là thân nhau, mày mày tao tao chớ chớ gì. Có lẽ mình phải rá hấn thêm vài mục tứ khoái nữa thì mới chóng thân...

Ý nghĩ của Phi bị đứt quãng vì câu nói ngập ngừng của Trọng:

— Tớ nói thật với cậu là tớ đang cần khoảng ba chục ngàn mà trong nhà đếch còn tiền? Bí ghê, tính nhờ cậu đấy.

Phi hơi nhòm về phía trước. Người anh em tính gì đây ta? Nó òn chứ chớ gì. Tuy nghĩ thế nhưng Phi sửa lại dáng ngồi bình thường:

— Bộ dờn sao cậu? Nhà cậu mà thiếu tiền? Sở bên ấy cũng vung vít lắm chứ?

Trọng cười gượng:

— Thật đấy, tớ không nói dờn đâu.

— Cậu cần làm gì mà có vẻ gấp thế?

Trọng nói dối:

Tớ định mua Tivi: Tụi nhóc đòi quá mà cũng tức anh hàng xóm nữa.

Phi vuốt lại mái tóc. Người anh em này định bắt đũa mình nhiều thế? Mình tuy lung lay nhưng đâu đến ngần ấy. Vài bữa dóp là cùng bạn ạ.

Mặt Trọng nóng bừng:

— Tớ mới vô xứ này chưa biết nếp tẻ gì cả. Nhờ cậu đấy.

Vết hằn ở hai bên mép Phi dạt ra hai bên má như một làn sóng. Mặt Phi sáng ngời khi anh ta mỉm cười thật cởi mở. Có thể chứ! Mình cộng tác với nó rồi ăn sòng chia đều, lợi cả hai. Thì ra anh chàng này đã bén mùi rồi. Được lắm! Phi bỗng chồm người cúi sát vào mặt Trọng:

— Chỗ của cậu thì thiếu gì chuyện lạ. Tớ chỉ hỏi một tiếng là bao nhiêu thân chủ sẵn sàng nạp mạng cậu. Nếu cậu cần gấp thì chiều nay mình tính. Mình chỉ cần đi một vòng thôi.

Trọng ngơ ngác:

— Tớ không hiểu tại sao lại đi một vòng?

— Đi một vòng Cholon cậu hiểu chưa? Tớ chỉ cần giới thiệu cậu về thay thế xứ Hào là tự nhiên có đến dăm ba cái Tivi chứ đừng nói một cái. Mẹ sừ nào ngồi chỗ cậu cũng đi một vòng giao hữu.

Trọng cho đường vào ly càphê nguẩy thật nhanh để che dấu sự lúng túng. Biết vậy mình nói heych tẹt là cần ba chục ngàn cho Nghĩa. Nó mà kiếm cho mình chiếc Tivi thì hơi phiền. Trọng nhìn Phi lên tiếng. Tớ chỉ đi với cậu cho có mặt và không nói gì. Mình chỉ đại khái thôi nghe.

— Cậu nhất bỏ mẹ — Phi cười — ở sở bên ấy tớ có nghe đồn sơ sơ về cậu. Cậu không biết chứ ngày ăn thôi nôi con thằng Hào nhà nó cũng đông nghẹt người. Mẹ kiếp, nó mời toàn Tàu thôi. Nội tiền mừng cũng cả trăm ngàn.

Phi ngồi tựa đầu vào thành ghế. Trán Phi căng như một tờ giấy bóng khi anh ta nhìn đời bằng một nửa con người. Phi hút một hơi thuốc rồi há mồm ra một cách nhàn hạ. Khói thuốc từ từ chui ra khỏi miệng anh ta, ngo ngoe như một con rắn trắng đang từ trong hang trườn mình ra ngoài. Khói thuốc làm mờ những đường rãnh nhỏ trên môi Phi. Anh ta mang vẻ hài lòng của người vừa hoàn thành một công việc. Trọng cúi nhìn xuống đất. Cặp môi của mẹ sừ này như một vòng tròn phấm in trên chiếc bánh bao đang bốc khói.

Phi bỗng nhòm người về phía Trọng.

— À, cậu chưa lập gia đình phải không? Nhân dịp nghỉ sở này cậu phải lập gia đình gấp. Tiền mừng vô sẽ thành một gia tài. Tớ sẽ thân chinh làm cán bộ thông tin/ cho. Tớ mà đi chiêu hồi thì các chính khóa ở Cholon nườm nượp tới nhà cậu. Ở đây, có thằng còn ấn định trước mỗi thiệp mời ít nhất cũng mười thước.

Trọng vẫn nhìn xuống đất. Mẹ sừ này một cây xanh dờn. Trọng nhìn Phi. Đó cũng là một hình thức đón công khai. Tiếng cười của Phi thật to như mới được bật ra sau một lúc tắc nghẹn. Dĩ nhiên, là như thế rồi. Trên đời này mấy khi cờ đến tay. Cờ đến tay thì phải phất lia lịa, phất đủ bốn phương tám hướng, phất cho ra vàng mới thôi.

Trọng gương cười nói giọng hài hước:

— Phất cho đến khi vào tù thì ngừng tay.

— Sức mấy? Phi trợn mắt — Dễ gì mà vào tù rồi, bậu? Mấy thằng vào tù là mấy thằng củ lẩn. Thằng nào nhát gan không giám phất cờ cũng củ lẩn,

Trọng bỗng nghe nhói nhói ở tim. Mình có nhát gan không? Mình có củ lẩn không? Bộ tôi khờ dại lắm sao mà nhiều người chê bai? Mẹ ơi! Ngày xưa

cha con là người như thế nào hả mẹ? Tại sao cha con không làm công chức? Người ta có chê cha con là gàn không mẹ? Mẹ nói cha con cương trực phi thường?

Tiếng Phi nói làm Trọng giật mình:

— Hình như cậu đã chấm một đám ở Đalat phải không? Tớ xin báo tin buồn là cậu phải tập sự kêu tớ là anh đi thì vừa vì Nguyệt đối với tớ không xa lạ gì. Nguyệt là em bà con mà hằng năm chúng tớ mới gặp nhau một lần. Loại anh em bản cà nông mới tới.

Trọng diễn tả sự bức mình bằng cách xò ghề đứng dậy làm Phi ngỡ ngác. Trọng quay lại nhìn và dục Phi về bằng mắt. Phi đứng dậy khoác vai Trọng và đồng thời anh ta tỏ sự thân mật thêm bằng giọng nói. Cậu giải quyết hồ sơ gấp sáng nay cho hết. Chiều nay mình sẽ đi một đường bay bướm. Tớ thấy có bốn phen phải tháp tùng cậu, bởi vì biết đâu tương lai cô em gái của tớ sẽ mở đầu sự vàng son bằng đường đi bay bướm chiều nay.

Trọng khựng lại như thoáng vào mặt Phi. Thằng này nham nhở chịu hết nổi. Anh chợt nghĩ là một dịp nào đó thế nào Phi cũng có thể đem mình ra hài hước với Nguyệt hoặc bất cứ ai. Nếu Pài có hài hước anh một điều gì thì em có tin không hả Nguyệt? Tại sao những lá thư gần đây em không nhắc lại những kỷ niệm mà cứ phiền trách anh hoài, hả em? Có thể là anh sắp sửa làm vài điều theo ý muốn của em đấy. Chúng mình sẽ có tiền làm lễ cưới như ý em và gia đình em muốn. Phi nói tương lai chúng mình là do chiều nay đó em.

Môi Phi mấp máy đều trong ánh nắng. Tuy đi gần kề bên Phi nhưng Trọng không hiểu là anh ta đang nói gì. Một cảm

giác bồn chồn nóng chột dội lên trong tâm hồn Trọng. Anh bối rối như một cô ca sỹ có cảm tưởng là mình ca trật nhịp trước mặt khán giả. Và trong cảm giác bồn chồn nóng dội lên mỗi lúc một mãnh liệt, Trọng bỗng mong manh bắt gặp một nỗi lo sợ của thời thơ ấu khi làm một điều gì không vừa ý mẹ.

Phi bỗng bóp mạnh vào vai Trọng. Làm gì mà mặt thộn ra thế kia? Bộ nhớ nhân tình hả? Trọng cười già lả. Có yêu ai đâu mà nhân tình nhân bán. Phi nói là xạo, thế còn em Nguyệt của tớ thì sao? Giọng Phi bỗng trở nên hài hước. Đứng trên quyền lợi và danh dự của em gái, nếu cậu tơ lơ mơ với một cô nào khác, tớ sẽ xếp quyền phản đối ngang hàng với quyền bỏ phiếu của một công dân nước tự do.

Đột nhiên khuôn mặt Phi chột nghiêm trang và lạnh lùng như một vị quan tòa. Anh ta dơ tay bắt tay một người đàn ông đi ngược chiều và đồng thời nhìn Trọng. Đây là ông Quách Xuân ở Chợ Lớn, còn đây thầy Trọng về thế thầy Hào. Trọng vừa mỉm cười nhìn Quách Xuân vừa dùng tay trái huých mạnh vào sườn Phi vì anh biết rằng Phi định giới thiệu thêm anh là cháu ông Đồng Lý. Cặp môi của Phi đang mấp máy bị đột ngột khép lại nên hai bên má anh ta hơi phình ra. Phi nuốt nước miếng trong khi Quách Xuân có nụ cười của một úng cử viên đứng trước mặt công chúng:

— Gặp hai thầy ở đây thật may mắn. Quách Xuân nhìn Phi. Sáng tôi có ghé qua sở mà thầy chưa tới. Tiên đây mời hai thầy vào Thanh Thế ngồi chơi.

Trọng sợ Phi nhận lời nên anh đã nhanh nhẹn lên tiếng từ chối. Quách Xuân nói là nếu vậy thì mai một thế nào chúng tôi cũng nhờ thầy Trọng tới chúng tôi chơi.

Quách Xuân khép lại nụ cười sau lời mời:

— Nhân tiện có hai thầy đây, tôi xin nói thêm là hiệu công ty chúng tôi đang khuếch trương thêm nhiều về ngành khác. Chúng tôi ít vốn, xin mời mỗi thầy mua dùm cho một cổ phần.

Trọng nghi thầm, mình làm chó gì có tiền mà chung. Anh định lên tiếng từ chối thì Phi nói giọng vui vẻ:

— Dạ được, nếu nhớ đến chúng tôi thì chúng tôi sẵn sàng ngay. Được buôn bán cộng tác chung với ông Quách Xuân thì còn gì bảo đảm hơn. Chiều nay, nếu công việc rảnh tôi và thầy Trọng sẽ tới thăm ông.

Trọng chắc lưỡi nhìn thoáng Phi. Tháng này chỉ nhận lời ầu, mình tiền cóc đâu mà chung. Ý nghĩ của Trọng bị đứt quãng vì Phi bắt tay Quách Xuân và lôi Trọng đi.

Trọng lên tiếng nói là cậu chỉ nhận lời ầu, tớ dềch chung. Phi chặn lại bằng một tràng cười. Cậu khờ bỏ mẹ. Nó mời mình chung vốn là hợp thức hóa tình trạng "nhập xà" trường kỳ. Tháng đầu tiên, nếu có, cậu cũng có thể bỏ ra vài chục ghim để gọi là có chung vốn. Sau đó mỗi tháng Quách Xuân sẽ mang tới nộp tiền lời cho cậu. Dĩ nhiên là hàng tháng mình có tiền vô gấp hai ba lần tiền vốn. Phi nhón vào đám mây đang trĩu trĩu trên bầu trời xanh. Cháu Ông Đồng Lý cứ lần thẩy mẹ. Sau này nó sẽ biết ơn mình.

Từ đó cái cảm giác bồn chồn nóng lại dội lên trong tâm hồn Trọng. Đầu óc anh như có men rượu làm chệnh choáng. Trọng bỗng nghe mệt mỏi, đã đượi. Anh nhìn vào chông hồ sơ dày cộm trên mặt bàn, ngại ngùng. Chẳng này việc biết bao giờ mới làm xong. Trọng càng cảm thấy mệt mỏi hơn vì hơi người và tiếng nói xôn xao từ ngoài hành lang dội vào. Phi vẫn đứng quanh quần bên bàn giấy Trọng, nói chuyện tầm phào với cô thư ký phía trước. Đôi lúc

tiếng Phi quá to và thoát ra cùng với những hạt nước bọt li ti làm Trọng nghe ơn ớn khó chịu. Trọng dơ tay vỗ vỗ vào trán. Quái sao mình nhiều mồ hôi thế này? Mình như đang có lửa đốt trong bụng. Hay là Nguyệt đang nhắc mình điều gì đây? Nguyệt ơi! Một ngày nào đó, thằng Phi sẽ hài hước anh với em đấy! Em có tin không hả Nguyệt? Thằng này chúa đều, đó em.

— Có lẽ câu chuyện của Phi đã đến hồi sôi nổi nên cặp mắt mở lớn của cô thư ký được thể bằng tràng cười rữ rượi. Trọng vừa có cảm tưởng là câu chuyện của Phi có thể có liên quan tới mình thì Phi chồm người qua vai Trọng nói nhỏ. Có phong bì ở dưới tấm « sù me », cậu cất đi rồi xem tên thằng nào, mình ưu tiên cho nó một tý. Trọng còn đang phân vân, lúng túng thì Phi cầm chiếc phong bì bỏ vào ngăn kéo Trọng rồi đóng lại. Trọng lăm lét nhìn quanh. Nó mà ghi số thì đời mình tàn. Tự nhiên một bàn tay Trọng đặt trên ngăn kéo nhưng chính anh cũng không biết là mình định làm gì. Phi đứng ép vào bàn tay Trọng ở ngăn kéo. Sự anh này ngu quá là ngu. Trọng vội vàng bầy hồ sơ ra đầy bàn, trong khi anh liếc thật nhanh ra hành lang. Đến khi cặp mắt Trọng thu được khuôn mặt Phi thì anh lên tiếng thật nhỏ:

— Của thằng nào cậu biết không?

— Không biết, nhưng ở trong phong bì thế nào cũng có tên nó. Cậu ưu tiên cho nó một tý cũng chẳng mất mát gì đến uy quyền quốc gia.

Nói xong Phi cười. Trọng đọc được ẩn ý trong nụ cười của Phi. Thằng này cười đều, khinh mình. Rồi Trọng cũng nhìn Phi mỉm cười. Không biết mình cười gượng như thế này thì có tạo nổi sự đồng lòng với hắn không?

Đến khi Phi quay gót bước đi thì vẻ tự nhiên và nụ cười của Trọng vụt tan như một cơn gió. Trọng nghe một cảm giác ớn ớn lạnh như khi da mặt chạm phải một làn gió cuối đông. Không biết là phong bì này đựng bao nhiêu? Thùy ơi, ba tháng tiền nhà thằng Nghĩa chưa trả nên cô Thoa đã nặng lời với em. Đã có lá thư nào em nói về sự bê tha của Nghĩa cho mẹ hay chưa Thùy? Không nên Thùy ạ. Chính anh cũng dẫu mẹ nhiều điều...

Trọng lắc lắc đầu thật nhanh rồi cúi xuống cố để tâm vào công việc làm. Trọng cố gắng lấy lại sự bình tĩnh vì anh chợt biết là mình sắp xếp hồ sơ lúng túng và thiếu sáng suốt. Cái cảm giác bồn chồn nôn nóng dần dần dịu xuống nhưng toả ra mệnh mang làm Trọng cảm thấy tâm hồn chùng xuống và gai gai lạnh. Tiếng kêu réo thầy thầy em em của những người đứng ở hành lang, nhưng cố vươn cổ qua cửa sổ vẫn không đưa ý nghĩ Trọng tất cả dồn vào công việc. Chiếc phong bì vẫn gờn gờn hiện lên trong tâm hồn Trọng, có lúc rõ từng chi tiết và có khi mờ mờ lung linh như một hình bóng nào đó ở cuối đường đầy sương mù.

Cái ý nghĩ ai là chủ chiếc phong bì này đôi lúc bắt Trọng phải liếc mắt ra ngoài hành lang. Những khuôn mặt nhô ra chen sát vào nhau trên thành cửa sổ không có song, như một bức tường xây lưng chừng bằng đầu người. Bức tường có những chi tiết di động, như một bức tranh vẽ trên nền vải bị gió thổi mạnh làm căng lên và chùng xuống. Ai là chủ chiếc phong bì này? Người đàn bà có bím tóc hai bên? Cô gái có cặp mắt vẽ chì đen đậm hay giữa người đàn ông luôn

luôn nhìn mình và triển lãm nụ cười đầy răng vàng ?

Ý nghĩ ấy gây sự nổi trong tâm hồn Trọng, nên anh không biết rằng mỗi lúc thời gian mang ánh nắng trèo qua cửa sổ càng tới gần mình. Anh nằng đi qua những mái tóc vẽ thành những bóng đầu người lơ nhô trên mặt bàn. Khi ánh nắng bắt đầu leo lên bàn tay Trọng thì bức tường đầu người chỉ còn vài khuôn mặt diễn tả sự chờ đợi quá lâu bằng vẻ mệt mỏi khổ : khoái. Trọng muốn ngẩng đầu lên mỉm cười với họ, nhưng anh lại phải cúi xuống vì chợt nhớ rằng ở sau lưng có nhiều cặp mắt đang nhìn mình soi mói. Không biết mẹ sự Phi có đang nhìn mình không ? Hẳn có ý định gì về cái phong bì này ? Mình sẽ cho hẳn tất cả nếu hẳn ngờ ý ? Hẳn lại chê mình cũ lẫn.

Đến khi chuông reng tan sở thì trong phòng Trọng chỉ còn lơ thơ vài người. Trọng quay lại tìm Phi thì anh ta vừa xách cặp đi tới. Trọng lên tiếng hỏi Phi về chiếc phong bì thì Phi đáp, của cậu, dĩ nhiên là hoàn toàn của cậu. Trọng vừa định lên tiếng thì Phi vội vã bước đi. Phi có vẻ nôn nóng của người đang mắc bận một chuyện hò hẹn. Thái độ lạnh lùng của Phi với chiếc phong bì làm Trọng cúi đầu thờ dài. Trọng nhìn trước nhìn sau rồi nhét chiếc phong bì vào túi. Trọng dẫu sự lúng túng bằng cách xếp gọn lại hồ sơ. Trọng khom mình cúi xuống nhặt bao thuốc vừa rơi xuống nền đất. Bao lucky của ai để quên ở đây ? Mình đâu có dùng thuốc này. Anh cu Nghĩa khoái lucky lắm.

Trọng cho xe đi thật chậm. Trưa nắng Sài Gòn mà sao mình nghe lạnh. Anh ngược mắt nhìn lên bầu trời xanh ngắt không một cụm mây. Mầu trời xanh lại làm Trọng liên tưởng tới chiếc phong

bì. Không biết nó đựng bao nhiêu tiền ? Đến một quãng đường vắng Trọng rà xe vào lề đường rồi móc phong bì ra xem. Thật nhanh Trọng đút tiền vào túi, liếc nhìn phong bì rồi vo tròn ném xuống đất. Hà Sửu ? Hà Sửu có vẽ Tàu lắm nhưng hẳn là đàn ông hay đàn bà và hẳn muốn gì ? Đột nhiên Trọng lại nhớ khuôn mặt, nụ cười và giọng nói của Phi khi anh ta nhét phong bì vào ngăn kéo mình : « Cậu ưu tiên cho nó một tý cũng chẳng mất gì đến uy quyền Quốc Gia » Mình chưa biết Hà Sửu muốn gì mà ưu tiên ? Đề rồi chiều coi lại hồ sơ. Trọng nhếch mép nhưng không tạo thành một nụ cười. Thế là mình mắc một món nợ mà chẳng biết mặt chủ nợ hình vuông hay hình tròn. Rồi những khuôn mặt chen vào nhau trên thành cửa sổ lại chập chờn hiện ra trong ánh nắng. Và những khuôn mặt xa gần xa gần ấy vụt chạy ra khỏi ý nghĩ Trọng khi anh bắt đầu ngoẹo xe vô hẻm vào nhà. Quái có chuyện gì mà dân bu đông lại thế kia ? Cảnh Sát bắt bạc hay bắt thuốc phiện ? Dám lắm, ở xóm này có nhiều nhà chuyên chứa bạc và thuốc phiện.

Trọng phải xuống xe dắt bộ qua chỗ đông người. Trọng ngạc nhiên vì có tiếng khóc trong tiếng xì xào bàn tán. Không biết nhà bà Tư có chuyện gì mà bà ấy khóc dữ thế ? Trọng định lên tiếng hỏi một người lối xóm thì Thùy hốt hải chạy ra đón Trọng. Giọng Thùy láu táu. Anh Tú chết rồi. Anh ấy hành quân bị mìn chết. Tâm hồn Trọng như tan loãng trong ánh nắng. Vừa mới đây, vừa mới hôm nào Tú về phép có đi chơi với mình. Trọng nhìn em gái. Đứng không ? Địch xác chưa ? Thùy vung cả hai tay như muốn chỉ vào đám đông. Thì anh qua mà xem. Bà Tú mới ở nhà thương

về. Em nghe người lối xóm nói là xác anh Tú mất hai bàn chân.

Trọng dựng xe một cách mệt mỏi. Anh lên tiếng hỏi Thùy là Nghĩa về chưa? Thùy đáp, anh Nghĩa đang ở bên nhà bà Tư. Trọng dắt xe vào nhà. Anh thấy khoảng trước mặt mình tối xăm lại. Có lẽ mình đang từ ngoài nắng bước vào trong nhà chẳng? Trọng vừa dụi mắt vừa uể oải buông mình xuống thành ghế.

Lát sau thì Thùy và Nghĩa cùng về. Nghĩa mặt vẻ hăng hái như mọi khi. Anh ta có khuôn mặt buồn của một tài tử trên màn ảnh khi diễn tả nỗi cô đơn của mình khi tiễn biệt người yêu. Giọng nói của Nghĩa thật nhỏ nhưng đủ cho Trọng nghe.

— Chán thật, chỉ một tiếng dùng là cuộc đời «đi đong». Mình cũng chỉ còn vài tháng nữa thôi.

Trọng gặm nhấm nghiền mắt lại. Đúng là anh cu Nghĩa nói đề dờ ý mình đây. Nó muốn việc gì của nó cũng quan trọng. Anh định lên tiếng nói là sống chết có số. Nhưng dáng ngồi ủ rũ và khuôn mặt buồn xo của Thùy làm lòng Trọng rung rưng. Sáng nay anh có hỏi vài người bạn và hy vọng sẽ có tiền cho Nghĩa trong tuần này. Các em cứ yên trí là thế nào anh cũng cố xoay cho bằng được.

Cặp mắt Thùy chớp chớp long lanh ướt.

(Còn tiếp)

BÙI-KIM-ĐÌNH

Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'

CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể






KN 2071.6YT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Thời-sự thế-giới

TỪ-TRI

Thắng lợi của tướng De Gaulle tại cuộc bầu cử Quốc-hội Pháp, tình trạng căng thẳng Nga-Tiệp đã là hai đề-tài chính-trị được người ta chú trọng tới ở Âu-châu. Nhưng tại các lục-địa khác nhiều sự-khiến quan trọng không kém cũng đã xảy ra như hoạt-động ngoại giao của Ai-Cập ở Trung-Đông và chiến-dịch ngoại-giao giữa Mỹ và Bắc-Việt để giải quyết chiến-tranh trên bàn hội-ngị.

Âu-châu : Pháp có chính phủ mới và Tiệp-khắc đang lo sợ Nga.

Cuộc bầu cử Quốc-hội Pháp kết thúc bằng một thắng lợi vẻ vang của phe De Gaulle. Với một số ghế là 358 trên 487 đảng « Liên-hiệp để bảo-vệ nền Cộng-hòa » (UDR) của tướng De Gaulle đã cùng với các đảng liên-minh trở lại chính-quyền với đầy đủ uy-thế để làm việc. Như chúng tôi đã nói trên Bách Khoa số trước, Ông Couve de Murville đã được cử làm Thủ-tướng. Ông Pompidou tạm thời rút lui.

Theo thông-lệ, mỗi khi có Quốc-hội mới hay Tổng-thống mới đắc cử hoặc tái cử, chính-phủ đương nhiệm xin từ chức. Thủ tướng Pompidou đã xin từ chức chỉ là theo thông-lệ đó. Nhiều người yên trí rằng tướng De Gaulle sẽ yêu cầu ông Pompidou ở lại để tiếp tục điều khiển chính-phủ mới vì ông Pompidou đã là kẻ chiến thắng lớn trong cuộc khủng-hoảng chính-trị vừa qua. Nhưng tướng De Gaulle lại không làm như vậy. Ông đã cho ông Pompidou giải nhiệm và

cử ông Couve de Murville thay thế. Nhiều báo chí cho rằng tướng De Gaulle là người bội bạc, ông chỉ dùng người khi ông cần tới họ, nhưng đến khi hết cần ông sẵn sàng hy sinh luôn. Tại sao ông Pompidou đã hết còn cần thiết? Những báo chí nói trên cho rằng ông Pompidou với tư cách một nhà tài-chánh (ông đã làm Tổng Giám-đốc Ngân-hàng Rotschild trước khi làm Thủ-tướng) nên không đồng ý với « chính-sách tham dự » (Politique de participation) của Tướng De Gaulle vì chính-sách này sẽ đưa tới thâm-thủng ngân-sách. Và vì ông Couve de Murville có lẽ dễ bảo hơn nên được lòng tướng De Gaulle hơn.

Thật ra khi đề cho ông Pompidou ra đi, tướng De Gaulle muốn thực-hiện hai điểm :

Trước hết tướng De Gaulle muốn đề cho ông Pompidou rảnh tay để củng cố tổ-chức đảng UDR thành một lực lượng vững chắc có hậu thuẫn của dân chúng. Với một lực lượng vững chắc như vậy, De Gaulle hy vọng rằng sau khi ông rút lui Pompidou sẽ có đủ phương thế để kế vị ông. Pompidou là một người có tài tổ-chức nên tướng De Gaulle tin rằng ông sẽ thành công.

Điểm thứ hai mà Tướng De Gaulle muốn nhắm là ông Pompidou đứng ngoài những cuộc tranh-chấp chính-trị hiện-thời sẽ giữ được nguyên vẹn hình-ảnh một chính-trị-gia có tài, mà sau cuộc bầu cử vừa qua dân chúng đều xác nhận.

Như vậy đến khi tướng De Gaulle quyết định rút lui, ông Pompidou sẽ được trọn vẹn lòng cảm phục của dân chúng mà thành công dễ dàng.

Sau đây tướng De Gaulle sẽ xin tu-chính Hiến-pháp để đặt thêm một Phó Tổng-thống do Tổng-thống chỉ định vào nhiệm-kỳ đầu, và sẽ được quyền kế-vị Tổng-thống khi Tổng-thống rút lui hoặc mệnh một. Lúc đó ông Pompidou sẽ được cử làm Phó Tổng-thống và sẽ thay thế tướng De Gaulle sau này.

Trong khi ông Pompidou được đứng ngoài chính trường thì ông Couve de Murville ở lại làm công việc hằng ngày tức là phải thực hiện « chính sách tham dự ». Với chính sách này, tướng De Gaulle sẽ cho thợ-thuyền được quyền tham-dự việc quản-trị các xí nghiệp, chia lời với chủ nhân, sinh viên được tham dự việc quản trị Đại học, học bổng sẽ được tăng thêm, trường ốc trang bị đầy đủ hơn... Chính sách này sẽ đòi hỏi những nỗ lực tài chánh nặng nề và một vị Thủ tướng lãnh nhiệm vụ thi hành chính-sách này sẽ bị dư-luận chỉ-trích, theo dõi, rất gắt gao.

Ông Maurice Couve de Murville, năm nay 61 tuổi, xuất thân từ một gia đình quý phái theo đạo Tin lành, con của một vị thẩm phán ở Reims. Sau khi tốt nghiệp thủ-khoa tại một trường Đại học có tiếng, trường Chính-trị-học (Ecole des Sciences Politiques) ông đã được tuyển làm Thanh tra tài chánh, một trong những chức vụ có uy tín của nền hành-chánh Pháp. Lúc đó ông mới 23 tuổi. Năm 1940 ông trốn sang Luân-đôn để tham gia phong trào kháng chiến của tướng De Gaulle. Khi Pháp được giải phóng ông vào bộ Ngoại-giao và được phụ trách nhiều chức vụ quan trọng như Đại-sứ tại La-mã, Le Caire, Hoa thịnh Đốn và Bonn. Năm

1958 khi tướng De Gaulle trở lại chính quyền, ông đã được triệu từ Bonn về để giữ chức Tổng-trưởng Ngoại giao. Ông đã ở chức vụ này trong 10 năm liên tiếp. Ông được coi là một người hiểu rõ tư tưởng của tướng De Gaulle nhất. Ông lại là một công-chức cao-cấp nên tỏ ra « vâng lời » tướng De Gaulle hơn là ông Pompidou. Từ trước tới nay, Tướng De Gaulle chú trọng tới chính-sách đối-ngoại hơn nên ông đề ông Couve de Murville giữ bộ Ngoại-giao. Nhưng từ khi có cuộc khủng-hoảng chính-trị xã-hội tháng 5 vừa qua, tướng De Gaulle đã phải duyệt lại toàn-bộ chính sách tổng-quát của ông. Hiện thời tướng De Gaulle cần phải có một chính-sách đối nội mạnh-bạo, đòi hỏi nhiều nỗ lực tài-chánh và đồng thời chính sách đối ngoại cũng không được buông lơi. Vừa là một nhà tài-chánh lại vừa là một nhà ngoại-giao, ông Couve de Murville có thể là người có đủ khả-năng để thực hiện được quân-bình giữa một chính-sách đối nội mạnh bạo và một chính-sách đối-ngoại hoạt-động mà tướng De Gaulle mong muốn.

Trong khi tình hình chính-trị tại Pháp đã bắt đầu ổn-định thì cuộc khủng-hoảng tại Tiệp-Khắc vẫn tiếp diễn. Cách đây 6 tháng, như ta đã biết, Nhà-nước Tiệp-Khắc do ông Dubcek lãnh đạo đã loại trừ phe Staline của ông Novotny, và mạnh mẽ tự-do-hóa chính-thể. Nếu tại quốc-nội, phe Novotny đã chịu thua, thì tại quốc-ngoại chính-sách tự-do của ông Dubcek đang gặp khó khăn. Chính-phủ Nga-sô sợ rằng một vụ Budapest thứ 2 sẽ xảy ra nên đã cố gắng làm áp-lực để ông Dubcek không đi quá xa đến nỗi chống Nga. Bao nhiêu nỗ lực chính-trị của Nga đều vô ích. Nga đã phải dùng đến áp-lực quốc sự. Từ tháng 6

vừa qua, lấy có là tập trận trong khuôn khổ Minh-ước Varsovie, quân đội Nga đã đóng trên lãnh thổ Tiệp-Khắc gần sát thủ đô Prague. Hiện thời Nga vẫn tiếp tục « tập trận », chưa chịu rút quân. Hơn nữa lại có tin đồn rằng Nga đã gửi thêm quân sang và đã võ trang cho dân-quân Tiệp-Khắc còn trung thành với Novotny. Tại Nga nhiều cuộc biểu-tình chống Tiệp-Khắc đang được tổ-chức và người ta công khai gọi ông Dubcek và các bạn ông là bọn « phản cách mạng ».

Nga lại còn « triệu » ông Dubcek tới Varsovie phó hội với các quốc-gia trung-thành với Nga như Ba-lan, Hung-gia-lợi, Bào-gia-lợi, Đông-Đức để giải-thích chính-sách tự-do của ông. Ông Dubcek đã từ chối không tham-gia cuộc hội-thảo này. Hơn nữa ông đang trù tính triệu tập một Đại-hội đảng Cộng sản Tiệp vào tháng 9 sắp tới để tỏ thái-độ với Nga. Hiện nay chưa rõ Nga sẽ có những phản ứng gì và một vụ « Hung-gia-lợi thứ hai » có thể xảy đến cho Tiệp-Khắc được hay không.

Trung-đông : Nasser xin thêm viện trợ ở Nga-sô

Tổng-thống Ai-cập Nasser vừa kết-thúc cuộc viếng thăm chính thức 6 ngày tại Nga.

Ông Nasser đã được nhà cầm quyền Nga tiếp đón hết sức trọng-thề. Nga tuyên bố ủng hộ Ả-rập tranh đấu chống đế quốc Do-Thái. Nhưng kết quả của cuộc viếng thăm này vẫn không lấy gì làm khả quan. Nasser xin thêm súng ống, đạn dược và cả những phần-lực-cơ Mig 23 mới nhất để tính chuyện lấy lại những lãnh thổ đã bị Do-Thái chiếm đóng. Từ tháng 6-1967 Ả-rập thua trận tới nay Nga đã giúp rất nhiều vũ khí cho Ai-Cập và các nước Ả-Rập. Nhưng Tổng-thống Nasser vẫn coi là chưa đủ. Hơn nữa Tổng-thống

Nasser lo ngại vì Nga không muốn chiến tranh giữa Ả-Rập và Do-Thái lại bùng nổ lần nữa mà lại còn làm áp-lực ngấm đềm hai bên thương thuyết ngõ hầu mở cửa kênh Suez cho Nga để dàng chở vũ khí cho Bắc-Việt.

Sợ sẽ bị Nga bỏ rơi, Nasser tung ra tin ông sẵn sàng thương thuyết với Do-Thái để nước này có thể xử dụng kênh Suez và trả lại một phần lãnh thổ đang chiếm đóng. Tin này rùm rả có mục-dích bày tỏ sự thiếu thiện chí của Do-Thái để cả Nga lẫn Mỹ đều phải ủng hộ Ai-Cập. Nhưng trong khi chờ đợi các Đại-cường thay đổi thái độ, những cuộc giao tranh giữa quân đội Ai-Cập và Do-Thái thỉnh thoảng vẫn xảy ra và Do-Thái đã oanh tạc thành-phố Suez khiến 40 thường dân phải tử nạn và nhiều cơ-sở như nhà thương, nhà thờ bị phá hủy.

Á Châu : Tại Việt-Nam, Mỹ đang phân vân giữa hòa hay chiến

Chiến cuộc tại Việt-Nam chừng nào còn tiếp diễn thì vẫn còn là một mối quan tâm của thế giới. Sau 8 năm chiến tranh, hòa hội Ba-lê đã nhóm họp giữa Mỹ và Bắc-Việt để đi tìm một giải pháp ngưng chiến. Nhưng sau 2 tháng trời với 14 phiên họp, Mỹ và Bắc-Việt vẫn chưa đi tới một sự thỏa hiệp nào. Bắc-Việt đòi Mỹ ngưng oanh tạc hoàn toàn trong khi Mỹ đòi Bắc-Việt phải đáp ứng, xuống thang chiến tranh.

Hội nghị Ba-lê đã làm cho các nhà hữu trách cũng như dân chúng ở Nam Việt-Nam e ngại không ít. Để đánh tan mối e ngại này và để xác định lập trường cho minh-bạch, một hội nghị được tổ chức tại Honolulu, ngày 19 và 20 tháng 7 vừa qua, giữa Tổng-thống Nguyễn-văn-Thiệu và Tổng-thống Johnson cùng hai phái đoàn chính phủ Việt và

Mỹ. Qua bản Thông-cáo chung được công bố khi cuộc hội đàm giữa hai vị nguyên-thủ quốc-gia bẽ mặt, ta thấy không có một dấu hiệu nào tỏ ra Mỹ có ý định bỏ rơi Việt-Nam và bắt tay với Cộng-sản. Nhiều quan sát viên cho rằng thái độ cương quyết của Nam Việt-Nam đã khiến cho Mỹ hết sức thận trọng trong việc đàm phán với Bắc-Việt.

Tuy qua các phiên họp chính thức của hội-ngị Ba-lê người ta chưa thấy một kết quả cụ thể nào, nhưng nếu nhìn vào tình-hình chiến-sự tại Việt-Nam người ta thấy Bắc-Việt có lẽ đã nhượng bộ một phần nào. Thật vậy từ một tháng nay Cộng quân bình như đã giảm bớt hoạt động chiến tranh. Ngoài ra Bắc-Việt có ý tỏ thiện-chí bằng cách thả ba phi công Mỹ đã bị Cộng-sản bắt làm tù binh. Về phía Mỹ, người ta thấy phái đoàn Mỹ cũng tỏ ra mềm dẻo. Mỹ đã hứa sẽ viện trợ kinh-tế cho cả Bắc-Việt nếu hòa bình được tái lập. Nền kinh tế kiệt quệ vì chiến tranh của Bắc-Việt làm cho Hà-Nội khó có thể từ chối một số tiền khổng lồ của Mỹ. Nhưng nếu Bắc-Việt nhận tiền của Mỹ thì Bắc-Việt sẽ phải chấp nhận một nền hòa-bình trong những điều kiện chính trị không lợi cho họ.

Một sự-kiện khác khiến Hà-Nội phải suy nghĩ là tại Mỹ, rất có thể, là hai ông Nixon và Humphrey sẽ được cử làm ứng-cử-viên chính thức của hai

đảng Cộng-hòa và Dân-chủ. Nếu ông Nixon có tiếng là « điều hâu » chủ chiến thì ông Humphrey cũng không thể được coi là « bồ câu » chủ hoà. Trong 4 năm qua, ông Humphrey đã tích-cực ủng-hộ chính-sách Việt-Nam của Tổng-thống Johnson, nếu đắc cử Tổng-thống, ông sẽ tiếp tục một phần nào chính-sách cứng rắn của chính quyền hiện hữu. Dù Nixon hay Humphrey đắc cử thì Bắc Việt cũng không có lợi. Vì vậy Bắc-Việt bắt buộc phải nhượng bộ nếu họ không muốn kéo dài một cuộc chiến tranh bất lợi cho nền kinh tế và có lẽ cho cả chính-thể của họ, Thà nhượng bộ trước còn hơn là đợi đến khi có tân Tổng-thống Hoa-kỳ mới nhượng bộ, vì làm như vậy sẽ tỏ ra mình sợ sức mạnh của Mỹ. Do đó ta sẽ không ngạc nhiên nếu trong những ngày gần đây Bắc Việt chấp nhận một giải pháp hoà bình.

Tóm lại tại Bắc cũng như tại Nam Việt, nếu người ta thực sự mong muốn chấm dứt chiến tranh thì người ta cũng không kém e ngại hoà-bình. Cả hai bên đều chưa chuẩn bị đối phó với hoà-bình, với những vấn đề chính-trị, xã-hội cũng như kinh-tế mà hoà bình chắc chắn sẽ đặt ra. Hoà-bình, đồng ý, nhưng hoà-bình với giá nào? Đó là một câu hỏi lớn mà tại cả Hà nội lẫn Saigon người ta đang tìm câu giải đáp.

TỪ TRÌ

CHIA BUỒN

Được tin Thân phụ bạn Lâm-Tô-Bông đã thất lạc tại Phú-nhuận ngày 25-7-1968,

Xin chân thành chia buồn cùng Anh Lâm-Tô-Bông và tang quyến, và thành kính cầu chúc hương hồn Cụ sớm tiêu diêu miền Cực-lạc.

Ông Bà Nguyễn-Hữu-Ngư và Lê-Ngộ-Châu

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Một Tàu

Ông già họ Mao ở Tàu lảng-xê một cái mốt mới trong văn giới và chính giới, bằng cách cho in cuốn sách trích dẫn các bài diễn văn của ông ta.

Nhưng trích dẫn cũng có nhiều cách. Dân Tàu trích lời của Mao chủ tịch là để làm cho đàn bà dễ nhanh, lúa đơm bông tốt, mặt trời tiếp tục mọc lên mỗi sáng v.v... Đồng thời, họ cũng trích các diễn văn của Krushev in vào một cuốn và mục đích để làm cho Krushev hiện hình là một tên phản bội, đáng nguyền rủa.

Một Tàu lan tràn qua Mỹ. Một cuốn trích dẫn lời Tổng thống Johnson được in ra, đề... diều Johnson.

Một Tàu lại qua Pháp. Và Jean Lacouture cho xuất bản cuốn *Citations du Président De Gaulle*. Dụng ý thì tốt, nhưng ở Pháp tìm không ra vệ binh, nên tư tưởng ấy cũng không thiêng liêng nổi.

Một Cơ-cấu

Một thần đồng bác học mười tám tuổi được nhà Minuit xuất bản một cuốn sách chắc chắn rất ấn khách, vì hợp thời : « *Mấy nhận định về cách sử dụng theo quan niệm hiện-tượng-học dấu phẩy trong các thổ-ngữ sardes, corse và bas-breton* » (De quelques aperçus de l'emploi phénoménologique de l'apostrophe dans les dialectes sardes, corses et bas-bretons).

Thần đồng ấy tên là François Soulié, ở Pháp.

Cũng như mọi dị nhân trên thế gian,

F. Soulié sống cuộc đời có lắm cái khác thường. Nguyên thân mẫu ông, sau khi ly dị chồng, bèn đem lòng yêu một người Ai-nhi-lan, tên là O'Brien. Một hôm mẹ con tâm sự, bà Soulié thú thực cùng con rằng bà cảm lòng không nổi trước sự quyến rũ của người Ai-nhi-lan này chỉ vì tên ông ta có cái dấu *apostrophe* quá hấp dẫn, hấp dẫn không chịu được.

Từ đó, F. Soulié hiểu rằng chính mình cũng không thể nào thoát khỏi sức chi phối của cái dấu *apostrophe* định mệnh. Quả nhiên, ngày nay ngoài cuốn sách nói trên và ngoài Ferdinand de Saussure người ta được biết F. Soulié hết sức khâm phục nhà văn Emmanuel d'Astier de la Vigerie. Dĩ nhiên, cũng vì tên ông này có dấu *apostrophe*.

Năm F. Soulié lên mười một tuổi được hỏi lớn lên sẽ làm gì ? Cậu bé trả lời dứt khoát : Làm Ferdinand de Saussure.

Một phê-bình mới

Françoise Sagan in cuốn *Le garde du cœur* Philippe Sollers in cuốn *Nombres*, cùng một lượt. Sagan đọc sách của P. Sollers suốt đêm rồi lồm cồm ngồi dậy viết thư cho Sollers khen rằng sách này hay không chịu được. Trong khi ấy Sollers (cùng một lứa tuổi với Sagan) cũng đọc sách của Sagan và vội vã viết thư gửi đến Sagan bảo : Sách hay không chịu được.

Không hẹn mà cả hai bức thư của hai phê-bình-gia đều kết thúc giống nhau : « Je t'embrasse ».

Một quan niệm phê bình mới vừa ra đời?

Henri de Lubac

Tên ấy còn xa lạ đối với nhiều người trong chúng ta. Nhưng trong giới Công giáo Tây phương, đó là một tên tuổi quan trọng, đầy uy tín. Toàn bộ tác phẩm của linh mục de Lubac vừa được thưởng). Giải thưởng Công giáo về văn chương (Grand prix catholique de littérature) năm 1968.

Jean Paul Sartre

Trong một cuộc phỏng vấn của báo

Der Spiegel (Đức), J.P. Sartre đã chê bai thái độ của Cộng-sản Pháp trong vụ chống De Gaulle vừa rồi.

Vụ vừa qua cho thấy đảng Cộng-sản chẳng còn hy vọng gì giải quyết được các đòi hỏi của một xã hội tân tiến. Từ đây, Cộng-sản chỉ còn hy vọng thành công ở các xứ chậm tiến quê mùa.

Còn ai sẽ thành công ở các xứ tiền tiến? Phù phép của già Mao chẳng?

TRÀNG THIÊN

Nhân cái chết của một sinh-viên



Từ ngày 22-7-68, các nhật-báo Thủ-đô đã loan tin sinh-viên Y-khoa TRẦN-QUỐC-CHƯƠNG bị ám hại.

Vì sinh-viên Trần-Quốc-Chương, ngày 25-10-1964, đã bị V.C. bắt giam một thời gian 27 tháng, mãi tới đầu năm 1967 mới được quân đội Hoa Kỳ giải-phóng, nên có nguồn dư luận cho rằng Trần Quốc Chương bị ám hại do bàn tay Cộng Sản muốn thủ tiêu một người biết nhiều bí mật về chúng, đồng thời khủng bố sinh-viên.

Nhưng cũng có dư luận cho rằng Trần-Quốc-Chương bị những phần tử thuộc các phe nhóm quốc-gia quá khích hãm hại để "dẫn mặt" những ai có tư tưởng thiên tả, đồng thời gây căm thù Cộng-Sản.

Dù sao cũng phải đợi nhà chức trách kết thúc cuộc điều tra mới rõ trắng đen.

Đề thêm tài-liệu nhận-xét, chúng tôi công bố một số chi-tiết về thân thế nạn-nhân thân thập nơi giới giáo sư và sinh viên Y-khoa.

Trần-Quốc-Chương là một thanh-niên hiếu học. Chương học văn, học toán, học võ, học đàn sáo, học chữ Hán, học lý số. Nhiều bạn và giáo sư của Chương còn giữ những lá số tử-vi của mình do Chương lấy và đoán.

Trần-Quốc-Chương say mê các công tác văn-hóa. Khi học năm thứ nhất Y-khoa, Chương làm trưởng ban ghi chép các bài giảng, dịch các danh-từ y-học ngoại-ngữ ra tiếng Việt, trình các thầy duyệt lại rồi in ronéo phân phát cho bạn bè. Có người bảo Chương: "Làm việc như vậy mất thì giờ; Cộng sản họ dạy học bằng tiếng Việt từ trên 10 năm nay, mượn tài liệu của họ về làm căn bản dịch

thuật sẽ nhanh hơn nhiều. Nếu muốn xin các tài liệu ấy, cậu cứ tới Túc-Trung chỗ ấy... chỗ ấy... có người đưa cho ». Vì lẽ đó, Chương đã đi tới chỗ hẹn và... bị bắt giữ suốt 27 tháng.

Trần-Quốc-Chương ham khảo cứu Chương đã sáng-chế ra một máy điện để chữa bệnh và dùng mạch điện để châm cứu các huyết đạo kinh mạch. Giáo sư Bùi Duy Tâm đã xét kỹ công trình khảo cứu này và giúp Chương nhiều phương-tiện làm việc như cấp thêm các máy đo lường, thiết lập phòng Y-LÝ ĐÔNG-PHƯƠNG giao cho Chương phụ trách. Gần đây, việc nghiên cứu đã đem lại nhiều kết quả tốt khiến Chương càng say mê. Hằng ngày Chương ở lại trường cả buổi trưa, ăn cơm ngay tại phòng thí-nghiệm rồi lại tiếp tục thử máy, sửa máy. Sáng ngày 20-7 trước khi xuống phòng thí, Chương còn ghé lên phòng 316 Y-lý Đông-phương thử máy và bị ám hại nơi đây. Khi Giảng-nghiệp-viên Lê-Phạm-Thủy hối hoảng vô phòng, chiếc máy đo mạch điện vẫn còn chạy...

Nhưng Chương đã.. là trần để lại một di-cảo DUY-NĂNG-LUẬN và một máy điện-tử chữa bệnh và chữa bệnh hiện còn ở trường Đại-Học Y Khoa Saigon.

Hôm đám tang Chương — sáng ngày 22-7 — ngoài tang quyến còn một số đông thầy, bạn, gồm các giáo sư và sinh viên Y-khoa. Trước khi hạ huyệt, trong số những người nói lên sự tiếc thương và lòng cảm phẫn trước cái chết phũ phàng đến thành phi-lý của người sinh viên ưu tú, có bác sĩ Bùi Duy Tâm, giáo sư Đại-Học Y-khoa Saigon (1), đã nghẹn ngào đọc một diễn văn mà chúng tôi đăng lại trọn vẹn sau đây để bạn đọc thấy trọn vẹn được niềm xúc động của một Thầy khóc Trò, mà theo lời ông, cũng là khóc « người đồng chí trong việc khảo cứu Y-lý Đông phương » :

« TRẦN QUỐC-CHƯƠNG vào đời, vài tuần lễ sau khi hai trái bom nguyên tử được thí-nghiệm trên dân-tộc Phù-Tang với những lý-do chấm-dứt chiến-tranh vô nhân-đạo, nghiên-cứu Khoa-học và phụng-sự cho hòa-bình.

« Chương lớn lên trong một gia-đình nho-phong, ba đời khoa-cử, giữa những tiếng reo hò mừng Độc-lập ngán ngùi để tiếp theo tiếng súng kháng chiến mà sau tám năm gian khổ và kiên-nhẫn, đã tạm ngưng ngày 20-7-1954. Chương lên Trung-học có năng-khiếu đặc-biệt về toán, tốt nghiệp ban Trung-học với hạng Bình và phần thưởng danh dự tại Pétrus-Ký.

« Chương bước vào ngưỡng cửa Đại-học để sửa soạn việc học Y-khoa, đúng vào năm xáo trộn nhất tại Saigon : một chế-độ bị sụp đổ và cũng là lúc quân đội ngoại-quốc bắt đầu can thiệp vào nội tình và tham chiến tại Việt-nam.

Việc học năm thứ nhất Y-khoa bị gián đoạn hơn hai năm, hoàn toàn không phải vì lý-do nào khác lý-do quá đam mê việc sưu tầm các sách Y-học cổ truyền Việt-nam. Chương trở lại trường Y-khoa vào năm 1967 để tiếp tục việc học Y-khoa thái-tây và đồng thời say sưa nghiên-cứu Y-lý Đông-phương.

30 phút trước giờ thi cuối năm thứ hai Y-khoa và ngay giữa lúc đương hí

(1) Bác-sĩ Bùi-Duy-Tâm cũng còn là Khoa-trưởng Đại-học Y-khoa Huế và Chủ-tịch Phong trào « Gió khơi ».

hoáy tìm các mạch điện để giải-thích khoa Châm-cứu tại khu Sinh-Hóa-học người ta đã đột nhập, kêu ra, uy-hiếp, để trói tay và quăng xuống từ lầu 3.

« Đó là ngày cuối tuần lễ trong năm 1968, ngày mà Chúa Trời đã tạo xong trái đất với vườn Eden và các bãi chiến trường, trên đó có « loài người », sinh vật 2 chân, yếu ớt nhất và thông minh nhất, sinh ra để thương nhau và giết nhau.

« Đó lại là ngày 20-7, ngày mà trong đúng 14 năm qua, một anh bạn miền Nam chỉ có thể gặp đồng bào miền Bắc trên bãi chiến trường hay trong giấc mơ... »

« Ôi ! Thế là trâm gãy, bình rơi. Sao người ta nỡ đập tan tành chiếc chén ngọc của Tạo Hóa một cách nhẫn tâm như vậy ? Sao người ta dám ngang nhiên làm cái việc « không con người » đó ngay trước mắt các thầy và các bạn ? »

« Phải chăng tòa lâu đài Y-khoa nguy nga và đồ sộ đó chỉ bằng đất và đá, nên đã quá thừa nhiên với cái chết tức tưởi của một thanh-niên chưa đầy 23.

« Phải chăng mái nhà Giáo-Dục cũng chỉ là vô tri vô giác, không có một bàn tay bằng thép để quét sạch cái hòn đá cản đường tiến của dân-tộc và lại thiếu một bàn tay êm dịu như nhung để ôm ấp các viên ngọc văn hóa của quốc-gia.

« Một vì sao rơi làm náo lòng người thi-sĩ trong một đêm không trăng — nhưng bầu trời còn hằng hà sa số các vì tinh tú.

« Một vòm mây bạc cắt ngang đỉnh núi, bỗng chốc tan tác thành sương rơi làm đau lòng người nghệ-sĩ — Nhưng sương còn rơi thì mây còn tụ lại được.

« Ông bà Chánh-án Trần-Thúc-Linh mất đi một người con dĩnh ngộ như chết đi một phần cõi lòng — Nhưng ông bà Trần-Thúc-Linh còn bày mối hy vọng ở 7 người con còn lại.

« Chúng tôi những người có thành tâm với nền văn-hóa dân tộc, với nền giáo-dục Y-khoa, với sự phục hưng lại ngành Y-lý Đông phương. Mất Trần-Quốc-Chương, chúng tôi mất đi hẳn một cánh tay, không thể thay thế được — Nói như vậy là quá chằng — Không, không, chúng tôi nói thật, tuy rằng là một sự thật chưa sót. Người ta đa số học làm thầy thuốc để chữa bệnh cứu người và nhất là cứu gia-đình mình. Có mấy ai, vì sự sống còn của đất nước, vì sự kiêu hãnh của dân tộc, mà ngày đêm cứ sao nhãng việc học vinh thân phì gia, cứ lao đầu mạo hiểm vào việc sưu-tầm, phát-triển kho tàng văn-hóa bị lãng quên của ông cha để lại ? Trong vòng các cậu thanh-niên đang tuổi ăn diện thì chỉ có Trần-Quốc-Chương thôi... chỉ có Chương thôi.

« Ông bà Trần-thúc-Linh ơi ! Tôi xin bày tỏ sự thán phục của tôi về cách nuôi dạy con cái của ông bà. Trời muốn an ủi ông bà vì Loa còn tàn, nguyệt còn khuyết, nương dâu xanh rờn kia phút chốc còn biến thành biển khơi, huống chi con người...

« Nhưng không được, không được, ông bà Trần-thúc-Linh ơi, vì tôi đau khổ còn hơn ông bà nhiều.

« Chương hỡi !... Chương vẫn thường nói với tôi : « Theo số tử-vi, thế nào cũng có lúc Thanh-Long gặp Hóa-Ky, thầy lừa như rồng gặp mây, lúc đó thầy nhớ tới em nhé ? » Em Chương ơi ! Đời tôi đã hiến dâng cho sự kiêu hãnh của Quốc-gia — Lúc tôi đắc vận « Thanh Long ngộ Hóa-Ky » là lúc Tổ-quốc thân yêu của chúng ta gặp hội Rồng Mây đó em Chương ạ. Nhưng lúc đó đâu còn em... ?

« CHƯƠNG ơi., CHƯƠNG !!!

Sách báo mới

Tạp-chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác-giả, dịch-giả, nhà xuất-bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Chiến Quốc Sách** (quyển II) do Giản Chi và Nguyễn-Hiến Lê giới thiệu, dịch và chú thích, Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Chiến-Quốc Sách gồm 2 tập, riêng tập II này dày trên 400 trăm trang gồm chương IV đến chương X và phần phụ lục, từ Sở Sách, Triệu Sách đến Ngụy, Hàn, Yên, Tống, Vệ và Trung Sơn Sách. Toàn bộ 2 tập gồm khoảng 200 « cổ sự » chọn lọc. Bản đặc biệt.

— **Bản tình ca** tập truyện của Thế-Uyên do Thái-độ xuất bản trong tủ sách Văn-nghệ xám, và tác-giả gửi tặng. Sách dày 164 trang gồm 5 truyện ngắn đặc sắc của tác giả. Bản đặc biệt giá 85 đ.

— **Đêm đêm đèn sáng**, nguyên tác « A lamp for nightfall » của Erskine Caldwell, bản Việt-văn của Hoàng Ưng, nguyệt san Văn Uyển xuất bản và gửi tặng. Sách dày 222 trang, bìa do Nguyễn-Trung minh họa. Giá 50 đ.

— **Tân văn** số 3 tháng 7 - 1968, Nguyệt san nghiên-cứu phê-bình văn-học. Mỗi số dày 128 trang gồm những bài khảo luận và phê bình văn học của Đặng-Tiến, Trần-thiện-Đạo, Huỳnh-phan-Anh, Trương - văn - Chình, Võ Phiến, Trần-phong-Nhã, Lãng-Nhân .. Giá 30 đ.

— **Đồng-nai văn-tập**, nguyệt san phát-huy văn-hóa dân tộc, do ô. An-Cư làm Chủ nhiệm, bộ mới số 8 (tháng 6 và 7 1968) dày trên 40 trang gồm những bài của Đắc-Thăng. (Một lối viết tiểu thuyết),

An Cư và Lê-duy-Tâm. Giá 20 đ.

— **Những bài ca khai phá** (tập 1) của Nguyễn-Đức-Quang do Quảng-Hóa xuất bản và cơ sở xuất bản gửi tặng. Sách dày 28 trang gồm 15 bản nhạc và lời ca do Nguyễn-Đức-Quang sáng tác, Phạm-Duy đề tựa, hòa âm của Ngô-Mạnh-Thu, bìa và phụ bản của Nguyễn-Đồng.

— **Người nghệ sĩ bất khuất** truyện thiếu nhi do nhà xuất-bản Xói-Đất ấn hành và gửi tặng. Sách dày 32 trang gồm 2 truyện : « Người nghệ sĩ bất khuất » của Liên-Phong và « Tài thiện xạ » truyện vui của Võ-Thanh-Cần. Giá 15 đ.

— **Vũ điệu tử hờn** của Phong-Son, do Xói-Đất xuất bản và gửi tặng. Truyện thiếu nhi dày 28 trang. Giá 15 đ.

— **Sử Địa**, số 11, tập san sưu tầm, khảo cứu, giáo khoa, do ô. Nguyễn-Nhã làm Chủ nhiệm, nhà sách Khai-Trí bảo trợ. Mỗi số dày 240 trang, gồm những bài biên khảo của Hoàng - xuân - Hãn, Nguyễn thế Anh, Phan Khoang, Nguyễn-Hải, Lê-Uớc, Trần đăng Đại, Đặng-phương-Nghi v.v... Giá 80 đ.

— **Việt nam, Our Beloved Land**, bản Anh ngữ dịch tác phẩm « Việt-Nam quê hương yêu dấu » của hai nhiếp ảnh gia Cao-Đàm, Cao - Linh, trình bày quê hương đất nước bằng những hình ảnh, sắp xếp theo 8 chủ đề, mỗi chủ đề đều có một bài giới thiệu. Với một kỹ-thuật ấn-loát tân kỳ tại Nhật-bản, nhà xuất bản Charles E. Tuttle Co. lần đầu tiên đã tung ra thị-trường các nước một tác phẩm gồm những hình ảnh Việt-Nam tuyệt đẹp và trung thực.